

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Thực hiện Nghị quyết số 33 /2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Bảng giá đất được áp dụng trong 05 năm, bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ℓ*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin – Văn phòng UBND tỉnh;
- Các PCVP, các CV;
- Lưu: VT, ND

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Tài liệu này được lưu trữ tại http://www.felamd.vn

QUY ĐỊNH

Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 -2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Giá các loại đất quy định tại Quyết định này được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính thuế sử dụng đất;

c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật đất đai năm 2013;

c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 2. Phân loại xã, đô thị và đường phố để xác định giá

1. Phân loại xã

Việc xác định loại xã đối với đất nông nghiệp; đất ở tại nông thôn; đất thương mại dịch vụ tại nông thôn; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn được thực hiện theo 3 loại xã: Đồng bằng, trung du, miền núi, cụ thể như sau:

- Xã đồng bằng bao gồm xã, phường, thị trấn có mật độ dân số đông, kết cấu hạ tầng và điều kiện sản xuất, lưu thông hàng hóa thuận lợi nhất so với mặt bằng chung của tỉnh và mặt bằng tại các huyện, thành phố.

- Xã trung du là xã có mật độ dân số thấp hơn đồng bằng, kết cấu hạ tầng và điều kiện sản xuất, lưu thông hàng hóa không thuận lợi bằng xã đồng bằng.

- Xã miền núi là các xã còn lại.

(Chi tiết phân loại xã theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Phân loại đô thị

- Thành phố Cao Bằng là "Đô thị Loại III"

- Thị trấn các huyện tương đương với "Đô thị Loại V".

3. Nguyên tắc phân loại đường phố:

Căn cứ vào vị trí, mức độ thuận lợi của kết cấu hạ tầng cho sinh hoạt đời sống, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách tới khu trung tâm thương mại, dịch vụ gần nhất để xác định mức giá của từng loại đường, đoạn đường phố. Đường phố loại I có giá cao nhất; các đường phố tương ứng tiếp theo có mức giá giảm dần.

Số lượng loại đường phố:

- Thành phố Cao Bằng được chia ra làm 10 loại đường (Từ I đến X).

- Các thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh được chia ra làm 5 loại đường (Từ I đến V).

4. Trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã thì giá các loại đất được áp dụng thực hiện theo địa giới hành chính đã quy định tại thời điểm ban hành Bảng giá đất.

Chương II GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

Điều 3. Hệ thống Bảng giá các loại đất

Hệ thống Bảng giá các loại đất của 13 huyện, thành phố *(có phụ lục số 02 đến 14 kèm theo)* phân chia theo nhóm đất như sau:

1. Nhóm đất nông nghiệp

- Bảng 1: Bảng giá đất trồng lúa;
- Bảng 2: Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác;
- Bảng 3: Bảng giá đất trồng cây lâu năm;
- Bảng 4: Bảng giá đất rừng sản xuất;
- Bảng 5: Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Bảng 6: Bảng giá đất ở tại nông thôn;
- Bảng 7: Bảng giá đất ở đô thị;

Điều 4. Phụ lục Bảng giá các loại đất của 13 huyện, thành phố

1. Phụ lục số 2: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Bảo Lâm;
2. Phụ lục số 3: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Hà Quảng;
3. Phụ lục số 4: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bảo Lạc;
4. Phụ lục số 5: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Nguyên Bình;
5. Phụ lục số 6: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Hòa An;
6. Phụ lục số 7: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Thông Nông;
7. Phụ lục số 8: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Hạ Lang;
8. Phụ lục số 9: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Thạch An;
9. Phụ lục số 10: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Trùng Khánh;
10. Phụ lục số 11: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Trà Lĩnh;
11. Phụ lục số 12: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Quảng Uyên;
12. Phụ lục số 13: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Phục Hòa;
13. Phụ lục số 14: Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn Thành phố Cao Bằng.

Chương III

MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH KHI XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Điều 5. Nhóm đất nông nghiệp

Căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng, điều kiện sản xuất của từng xã, mỗi xã được phân chia thành 03 vùng (không áp dụng cho đất rừng sản xuất), gồm: vùng 1, vùng 2, vùng 3 để làm căn cứ xác định giá của các loại đất.

- Vùng 1: Áp dụng cho các khu đất được tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc mép đường (đối với đường chưa có quy định về chỉ giới đường đỏ) của đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường trung tâm xã vào đến hết mét thứ 120;

- Vùng 2: Áp dụng cho các khu đất được tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc mép đường (đối với đường chưa có quy định về chỉ giới đường đỏ) của đường giao thông liên xã, đường giao thông thôn, xóm có độ rộng mặt đường $\geq 1,5$ m vào đến hết mét thứ 120; Các khu đất tiếp giáp với vùng 1 từ mét thứ 121 đến mét thứ 240;

- Vùng 3: Các khu đất còn lại của đất nông nghiệp.

Điều 6. Nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đối với đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị

a) Cách xác định vị trí:

- Vị trí 1: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30 của các tuyến đường, trục đường (được quy định cụ thể tại bảng giá đất các huyện, thành phố).

- Vị trí 2: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc các đường phố đường nhánh và các đường ngõ có chiều rộng mặt đường từ 3m trở lên.

- Vị trí 3: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc các đoạn đường phố, đường nhánh và các đường ngõ có chiều rộng mặt đường từ 2,5 m đến dưới 3m.

- Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

b) Giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị được tính bằng 80% bảng giá đất ở đô thị được xác định cùng vị trí.

c) Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị được tính bằng 60% bảng giá đất ở đô thị được xác định cùng vị trí.

2. Đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn.

a) Cách xác định vị trí:

- Vị trí 1: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đường giao thông chính (Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện), các đường xung quanh chợ có chiều rộng từ 3m trở lên (được quy định cụ thể tại bảng giá đất các huyện, thành phố).

- Vị trí 2: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đoạn đường giao thông, đường nhánh và các đường thôn, xóm có chiều rộng mặt đường trên 2m đến dưới 3m;

- Vị trí 3: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đoạn đường giao thông, đường nhánh và các đường thôn xóm có chiều rộng mặt đường từ 1m đến dưới 2m.

- Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

b) Giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 80% bảng giá đất ở nông thôn được xác định cùng vị trí.

c) Giá đất đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 60% giá đất ở nông thôn được xác định cùng vị trí.

Điều 7. Xác định giá cho một số loại đất khác

1. Đất nuôi trồng thủy sản xen kẽ trong các thửa đất trồng lúa, giá đất được tính bằng giá thửa đất trồng lúa liền kề.

2. Trường hợp đất trồng cây hàng năm khác canh tác không thường xuyên (bỏ hoá không canh tác liên tục quá 3 năm) được tính bằng 0,5 lần so với giá đất tương ứng.

3. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, xây dựng công trình sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất phi nông nghiệp khác, đất xây dựng các công trình vào mục đích công cộng. Áp dụng theo giá đất ở liền kề (trường hợp không có giá đất liền kề thì xác định giá đất theo vị trí, đường phố đất ở đô thị, đất ở nông thôn).

4. Đối với đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và các mục đích công cộng khác (không có các công trình xây dựng trên đất) thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất để quy định theo giá đất nông nghiệp liền kề (xác định theo loại xã và vùng).

5. Đất xây dựng nhà kho, chuồng trại của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không gắn liền với đất ở để chứa vật nuôi, nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp thì giá đất được quy định bằng mức giá đất nông nghiệp liền kề có mức giá cao nhất (xác định theo loại xã và vùng).

6. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: mức giá được quy định bằng giá của loại đất nông nghiệp liền kề (trường hợp liền kề với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ thì tính bằng giá đất rừng sản xuất). Trường hợp liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì giá được quy định bằng giá của loại đất nông nghiệp có mức giá cao nhất.

Điều 8. Xác định giá đất cho một số trường hợp cụ thể

1. Áp dụng đối với đất nông nghiệp

a) Đối với các thửa đất liền kề giữa hai loại xã khác nhau và hai vùng khác nhau trong cùng một xã thì giảm giá của loại xã, vùng có mức giá cao hơn từ 0,95 đến 0,9. Mức giảm mỗi lần là 0,05 áp dụng cho chiều dài 50m;

b) Các thửa đất nằm trong cùng vùng đất nhưng thửa đất có độ chênh (cao, thấp) so với mặt đường liền kề từ 3m-5m thì giá đất tính bằng 0,9 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng; từ 5m trở lên giá đất tính bằng 0,8 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng.

c) Đối với thửa đất tiếp giáp hai vùng có giá khác nhau thì áp dụng theo vùng có giá cao nhất;

d) Đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thì được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm;

đ) Đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất) trong khu vực thị trấn và khu vực cửa khẩu đã được phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1:2000 (đến thời điểm ban hành bảng giá đất) của các huyện được nhân với hệ số $k=1,25$ giá trong bảng giá đất.

2. Áp dụng đối với đất phi nông nghiệp

a) Trường hợp thửa đất tiếp giáp với nhiều loại đường phố, nhiều loại xã (hoặc nhiều vị trí) thì thửa đất đó được tính theo loại đường phố, loại xã (hoặc vị trí đất) có mức giá cao nhất;

b) Trường hợp thửa đất có chiều sâu lớn hơn 30m thì giá đất vị trí tiếp theo được tính bằng 0,8 lần so với vị trí trước (áp dụng cho mỗi lần giảm là 30m);

c) Thửa đất không thuộc mặt tiền của vị trí 1 và vị trí 2 của đường phố chính, đường nhánh nhưng nằm trong cự li 30 m đầu thì được tính theo giá của vị trí thấp hơn liền kề (áp dụng cho cả đất liền thửa và không liền thửa của vị trí 1 và vị trí 2);

d) Cùng vị trí đất và loại đường phố, loại xã nhưng thửa đất có độ chênh (cao, thấp) so với đường phố, loại xã (hoặc mặt bằng chung khu vực) từ 3m đến dưới 5m thì giá đất được tính bằng 0,8 lần giá vị trí đất tương ứng, từ 5m trở lên thì giá đất được tính bằng giá đất vị trí tiếp theo (áp dụng cho các vị trí 1, 2, 3);

e) Đối với các vị trí đất liền kề giữa hai loại đường phố, theo trục đường khu vực nông thôn có mức giá khác nhau (chênh lệch $>20\%$) thì nâng giá của vị trí đất liền kề thuộc loại đường có mức giá thấp hơn từ 1,2 đến 1,05 lần theo thứ tự giảm dần. Mức giảm mỗi lần là 0,05 áp dụng cho chiều dài 30m (áp dụng cho cả đất liền kề cùng xã, xã tiếp giáp thành phố, thị trấn, giữa hai loại xã khác nhau);

g) Đối với đường phố, đường khu vực nông thôn chưa quy định cụ thể trong bảng giá đất thì căn cứ vào đường phố, đường khu vực nông thôn, vị trí đất liền kề có mức giá cao nhất để xác định giá vị trí đó theo mức giá thấp hơn liền kề.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định này. Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá các loại đất trên địa bàn và tổng hợp các vướng mắc phát sinh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Giao Cục thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thu tiền sử dụng đất theo quy định này.

3. UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định này; chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các phòng chức năng theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên địa bàn, định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng thời gian quy định.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh



Tài liệu này được lưu trữ tại [http:// cafeland.vn](http://cafeland.vn)

PHỤ LỤC SỐ 01
PHÂN LOẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Số lượng các xã
		Xã đồng bằng	23
		Xã trung du	42
		Xã miền núi	134
		TOÀN TỈNH	199
I	HUYỆN BẢO LÂM		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Pác Miêu	
2		Xã Lý Bôn	
	Xã miền núi		
3		Xã Mông Ân	
4		Xã Đức Hạnh	
5		Xã Nam Cao	
6		Xã Nam Quang	
7		Xã Quảng Lâm	
8		Xã Tân Việt	
9		Xã Thạch Lâm	
10		Xã Thái Học	
11		Xã Thái Sơn	
12		Xã Vĩnh Phong	
13		Xã Vĩnh Quang	
14		Xã Yên Thổ	
II	HUYỆN HÀ QUẢNG		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Xuân Hoà	
	Xã trung du		
2		Xã Trường Hà	
3		Xã Nà Sác	
4		Xã Sóc Hà	
5		Xã Đào Ngạn	
6		Xã Phù Ngọc	
	Xã miền núi		
7		Xã Cải Viên	
8		Xã Hạ Thôn	
9		Xã Hồng Sỹ	
10		Xã Kéo Yên	
11		Xã Lũng Nặm	
12		Xã Mã Ba	
13		Xã Nội Thôn	

14		Xã Quý Quân	
15		Xã Sỹ Hai	
16		Xã Tổng Cột	
17		Xã Thượng Thôn	
18		Xã Vân An	
19		Xã Vân Dính	
III	HUYỆN BẢO LẠC		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Bảo Lạc	
	Xã miền núi		
2		Xã Hồng Trị	
3		Xã Bảo Toàn	
4		Xã Cô Ba	
5		Xã Cốc Pàng	
6		Xã Đình Phùng	
7		Xã Hồng An	
8		Xã Huy Giáp	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Hưng Thịnh	
11		Xã Kim Cúc	
12		Xã Khánh Xuân	
13		Xã Phan Thanh	
14		Xã Sơn Lập	
15		Xã Sơn Lộ	
16		Xã Thượng Hà	
17		Xã Xuân Trường	
IV	HUYỆN NGUYỄN BÌNH		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Nguyễn Bình	
	Xã miền núi		
2		Thị trấn Tĩnh Túc	
3		Xã Bắc Hợp	
4		Xã Minh Thanh	
5		Xã Minh Tâm	
6		Xã Thê Dục	
7		Xã Lang Môn	
8		Xã Ca Thành	
9		Xã Hoa Thám	
10		Xã Hưng Đạo	
11		Xã Mai Long	
12		Xã Phan Thanh	
13		Xã Quang Thành	
14		Xã Tam Kim	
15		Xã Thái Học	
16		Xã Thành Công	
17		Xã Thịnh Vượng	

18		Xã Triệu Nguyên	
19		Xã Vũ Nông	
20		Xã Yên Lạc	
V	HUYỆN HÒA AN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Nước Hai	
2		Xã Bế Triều	
3		Xã Đức Long	
	Xã trung du		
4		Xã Bình Long	
5		Xã Hồng Việt	
6		Xã Hoàng Tung	
7		Xã Nam Tuấn	
8		Xã Dân Chủ	
	Xã miền núi		
9		Xã Hồng Nam	
10		Xã Bạch Đằng	
11		Xã Đại Tiến	
12		Xã Lê Chung	
13		Xã Nguyễn Huệ	
14		Xã Bình Dương	
15		Xã Công Trừng	
16		Xã Đức Xuân	
17		Xã Hà Tri	
18		Xã Ngũ Lão	
19		Xã Quang Trung	
20		Xã Trung Vương	
21		Xã Trương Lương	
VI	HUYỆN THÔNG NÔNG		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Thông Nông	
	Xã trung du		
2		Xã Lương Can	
	Xã miền núi		
3		Xã Càn Nông	
4		Xã Càn Yên	
5		Xã Ngọc Động	
6		Xã Vị Quang	
7		Xã Yên Sơn	
8		Xã Lương Thông	
9		Xã Đa Thông	
10		Xã Bình Lăng	
11		Xã Thanh Long	
VII	HUYỆN HẠ LANG		

	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Thanh Nhật	
	Xã trung du		
2		Xã Việt Chu	
3		Xã Quang Long	
4		Xã Thị Hoa	
5		Xã Lý Quốc	
	Xã miền núi		
6		Xã An Lạc	
7		Xã Cô Ngân	
8		Xã Đồng Loan	
9		Xã Đức Quang	
10		Xã Kim Loan	
11		Xã Minh Long	
12		Xã Thái Đức	
13		Xã Thắng Lợi	
14		Xã Vinh Quý	
VIII	HUYỆN THẠCH AN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Đông Khê	
	Xã trung du		
2		Xã Lê Lai	
3		Xã Đức Xuân	
4		Xã Đức Long	
5		Xã Vân Trình	
6		Xã Kim Đồng	
7		Xã Thị Ngân	
	Xã miền núi		
8		Xã Canh Tân	
9		Xã Danh Sỹ	
10		Xã Đức Thông	
11		Xã Lê Lợi	
12		Xã Minh Khai	
13		Xã Quang Trọng	
14		Xã Thái Cường	
15		Xã Thụy Hùng	
16		Xã Trọng Con	
IX	HUYỆN TRÙNG KHÁNH		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Trùng Khánh	
	Xã trung du		
2		Xã Chí Viễn	
3		Xã Cảnh Tiên	
4		Xã Phong Châu	
5		Xã Đức Hồng	
6		Xã Thông Huê	

7		Xã Đình Minh	
	Xã miền núi		
8		Xã Đàm Thủy	
9		Xã Lăng Hiếu	
10		Xã Đình Phong	
11		Xã Khâm Thành	
12		Xã Đoài Côn	
13		Xã Lăng Yên	
14		Xã Thân Giáp	
15		Xã Cao Thắng	
16		Xã Ngọc Côn	
17		Xã Ngọc Chung	
18		Xã Ngọc Khê	
19		Xã Phong Nặm	
20		Xã Trung Phúc	
X	HUYỆN TRÀ LĨNH		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Hùng Quốc	
	Xã trung du		
2		Xã Cao Chương	
	Xã miền núi		
3		Xã Quang Hán	
4		Xã Quốc Toàn	
5		Xã Cô Mười	
6		Xã Lưu Ngọc	
7		Xã Quang Trung	
8		Xã Quang Vinh	
9		Xã Tri Phương	
10		Xã Xuân Nội	
XI	HUYỆN QUẢNG UYÊN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Quảng Uyên	
2		Xã Quốc Phong	
	Xã trung du		
3		Xã Chí Thảo	
4		Xã Độc Lập	
5		Xã Phúc Sen	
6		Xã Quảng Hưng	
7		Xã Bình Lăng	
8		Xã Quốc Dân	
	Xã miền núi		
9		Xã Hồng Định	
10		Xã Cai Bộ	
11		Xã Tự Do	
12		Xã Đoài Khôn	
13		Xã Hạnh Phúc	

14		Xã Hoàng Hải	
15		Xã Hồng Quang	
16		Xã Ngọc Động	
17		Xã Phi Hải	
XII	HUYỆN PHỤC HOÀ		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Hòa Thuận	
2		Thị trấn Tà Lùng	
	Xã trung du		
3		Xã Đại Sơn	
4		Xã Mỹ Hưng	
5		Xã Cách Linh	
	Xã miền núi		
6		Xã Hồng Đại	
7		Xã Lương Thiện	
8		Xã Tiên Thành	
9		Xã Triệu Âu	
XIII	THÀNH PHỐ CAO BẰNG		
	Xã đồng bằng		
1		Phường Duyệt Trung	
2		Phường Đề Thám	
3		Phường Hòa Chung	
4		Phường Hợp Giang	
5		Phường Ngọc Xuân	
6		Phường Sông Bằng	
7		Phường Sông Hiến	
8		Phường Tân Giang	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Vĩnh Quang	
	Xã trung du		
11		Xã Chu Trinh	



PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LÂM

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	23
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
			Vùng 1
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Lý Bôn				
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) đến ngã ba đầu cầu quốc lộ 4c, ngã ba đường rẽ vào chợ đến hết Bưu điện văn hóa xã	420	315	236	189
	Đất thuộc khu vực trung tâm chợ xã Lý Bôn	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Nông Văn Lực (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 200) (bên xóm Nà Pồng)	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà bà Tô Thị Hương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 216) cột sóng Viettel đến cây xăng Lý Bôn	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ Cây xăng Lý Bôn đến hết địa phận xã Lý Bôn theo quốc lộ 34	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) dọc theo Quốc lộ 34 đến nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) - Pác Kín xóm Nà Pồng	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) đến ngã ba đường rẽ đi xã Vĩnh Phong	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ cầu Lý Bôn dọc theo quốc lộ 4c (bên xóm Nà Mạt) đến hết địa phận xóm Nà Mạt theo quốc lộ 4c.	270	203	152	122
	Đoạn đường ô tô đi lại được xung quanh trường cấp II, III Lý Bôn	196	147	110	88
	Đất mặt tiền từ dọc quốc lộ 4c chạy qua các xóm Tổng Ác, Pác Rà, Khuổi Vin, đến đầu cầu Nà Tông.	196	147	110	88
	Đất mặt tiền chạy từ ngã ba quốc lộ 4c đến đường rẽ đi xóm Phiêng Pên (đi qua các xóm Nà Kháng, Pác Pết, Phiêng Pên, Phiêng Lũng, Phiêng Dăm)	196	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c qua đường rẽ xóm Pác Rà đến xóm Nà Mỹ	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c đường rẽ xóm Nà Tổng, Nà Mầu, Đông Sang	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Pác Ruộc đi xã Đức Hạnh (đi các xóm Nà Mạt Khuổi Bon)	196	147	110	88
	Đoạn đường từ Nà Sài, Pác Ruộc đầu cầu treo xóm Nà Tôm bên xóm Pác Ruộc	196	147	110	88
II	Xã Miền Núi				
1	Xã Mông Ân				
	Các vị trí đất mặt tiền khu vực trung tâm xã	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn từ thị trấn Pác Miầu đến đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân (đi qua các xóm Lũng Vài, Nà Bon)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn từ đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đến cầu Nà Làng (đi qua xóm Nà Làng)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn ngã ba đường rẽ nhà ông Sùng Văn Lồng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55) đến trường tiểu học xóm Lũng Vài	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ đi xóm Nà Pồng vào đến nhà ông Hoàng Văn Thén (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 136)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba xóm Đon Sài, Nà Pồng đến giáp xóm Khau Dề xã Thái Sơn	230	173	129	104
2	Xã Vĩnh Phong				
	Đất mặt tiền dọc đường rẽ Quốc lộ 34 theo đường vào xã đến xóm Bản Phườn mà ô tô đi lại được.	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ xóm Nà Hù đến trụ sở UBND xã Vĩnh Phong	230	173	129	104
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ xóm Phiên Diêm đến trường tiểu học xóm Phía Tráng	230	173	129	104
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ UBND xã đến xóm Ẽn Nội	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Ân Ngoại đi trường tiểu học xóm Ân Cổ	230	173	129	104
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Bản Phườn đến trường tiểu học xóm Nậm Tăn	230	173	129	104
3	Xã Vĩnh Quang				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Nà Tôm;	270	203	152	122
	Đoạn mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ ngã ba đường mới rẽ vào xã Vĩnh Quang về phía Bảo Lạc đến hết nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03), về phía Bảo Lâm đến hết nhà bà Liên Thị Nhâm (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 03) (Nà Tôm);	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân đến hết Trạm Y tế xã và toàn bộ khu vực mặt tiền chợ xã.	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ tiếp Trạm Y tế xã đến hết xóm Bản Miều;	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03) theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp huyện Bảo Lạc).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Ngâm Cá, Thiêng Nà, Cốc Tém, Khuổi Nậy, Đông Kẹn	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Ngà, Khuổi Rò, Nậm Lạn, Nà Hiên, Khâu Sáng	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Nà Hù	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Phia Nà	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Cài - Nà Pháo	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Pác Đoa	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Ngâm Cá - Ấc Ề	230	173	129	104
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Nậm Uôm	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tuyến đường Đông Kện - Nà Lầu	230	173	129	104
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Kim Cúc, Bảo Lạc đoạn từ ngã ba Khau Sáng đến hết địa giới xã Vĩnh Quang	230	173	129	104
4	Xã Đức Hạnh				
	Đất mặt tiền đường giao thông huyện lộ thuộc xóm Cốc Phung	230	173	129	104
	Tuyến đường huyện lộ giáp Bảo Toàn qua Xóm Đội Lý đến xóm Cốc Phung	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung đi xóm Nà Sa đến xóm Chè Lý A	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung qua xóm Nà Hu đến xóm Hát Han	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Đội Lý qua Cà Pên B, Cà Pên A	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Đội Lý qua ngã ba Ngâm Trái đến xóm Cà Đồng	230	173	129	104
	Tuyến đường qua xóm Chè Lý A đến xóm Hát Han	230	173	129	104
5	Xã Yên Thổ				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Bản Trang;	270	203	152	122
	Đất mặt tiền đường giao thông của xóm Bản Trang I	270	203	152	122
	Đất dọc đường giao thông huyện lộ từ ranh giới xã Thái Học đến đầu xóm Bản Trang I.	230	173	129	104
	Tuyến đường từ trung tâm xóm Lũng Cuối đi Chòm Xóm	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Chang I - Bản Chang II - Nà Sài	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Vàng - Nà Sài	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khuổi Sáp - Khuổi Chuông	230	173	129	104
6	Xã Quảng Lâm				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông huyện lộ từ đầu cầu treo xã Quảng Lâm đến giáp ranh xã Thạch Lâm	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường giao thông nội Xóm Bản Nà (Từ ngã ba chân dốc Xóm Bản Nà nhà ông Dương Văn Tài (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 178) đến hết đoạn nhà ông Hoàng Văn Thành (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 150) giáp nhà ông Hoàng Văn Đông)	270	203	152	122
	Từ đầu cầu Quảng Lâm đi vào hết đoạn đường nhà ông Lân Văn Phong (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 196)	270	203	152	122
	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Bảo Lê (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 180) đi hết đoạn đường giao thông lên Khau Củng, xóm Phiêng Mường	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến xóm Tổng Chảo (Từ nhà ông Lý Văn Lập (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 133) đầu ngõ của xóm đến phân trường Tổng Chảo)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát (Từ đường rẽ nhà ông Lục Tuyên Ngôn (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 133) xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu xóm Phiêng Mường đi hết đoạn đường giao thông đường lên Khau Củng	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu Pác Khuổi đến đầu cầu treo xóm Nặm Miòng	270	203	152	122
7	Xã Tân Việt				
	Đất mặt đường thuộc trung tâm xã - xóm Nà Pù.	230	173	129	104
	Tuyến đường từ đầu cầu Nà Đáng đến đèo Tà Sa, xóm Khuổi Qua	230	173	129	104
8	Xã Nam Quang				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông thuộc xóm Tổng Phườn	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt đường từ xóm Nà Phạ đến xóm Đôn Sài (trừ đoạn qua xóm Tổng Phườn) mà ô tô đi lại được.	230	173	129	104
9	Xã Thạch Lâm				
	Đất mặt tiền xung quanh chợ Bản Luầy	270	203	152	122
	Tuyến đường từ đầu cầu cứng gần nhà ông Dương Văn Sơn (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 227) - xóm Tổng Dùn qua UBND xã đến đầu cầu cứng xóm Sác Ngà	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba Sác Ngà đi xóm Khau Noong đến xóm Lũng Kim	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba đầu cầu Chợ Bản Luầy đi đến xóm Cốc Páp	270	203	152	122
10	Xã Thái Sơn				
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng gần chợ đến UBND Xã Thái Sơn	230	173	129	104
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Thái Học đến đầu cầu cứng gần chợ	230	173	129	104
	Đoạn đường từ UBND Xã Thái Sơn đến Trường THCS Thái Sơn	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Nà Bả (trong xóm Nậm Trà) đến Trường Tiểu học Lũng Trang	230	173	129	104
	Từ ngã ba Nà Nàng đi đến điểm trường Nà Bó	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Trường Tiểu học Khau Dề tới xóm Bản Lìn	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nậm Trà - Nà Bả	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba gần Trường THCS Thái Sơn theo đường đi xóm Khuổi Đuốc tới xóm Nà Lóm	230	173	129	104
11	Xã Nam Cao				
	Đoạn từ trường THCS Nam Cao đến dọc đường trung tâm chợ Phia Cọ	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ - Bản Cao - Nà Mon đi xã Ngọc Long thuộc tỉnh Hà Giang	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ đi 2 xóm Bản Bung - Phia Cò	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tuyến đường từ xóm Bàn Bung đi đến địa giới hành chính xóm Nà Nhuộm thuộc xã quản lý	230	173	129	104
	Tuyến đường từ xóm Phia Cọ đi 2 xóm Khuổi Piat - Nặm Đang	230	173	129	104
12	Xã Thái Học				
	Đất mặt tiền từ trường Bán trú đến đầu cầu đi Yên Thổ;	420	315	236	189
	Đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ ngã ba giáp nhà ông Vũ Ngọc Pha (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 92) theo đường đi xã Thái Sơn đến đường rẽ lên trụ sở UBND xã Thái Học	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bàn Pó đến Trường Bán trú Thái Học.	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đường giao thông Bàn Bó đi xã Thái Sơn đến hết địa giới xã Thái Học.	196	147	110	88

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Pác Miầu				
1	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) đến hết đất của Kho bạc Nhà nước;	1.360	1.020	765	536
	Đoạn đường từ Kho Bạc Nhà nước đến ngã ba đường rẽ lên UBND huyện;				
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.				
2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ lên UBND huyện đến công chào Khu 4	982	737	552	387
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) theo Quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang đến công chào Khu 2				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) lên chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở				
3	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (tiếp đất nhà bà Sầm Thị Tươi (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 153) đến ngã ba đường đi xã Mông Ân đi tiếp vào trường Nội trú.	710	533	399	280
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Mông Ân đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1)				
	Đoạn đường từ nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96) đi công sau Công ty CKC				
	Đoạn đường giao thông đi xóm Mạ Rại bắt đầu từ ngã ba rẽ vào khu tập thể UBND huyện (thường gọi là khu tập thể Mạ Rại) đến trung tâm xóm Mạ Rại				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi xóm Phiêng Phay, đến trung tâm xóm Phiêng Phay				
	Đoạn đường từ Cổng chào Khu 4 theo Quốc lộ 34 đi xóm Nà Ca, tới trung tâm xóm Nà Ca				
	Đoạn từ trung tâm xóm Nà Ca theo Quốc lộ 34 (hướng đi Bảo Lạc) đến hết địa giới hành chính của thị trấn (giáp xã Lý Bôn)	560	420	315	221
	Đoạn đường từ cổng chào khu 2 theo Quốc Lộ 34 hướng đi Hà Giang đến hết đất nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96)				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng đến hết địa giới thị trấn Pác Miầu (giáp xã Mông Ân)				
	Đoạn đường từ công sau Công ty CKC đến giáp ranh xã Thái Học				



PHỤ LỤC SỐ 3

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Đào Ngạn				
	Đoạn từ đình dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Bản Nưa)				
	Đoạn từ ngã ba Phía Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 27) (xóm Kê Hiệt)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa				
2	Xã Phù Ngọc				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường	734	551	413	330
	Từ cổng nước (cua Cốc Đức) trên nhà ông Triệu				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến đỉnh dốc Sam Kha				
	Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh theo đường liên xã Phù Ngọc - Hạ Thôn đến chân dốc Noóc Mò				
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ				
	Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Phù Ngọc giáp xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khu Mát)	640	480	360	288
	Từ công nước (cua Cốc Đức) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ)				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên trường Tiểu học Nà Giảng và Trạm y tế	420	315	236	189
	Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ)				
	Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc (đỉnh dốc Pá Deng)				
3	Xã Trường Hà				
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết đường rẽ vào bản Hoong				
	Đoạn đường từ trung tâm chợ xã Trường Hà theo đường đi Pác Bó đến hết nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15) (xóm Bó Bầm)	420	315	236	189
	Từ sân Bào tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó				
	Đoạn đường đi bộ Hồ Chí Minh từ đầu xóm Nà Kéo đi qua khu di tích Kim Đồng đến hết xóm Hoàng 2				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào Bản Hoong (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 50) theo đường Hồ Chí Minh đến chợ xã Trường Hà				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà bà La Thị Bích (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36)	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) (trước nhà ông Đàm Nông Cháp (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Bản Hoong				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đồi Thoong Mạ đến đầu cầu bên kia suối				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến cổng nhà máy				
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bế Văn Sóng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới				
4	Xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác đến ngã ba Ngâm Sinh	358	269	201	161
5	Xã Sóc Hà				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu				
	Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8)) đến cổng thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26))	1.560	1.170	878	702
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26)) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) theo đường trục chính đến đường rẽ vào cầu Cốc Vường	936	702	527	421
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã				
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng				
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Nà Sác)	600	450	338	270
	Đường tránh từ đầu cầu Thua Mo đến cầu Nà Nghiêng				
	Đoạn từ đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) theo đường đi xóm Nà Cháo đến nhà ông Triệu Văn Tiết (thửa đất số 269, tờ bản đồ số 69) (xóm Nà Cháo)	420	315	236	189
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường vành				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông Nông Hoàng Thành (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 8) theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà bà Dương Thị Trinh (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 8) khu vực Nà Cà xóm Địa Lan				
	Đoạn đường Nà Nghiêng – Lũng Cùm từ cầu Pháp cũ (xóm Nà Nghiêng) đến hết đám ruộng ông Nông Văn Viễn (thửa đất số 204, tờ bản đồ số 44) (xóm Nà Nghiêng)				
II	Xã Miền Núi				
1	Xã Tổng Cọt				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cọt) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học				
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt giáp xã Cô Mười (huyện Trà Lĩnh)				
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt	358	269	201	161
	Quốc lộ 4A theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phày				
	Đoạn từ ngã ba đường liên xã Sỹ Hai đi Tổng Cọt vào đến trung tâm xóm Pải Bá.				
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào đến hết Đồn 125 Tả Cán Tổng Cọt.	304	228	171	137
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào xóm Lũng Ái				
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhân, Lũng Giông, Ngườm Luông				
2	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon				
	Từ trạm ngắt điện Bó Thon đến đường rẽ xuống xóm Tổng Bỏ				
	Từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Mã Văn Thành, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 78) theo đường Lũng Nặm - Vân An đến cống thoát nước (hết thửa đất nhà ông Nông Văn Khuây, thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71)	420	315	236	189
	Từ tiếp giáp thửa đất ông Nông Văn Khuây (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71) đến Nặm Thuôm (hết đất nhà ông Hoàng Văn Cảnh (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 72)	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Năm Nhũng Bản - Thín Tăng				
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nhảo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)				
	Từ Hùm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Kéo Yên.				
	Đoạn từ Nặm Thuồm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Vân An				
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pô đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường Lũng Nặm - Vân An rẽ lên đường Kéo Hai – Kéo Quyền đến hết đoạn đường cấp phối xóm Kéo Quyền.	304	228	171	137
	Đoạn đường Lũng Nặm – Kéo Yên (đường di mốc 681) rẽ vào đường Nặm Sấn đến nhà văn hóa xóm Nặm Sấn				
	Đoạn đường từ cống thoát nước (gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)) đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn từ Thúy Cũ đến gốc cây vải (đến hết nhà ông Vương Văn Sơn (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 69))				
3	Xã Quý Quân				
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường				
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò	270	203	152	122
	Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Bắc Phương đến hết nhà ông Nông Văn Kiêm (Thửa đất số 174, tờ bản đồ 66) (xóm Khuổi Tầu)	230	173	129	103
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Khuổi Luông đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)				
4	Xã Kéo Yên				
	Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 3) (xóm Nặm Răng) đến mốc Quốc gia 681 (xóm Nặm Răng)				
	Từ đoạn đường cua cạnh rẫy ông Bế Văn Sáng (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 49) (Co Lý) theo Quốc lộ 4A đến đỉnh dốc Kéo Tỏi (xóm Răng Rụng)	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hấu (xóm Tả Rản)				
	Đoạn đường từ chân dốc rẫy ông Hoàng Văn Hôn (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20) dọc theo đường giao thông đến hết xóm Lũng Tú	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đầu làng Bó Sóp đi Pác Pó hết địa phận xã Kéo Yên				
	Đoạn từ sau nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản theo đường giao thông liên thôn đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
	Đoạn từ đường giao thông liên thôn Lũng Luông – Sí Ngải				
	Đoạn từ Rừng Mò xóm Rừng Rụng theo đường giao thông nông thôn đến xóm Rừng Púm				
	Đoạn rẽ từ đường đi mốc 681 Nậm Rạng xuống Xóm Cây Tắc đến bãi quay xe xóm Cây Tắc				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản đến nhà ông Lý Văn Cầm (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 78) xóm Pá Rản.				
	Đoạn từ cửa gương cầu Co Lý theo đường giao thông Kéo Yên đi Vân Đình đến mốc địa giới hành chính Kéo Yên - Vân Đình	196	147	110	88
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đến nhà văn hóa xóm Phía Đó				
	Đoạn ngã ba rẽ vào Rừng Púm đi đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
5	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang				
	Theo Quốc lộ 4A từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Tùng)				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tản				
	Từ ngã ba Tổng Cáng theo đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ đến nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nậm Giạt				
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nậm Giạt đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Thổ, đến phân trường Tiểu học xóm Cả Giang	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà Nông Thế Tài (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 76) xóm Tổng Cáng đi hết xóm Tầm Poóng hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Vân Đình				
	Từ nhà ông Lưu Văn Hương (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42) xóm Thượng Sơn đến nhà ông Sầm Văn Hội (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 45) xóm Lũng Hóng				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào xóm Lũng Hòa đến nhà ông Liêu Văn Thi (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)				
	Đường rẽ Quốc lộ 4A ngã 3 Lũng Pang đi vào hết nhóm Lũng Rì - Tràng Lý				
6	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lắc Mạy theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì)	270	203	152	122
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lắc Mạy đến hết xóm Lũng Rại				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì) đến hết kéo Lũng Tùng				
	Đoạn đường từ kéo Pò Cả Liu xóm Nhị Tảo đến xóm Kéo Lạc Mây				
	Đoạn từ xóm Kéo Lạc Mây đến bãi rác xóm Rủ Rả				
	Đoạn từ ngã ba Pò Rải đến nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ				
	Đoạn từ Kéo Lũng Pét Ngừm Vải đến Lũng Xuân - Cốc Sâu				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Nhị Tảo (nhóm trên)				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Lũng Mào (nhóm ngoài)	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuông				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Lũng Chuông đến Kéo Úng Áng				
	Đoạn từ Chằng Ai xóm Pác Hoan đến nhà văn hóa xóm Lũng Chuông				
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuông đến nhà văn hóa xóm Làng Lý				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Lý đến hết nhà ông Trương Văn Thắng (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 30)				
	Đoạn từ nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ đến ngã tư đường xóm Ngừm Vải rẽ đi Lũng Xuân				
7	Xã Vân An				
	Khu vực xóm Pác Có và xóm Co Phây				
	Từ nhà bia tường niệm theo đường đi Ủy ban nhân dân xã đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã	270	203	152	122
	Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu				
	Đoạn đường từ xóm Nậm Đin đi xóm Co Phây				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Co Phây đi xóm Pác Có	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Cải Viên				
	Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường từ ngã ba rẫy (Lũng Nhùng) nhà ông Hoàng Văn Sô (thửa đất số 1, tờ bản đồ 52) (xóm Lũng Thốc) đi nhóm Lũng Nặm (xóm Lũng Thốc) đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đường từ ngã ba Kéo Quang đi xóm Bản Khếng đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Nội Thôn				
	Đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Cô Mười, xã Vân An.				
	Đoạn từ ngã ba xóm Pác Có đi đến mốc 696				
	Đoạn từ ngã ba xóm Nhi Đủ đến hết nhà ông Hoàng Văn Hà (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 27)				
8	Xã Cải Viên				
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nặm				
	Đoạn đường từ làng Dốc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Vân An	270	203	152	122
	Đoạn từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.				
	Đoạn từ ngã ba Mẻ Bao đến nhà văn hóa xóm Tả Piầu				
	Đoạn từ ngã ba Sam Sào đến nhà văn hóa xóm Nặm Niệc				
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	230	173	129	103
	Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà ông Nông Văn Thời (thửa đất số 3, tờ bản đồ 56) nhóm hộ Lũng Tả thuộc xóm Chông Mạ.				
	Từ ngã ba đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến nhóm hộ Eng Mây thuộc xóm Lũng Pán trên địa bàn xã				
9	Xã Sỹ Hai				
	Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pén theo đường Sỹ Hai - Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế (tờ bản đồ số 27, thửa đất số 113) (xóm Nặm Thuồm)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Lũng Pén theo đường liên xã đến ngã ba vào hồ nước xóm Lũng Túp				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Quế (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 27) (xóm Nặm Thuồm) đến hết nhà ông Ngô Văn Thịnh (thửa đất số 78, tờ bản đồ 63)	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ theo hướng đi xã Hồng Sỹ đoạn từ ngã ba xóm Kính Trên đi đến hết đất nhà ông Nông Văn Xanh (thửa đất số 7, tờ bản đồ 41) (xóm Kính Trên)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Lũng Túp đến hết xóm Ông Luộc theo địa giới hành chính xã Sỹ Hai				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Kính Dưới đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
	Đoạn đường xóm Lũng Bông đến xóm Khau Sớ đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
10	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cả Póc - Mạ Ráng đến nhà ông Nông Văn Hòi (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	270	203	152	122
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cả Póc đi Bản Đâu đến hết nhà ông Hoàng Văn Dương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 56)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Thương (thửa đất số 66, tờ bản đồ 43) đến nhà văn hóa xóm Keng Cả				
	Đường liên xã Mã Ba - Quang Vinh từ nhà ông La Văn Thanh (thửa đất số 55, tờ bản đồ 28) đến hết địa phận xã Mã Ba	230	173	129	103
11	Xã Hạ Thôn				
	Đoạn từ Trạm y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn của có cống nước)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Răng Khoen đến hết làng Lũng Giảo				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Kéo Nặm đến xóm Văn Thụ xã Nam Tuấn huyện Hòa An				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến Lũng Nhùng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Răng Khoen đi Lũng Răng				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến nhà ông Lục Văn Mão				
12	Xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường trục chính từ ngã ba xóm Lũng Kính đi đến hết địa phận xã Hồng Sỹ giáp xã Thượng Thôn	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ liên xóm Lũng Dán đến hết nhà ông Lý Văn Vinh xóm Lũng Cẩm				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Linh đến hết nhà ông Đào Văn Hồng (thửa đất số 11 tờ bản đồ số 88) xóm Làng Linh	230	173	129	103
	Đoạn từ trường tiểu học đến hết nhà ông Lục Văn Trương (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) xóm Lũng Hóng				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Sỹ Hai hết đến nhà ông Lương Văn Xinh (xóm Lũng Ngần)				
	Đoạn từ trung tâm xã Hồng Sỹ đến trạm biến áp xóm Lũng Ngần				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Pác Táng đến hết nhà ông Vương Văn Thành (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 52) (xóm Sam Phủng)				
	Đoạn từ rẫy nhà ông Đàm Văn Hợi đến hết nhà ông Phan Văn Sơn (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10) (xóm Lũng Lặc)				
	Đoạn từ Nhà ông Lầu Văn Hồng đến nhà ông Lầu Văn Tu (xóm Lũng Dán)				
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Phụng đến nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39) (xóm Pác Táng)				
13	Xã Vân Đình				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) đi theo đường đi xã đến nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32) (xóm Lũng Giàng)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) ngược về theo đường Xuân Hòa – Vân Đình kéo dài đến hết địa phận xã Vân Đình giáp Thị trấn Xuân Hòa	270	203	152	122
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 18) theo đường Vân Đình – Thượng Thôn đến hết nhà ông Dương Văn Dũng (cuối xóm Sỹ Diêng)				
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ nước Lũng Tu đi đến xóm Lũng Sang hết nhà ông Trương Văn Dén (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2)				
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Tu (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 49) (trường tiểu học Lũng Giàng) theo đường liên xóm Lũng Giàng đi Lũng Cuối đến hết đoạn đường cụt.				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Diêng đi Kha Bản đến phân trường Kha Bản.	230	173	129	103
	Đoạn đường cụt xóm Lũng Cuối đi đến hết nhà ông Nông Văn Lện (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Diêng – Kha Bản đến phân trường Kha Bản				

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Xuân Hòa				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết tường rào Huyện Ủy	1.700	1.275	956	669
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hà Quảng đến cầu Chợ				
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Năm Nhãn				
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5) và xung quanh chợ				
	Đoạn đường cũ rẽ vào Ủy ban nhân dân huyện từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 18-5) đến nối vào đường Xuân Hòa - Vân Dính hết thửa đất ông Nông Văn Cẩm (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18-5)				
2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Năm Nhãn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1.152	864	648	454
	Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ theo đường vào sau chợ đến hết nhà ông Bế Văn Mạc (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19-5)				
	Đường liên xã Xuân Hoà - Đào Ngạn, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 32-5) (tổ Xuân Trường)				
	Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường quốc lộ 4A đến nhà ông Bế Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bản Giàng)				
	Đoạn ngã ba rẽ vào trường THCS Xuân Hoà theo				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	trục đường Hồ Chí Minh xuống đến cầu Na Chang				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng				
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;				
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5) đến cầu Hoàng Rê;				
	Đoạn từ cầu Nà Chang theo đường Hồ Chí Minh đến hợp tác xã Toàn Năng				
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện (đường bê tông).				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh cạnh nhà bà Xoan (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8-5) tổ Xuân Lộc rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện trường Tiểu học Xuân Hòa (xóm Nà Vạc II) rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Như (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng I đi vào nhà mẫu giáo đến hết cầu Nà Nọt.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện thửa đất của ông Tô Quang Nhân (thửa đất số 413, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng II rẽ vào xóm Bản Giàng I đến cầu Pả Lầu.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh qua cạnh máy sát nhà ông Lương Văn Tiến (thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8) rẽ vào đến nhà văn hóa xóm.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Nông Văn Hưng (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4) xóm Đôn Chương rẽ vào nhà văn hóa xóm vòng qua đến nhà ông Hoàng Văn Khoán (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5).				
	Đoạn nối vào đường cắt trường THCS Xuân Hòa đối diện nhà ông Lâm Văn Minh (thửa đất số 32-5, tờ bản đồ số 77) rẽ vào đến hết nhà bà Nông Thị Khoa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 19) (tổ Xuân Đại).				
4	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Phù Ngọc);	498	374	280	196

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rê đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa;				
	Đoạn từ nhà ông Bế Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương) theo quốc lộ 4A đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Kéo Yên);				
	Đoạn tiếp tường rào Huyện Ủy theo đường Xuân Hòa - Vân Đình đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Vân Đình).				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ đi xóm Khuổi Pàng.				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào trường nghề.	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào xóm Yên Luật I.				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào bãi rác hết địa phận thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Quý Quân)				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đi qua cạnh thửa đất của ông Sầm Văn Thọ (thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9) rẽ đi vào xóm Bàn Giàng I đến nhà ông Bế Văn Hiếu (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 9)				

PHỤ LỤC SỐ 4
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LẠC
(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	27
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
			Vùng 1
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã miền núi				
1	Xã Hồng Trị				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hồng Trị (tiếp giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
2	Xã Bảo Toàn				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ giáp xã Thượng Hà đến giáp xã Vĩnh Quang (huyện Bảo Lâm)	270	203	152	122
3	Xã Cô Ba				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ giáp ranh địa giới Thị trấn Bảo Lạc đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô (đường rẽ từ Nà Tao) đến đầu cầu vượt Sông Gâm và đoạn đường vượt qua đường ngầm vào mốc 589 (khe hồ nhây)	230	173	129	104
4	Xã Cốc Pàng				
	Đất mặt tiền của đoạn đường từ suối Cốc Pàng đến trạm xá (đường đi Đức Hạnh) và đất mặt tiền xung quanh trung tâm chợ Cốc Pàng	358	269	201	161
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ đường rẽ từ đầu cầu bê tông xóm Cốc Pàng đi vào mốc 535				
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã cũ đến đoạn đường rẽ đi Khuổi Tằng	304	228	171	137
5	Xã Đình Phùng				
	Các vị trí đất mặt tiền của xã Đình Phùng dọc Quốc lộ 34 mới từ vị trí (giáp xã Huy Giáp) đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Ca Thành huyện nguyên Bình).	270	203	152	122
	Đường tỉnh lộ 202 từ tiếp giáp Xã Yên Lạc (Huyện Nguyên Bình) đến hết địa phận xã Đình Phùng tiếp giáp xã Huy Giáp	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường đi Bản Chồi, đi xóm Phiêng Buồng.				
	Đoạn đường từ đầu cầu treo xóm Phiêng Châu I dọc theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà máy thủy Điện Nậm Pát	196	147	110	88
	Đoạn đường từ xóm Lũng Vài giáp xã Huy Giáp theo đường Quốc lộ 34 cũ đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Yên Lạc huyện Nguyên Bình)				
6	Xã Hồng An				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô đến trung tâm xã	196	147	110	88
7	Xã Huy Giáp				
	Đoạn đường nhà ông Đặng Phụ Tịnh xã Huy Giáp đến giáp ngã ba đường đi xã Xuân trường và các vị trí xung quanh chợ trung tâm và chợ nông sản xã Huy Giáp				
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà (thuộc đất trung tâm cụm xã Huy Giáp) theo Quốc lộ 34 đi Cao Bằng đến hết địa phận Xã Huy Giáp, giáp xã Đình Phùng	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 34 lên Bản Ngà dọc theo đường 215 đến điểm trường Bản Ngà				
	Đoạn đường từ ngã ba đi Pác Lũng rẽ đi đường xã Xuân Trường đến Trường bán trú xã Huy Giáp.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà theo Quốc lộ 34 mới đến hết địa phận xã Huy Giáp (Giáp xã Hưng Đạo)	270	203	152	122
	Đường tỉnh lộ 202 đoạn từ tiếp giáp xã Đình Phùng qua địa phận xã Huy Giáp đến tiếp giáp xã Hưng Đạo.				
8	Xã Hưng Đạo				
	Đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ trường trung học cơ sở xã Hưng Đạo đến cây đa trường tiểu học (cũ) và đất xung quanh chợ mới xã Hưng Đạo	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 mới đoạn từ tiếp giáp Trường THCS đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Huy Giáp) và đoạn từ cây đa xóm Bản Riễn đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
9	Xã Hưng Thịnh				
	Các vị trí đất mặt tiền từ ngã ba Kim Cúc lên đến hết xóm Khuổi Mực	230	173	129	104
10	Xã Kim Cúc				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp xã Hồng trị theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Kim Cúc (giáp xã Hưng Thịnh)	270	203	152	122
11	Xã Khánh Xuân				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường ô tô từ giáp ranh địa giới thị trấn (Pác Pét) đến trụ sở UBND xã	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đầu cầu vượt Sông Gâm đến cầu ngầm vào mốc 589 (khe hồ nhảy)				
12	Xã Phan Thanh				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô giáp ranh địa giới thị trấn đi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	230	173	129	104
13	Xã Sơn Lập				
	Các vị trí đất mặt tiền dọc theo trục đường ô tô từ giáp Xã Sơn Lộ đến UBND Xã Sơn Lập	196	147	110	88
	Các vị trí đất trung tâm xã Sơn Lập				
14	Xã Sơn Lộ				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng qua UBND Xã đến giáp đất Bằng Thành - Pác Nặm				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng theo đường Sơn Lập đến khe suối Bản Khuông và đất xung quanh chợ xã Sơn Lộ	230	173	129	104
	Đoạn từ ngã ba bản Khuông theo đường đi xã Hưng Thịnh đến điểm trường tiểu học cũ				
15	Xã Thượng Hà				
	Đất mặt tiền từ Phiêng Sinh (giáp Bảo Lạc) theo đường 217 đến giáp xã Cốc Pàng	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Thượng Hà (giáp xã Bảo Toàn).	270	203	152	122
16	Xã Xuân Trường				
	Đoạn đường từ chân dốc Ngâm Pá Thốc dọc Quốc lộ 4A đến Cẩm Bè	270	203	152	122
	Đoạn đường từ ngã ba truyền hình dọc theo tỉnh lộ 215 đến đập tràn Thua Tổng				

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Bảo Lạc				
1	Đường loại II				
	Đoạn đường từ công Buru điện dọc theo tuyến phố đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) ngã ba đầu cầu Gò Luồng	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ nhà ông Tô Văn Thâm (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến sát cầu thị trấn (nhà Bà Lữ Thị Tươi (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 76)				
	Đoạn đường vào khu 4 đến nhà ông Trần Văn Quyền (thửa đất số 162, tờ bản đồ số 76)				
	Đoạn đường bờ sông tiếp giáp cầu Bảo Lạc 2 (Trung tâm chợ) đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) Tổ dân phố 3 (ngã ba cầu gò Luồng)				
	Đoạn đường phía sau Tổ dân phố 2 từ giáp cầu Bảo Lạc 2 theo bờ kè sông Nieu lên giáp vườn Phương Văn Nịp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) Tổ dân phố 2 (giáp đường bê tông lên Điện lực)				
	Đoạn từ nhà bà Lê Mai Hoa (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đường bê tông cạnh Điện lực				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường loại III				
	Đoạn giáp đường rẽ đi xã Phan Thanh (ngã ba cầu gò Luồng) đi qua Tổ dân phố 9 đi xã Khánh xuân đến nhà bà Mông Thị Tươi (thửa đất số 351, tờ bản đồ số 32) (Tổ dân phố 9)				
	Đoạn từ giáp ranh công sát Bưu điện theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 10)	1.654	1.241	930	651
	Đoạn đường dọc Quốc lộ 34 đường đi Bảo Lâm từ nhà ông Đàm Trí Tuệ (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đoạn đường tránh Quốc Lộ 34 (Nhà ông Lý Hải Hầu (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 66)				
3	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 10) đến chùa Vân An				
	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Bế Kim Doanh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 72) lên đến cổng Huyện đội.				
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) (Tổ dân phố 8)	1.121	841	631	441
	Đoạn đường từ vườn Phương Văn Nịp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) (Tổ dân phố 2) theo đường bờ kè sông Nieu lên Tổ dân phố 10				
4	Đường loại V				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Phiêng Sinh (xã Thượng Hà) theo đường 217 đi xóm Nà sài hết địa phận Thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Cô Ba)				
	Đoạn đường từ nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới hành chính thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Thượng Hà)	810	608	456	319
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An theo Quốc lộ 34 đến giáp địa phận xã Hồng Trị				



Tài liệu này được lưu trữ tại [http:// cafeland.vn](http://cafeland.vn)

PHỤ LỤC SỐ 5


**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGUYỄN BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
II	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
II	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du	CLN	57	40	23
II	Xã miền núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
			Vùng 1
I	Xã trung du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
II	Xã miền núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du	NTS	41	28	16
II	Xã miền núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Miền núi				
1	Xã Minh Tâm				
	Đoạn đường từ Ngã ba đi xóm Thôm Phát (thửa đất số 353, tờ bản đồ số 40) dọc theo đường Minh Tâm – Hồng Việt đến Ngã ba cầu Nà Hầu (thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Sâu (tờ bản đồ số 50) dọc theo đường Minh Tâm - Hồng Việt đến ngã ba đường đi xóm Thôm Phát (thửa đất số 353, tờ bản đồ số 40)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Nà Hầu (thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32) dọc theo đường Minh Tâm - Hồng Việt đến ngã ba Noóc Mò (thửa đất số 140, tờ bản đồ số 45)				
2	Xã Minh Thanh				
	Đoạn đường từ thửa đất rẫy của bà Đặng Thị Tuyên (thửa đất số 293, tờ bản đồ số 46) (xóm Vũ Ngược) dọc theo đường Quốc lộ 34 đến cầu Tà Sa	358	269	201	161
	Các đoạn đường từ Quốc Lộ 34 đến Nhà văn hóa các xóm Vũ Ngược, Nà Khoang, Bản Hỏ, Nà Luộc	304	228	171	137
	Đoạn từ cầu Nà Giáo (xóm Vũ Ngược) đến đất ruộng ông Đinh Ngọc Lâm (thửa đất số 165, tờ bản đồ số 24)				
	Đoạn đường từ Quốc Lộ 34 (nhà ông Đàm Đức Thuận (thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30) đến nhà bà Mã Thị Hoàng (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 42) (xóm Nà Tổng)				
3	Xã Thử Dục				
	Đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận thị trấn Nguyên Bình, dọc theo Quốc lộ 34, dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến ngã ba (đường rẽ đi xã Triệu Nguyên).	445	334	251	201
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xã Triệu Nguyên đến hết nhà ông Hoàng Đức Hòa (Mây) (thửa đất số 134, tờ bản đồ số 42)	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba đường đi Triệu Nguyên dọc theo Quốc lộ 34 đến giáp xã Quang Thành và thị trấn Tĩnh Túc. Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xóm Tổng Ngà đến nhà văn hóa xóm Tổng Ngà Đoạn từ ngã ba đường đi xã Triệu Nguyên, đi xóm Pác Bó, xóm Phia Tọc đến nhà văn hóa xóm Phia Tọc Đoạn đường từ ngã ba Pác Bó - Triệu Nguyên đi xã Triệu Nguyên đến hết địa giới hành chính xã Thề Dục Đoạn từ ngã ba đường xóm Tổng Ngà đi xóm Lũng Nội đến nhà bà Bàn Mùi Phin (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14). Đoạn từ ngã ba nhà ông Hà Tô Sậy (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 20) đến Slam Kha	358	269	201	161
4	Xã Bắc Hợp				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Nà Bao (xã Lang Môn) đến nhà ông Mạc Văn Căn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43) Đoạn đường từ nhà ông Mạc Văn Căn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43) đến nhà bà Phạm Thị Tươi (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49) Đoạn đường từ nhà bà Phạm Thị Tươi (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49), dọc theo Quốc Lộ 34 đến hết địa phận xã Bắc Hợp (giáp xã Minh Thanh)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ nhà ông Mạc Đình Sáu (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 39) đến nhà bà Đoàn Thị Hôn (thửa đất số 220, tờ bản đồ số 30) (Xóm Bản Nưa) Đoạn đường từ nhà bà Đoàn Thị Hôn (thửa đất số 220, tờ bản đồ số 30) (Xóm Bản Nưa) đến nhà ông Ma Văn Quán (thửa đất số 432, tờ bản đồ số 23) (Xóm Bản Chang) Đoạn từ nhà máy thủy điện Tà Sa đến hết nhà ông Lưu Xuân Nội (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 46) (Tà Sa)	358	269	201	161
5	Xã Lang Môn				
	Đoạn từ tiếp giáp ranh giới (giáp xã Bắc Hợp) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Ngọc Văn Sự (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2).	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 lên đến cổng Trường cấp II, III Nà Bao	358	269	201	161
	Đoạn từ đường rẽ lên xã Minh Tâm đến ngã ba đường vào chợ Nà Bao (tờ bản đồ số 02, thửa đất số 85) (mở mới song song với Quốc lộ 34)				
	Đoạn từ đường mở mới song song Quốc lộ 34 nối từ đường đi Minh Tâm đến chợ Nà Bao.				
	Đoạn đường từ nhà ông Ngọc Văn Sự (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2) theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Trần Thị Tuyết (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 9).	304	228	171	137
6	Xã Ca Thành				
	Đoạn từ ngã ba Ca Thành dọc theo Quốc lộ 34 đến xóm Xà Pèng	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Xà Pèng dọc theo Quốc Lộ 34 đến Xóm Khuổi Trà giáp xã Đình Phùng (Huyện Bảo Lạc)				
7	Xã Hoa Thám				
	Đoạn đường dọc theo trục đường xã từ tiếp giáp xã Tam Kim đến hết Nhà văn hoá xóm Cầm Tèm.	230	173	129	104
	Đoạn đường Quốc Lộ 3 giáp xã Thịnh Vượng dọc theo trục đường Quốc Lộ 3 đến hết địa phận ranh giới Cao Bằng - Bắc Kạn				
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường Hoa Thám - Quốc lộ 3 đến hết nhà ông Triệu Văn Xuân (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 155) (xóm Khuổi Hoa).	196	147	110	88
8	Xã Hưng Đạo				
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã Hưng Đạo đến nhà ông Nông Văn Đoàn (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 64).	230	173	129	104
	Đoạn từ trường mẫu giáo xóm Roòng Cun lên khu Khuổi Chóc				
9	Xã Mai Long				
	Đoạn đường dọc theo trục đường lớn từ ngã ba xã Phan Thanh đến Trụ sở UBND xã Mai Long, từ Trụ sở UBND xã Mai Long đi chợ Pác Nặm, xã Bằng Thành, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
10	Xã Phan Thanh				
	Đoạn đường liên xã từ ngã ba Slao Liáng đến hết địa phận xã Phan Thanh				
	Đoạn đường từ nhà ông Dương Văn Thiệu (thửa đất số 196, tờ bản đồ số 22) (ngã ba xóm Bình Đường) đến nhà văn hóa xóm Lũng Cam	230	173	129	104
11	Xã Quang Thành				
	Từ nhà ông Bàn Chàn Phu (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 58) đến ngã ba Sơn Đông	402	302	227	182
	Từ trạm y tế xã theo hai bên đường trục xã đến hết đất xã Quang Thành giáp xã Tam Kim				
	Từ trạm y tế theo hai bên đường trục đến hết xã Quang Thành đường tỉnh lộ 212				
	Dọc theo đường tỉnh lộ 212 xóm Cốc Bó hết đất Quang Thành giáp Thành Công				
	Từ đường tỉnh lộ 212 nhà ông Bàn Văn Tình (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18) xóm Cốc Bó dọc theo hai bên trục đường Lũng Mười đến Trường học cũ Xóm Hoài Khao	230	173	129	104
	Đường tiếp nối từ Trường học cũ xóm Hoài Khao dọc theo trục đường làng, đường nội đồng rộng 3m đến điểm tiếp giáp xóm Nà Rẻo, xã Thành Công				
12	Xã Tam Kim				
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 rẽ đầu chợ xã Tam Kim (thửa đất số 369, tờ bản đồ số 54) đến đoạn nhà ông Trương Văn Môn (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 78) (xóm Phai Khắt)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 từ xóm Dòn Rù đến đoạn rẽ xuống đầu chợ xã Tam Kim				
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 từ ngã ba chợ Tam Kim theo đường Tam Kim - Hoa Thám đến hết địa phận xã Tam Kim				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Môn (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 78) (xóm Phai Khắt) đến khu rừng Trần Hưng Đạo	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Tam Kim - Hưng Đạo đến Khuổi Rừng (Xóm Bắc Dài)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Nà Múc theo đường Tam Kim - Quang Thành đến hết địa phận xã Tam Kim				
13	Xã Thái Học				
	Đoạn đường từ nhà ông Bàn Tồn Dần (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 78) (Mỏ đá Trung Làng) đến đường bê tông rẽ xuống nhà ông Hoàng Quây Phúc (thửa đất số 05, 06, tờ bản đồ số 26) (xóm Lũng Rào) dọc theo đường liên huyện Bó Ca - Thái Học - Bình Lãng - Thông Nông	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà bà Hoàng Mùi Lai (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16) đến nhà ông Lý Tồn U (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03)				
	Đoạn đường tiếp từ ngã ba rẽ xuống nhà ông Hoàng Quây Phúc (thửa đất số 05, 06, tờ bản đồ số 26) đến ngã ba đường bê tông nhà bà Hoàng Mùi Lai (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16).				
	Đoạn đường từ nhà ông Lý Tồn U (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03) đến hết địa phận xã Thái Học (giáp xã Bình Lãng)				
14	Xã Thành Công				
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Doanh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20) theo đường TL212 đến nhà ông Chu Văn Năm (thửa đất số 615, tờ bản đồ số 28) xóm Phia Đén	304	228	171	137
	Đoạn đường trục xã từ ngã ba TL212 đến đường rẽ vào Công ty Kolia				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Tâm (thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13) theo đường TL212 đến nhà bà Vũ Thị Hằng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14)				
	Đoạn đường trục xã từ nhà ông Lý Phúc Kiêm (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 143) xóm Bản Đồng đến trường Tiểu học Bản Đồng	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà bà Nông Thị Hành (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 86) theo đường TL212 đến nhà ông Nông Văn Hùng (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 132) xóm Nà Bản				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Hùng (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 132), xóm Nà Bản theo đường TL 212 đến hết địa phận xã Thành Công giáp ranh tỉnh Bắc Kạn				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
15	Xã Thịnh Vượng				
	Đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận xã Bạch Đằng, Huyện Hòa An, dọc theo Quốc Lộ 3 theo hai bên trục đường xã từ nhà ông Nông Quốc Khánh (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10) đến hết đất xã Thịnh Vượng (giáp ranh xã Hòa Thám, huyện Nguyên Bình).	230	173	129	104
16	Xã Triệu Nguyên				
	Đoạn đường từ nhà ông Triệu Văn Tròng (tờ bản đồ số 95, thửa số.....) (Xóm Khuổi Tông) đến nhà ông Lục Sành Quây (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 78) (Xóm Pác Tháy)	230	173	129	104
	Từ đường trục chính (địa phận xóm Khuổi Tông) đến hết nhà ông Hoàng Văn Vây (thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) xóm Khau Khác				
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Vây (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 49) xóm Khau Khác đến nhà ông Hoàng Sùn Sơn (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10) xóm Lũng Roọc				
17	Xã Vũ Nông				
	Tuyến đường Quốc lộ 34 từ Cua N địa phận xã Vũ Nông đến ngã ba Ca Thành	230	173	129	104
	Tuyến đường tỉnh lộ 202 từ ngã ba Ca Thành đến hết địa phận xã Vũ Nông				
	Tuyến đường nhựa vào Ủy ban xã từ nhà ông Bàn Sành Cán (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 94) đến nhà ông Phùng Sùn Páo (thửa đất số 237, tờ bản đồ số 63).				
	Tuyến đường cấp phối từ Cua N Lũng Thán - Lũng Tỳ - Lũng Báng đến đường Triệu Nguyên	196	147	110	88
18	Xã Yên Lạc				
	Đoạn đường tỉnh lộ 202 từ Cầu Tà Phình đến hết địa phận xã Yên Lạc giáp ranh huyện Bảo Lạc.	230	173	129	104

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Nguyên Bình				
1	Đường loại I				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (Tổ 4) và theo đường lên trụ sở UBND Huyện đến hết nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (tổ 3)	2.210	1.658	1.243	870
2	Đường loại II				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1)	1.508	1.131	848	594
	Đoạn tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (tổ 4) theo Quốc lộ 34 đến hết cây xăng Đại Lợi				
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (Tổ dân phố 3), theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân huyện đến hết nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3)				
	Từ Trung tâm bưu chính viễn thông huyện theo đường lên Phòng Giáo dục - Đào tạo đến hết Phòng Giáo dục - Đào tạo				
	Các vị trí đất mặt tiền đường xung quanh đình chợ.				
3	Đường loại III				
	Từ tiếp giáp nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1) theo Quốc lộ 34 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà bà Lãnh Thị Én (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) (Nà Kéo)	1.026	769	577	404
4	Đường loại IV				
	Từ tiếp giáp nhà bà Lãnh Thị Én (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) (Nà Kéo) đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Mạc Thanh Mến (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 41) (Nà Kéo)	741	556	417	292
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) xóm Pác Mãn Ngoài theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến ngã ba xóm Nà Kéo				
	Từ tiếp giáp cây xăng Đại Lợi theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình giáp xã Thử Dục				
5	Đường loại V				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) dọc theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến tiếp giáp xã Thề Dục				
	Từ tiếp giáp nhà văn hóa tổ 2 đến hết trường THPT Nguyễn Bình				
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết Trạm xử lý nước				
	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết nhà bà Lưu Thị Diệp (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3)				
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết trường Nội trú				
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3) đến hết nhà văn hóa xóm Bản Luộc				
	Từ ngã ba cống phụ Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà bà Nông Thị Vĩnh (thửa đất số 237, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3)	536	402	302	211
	Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Nà Phiêng, theo đường vào xóm Nà Kéo đến hết đường bê tông				
	Từ cổng trụ sở Công An đến hết nhà bà Nguyễn Thị Độ (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 81) (Tổ 2)				
	Đoạn đường từ nhà bà Triệu Thị Yên (thửa đất số 400, tờ bản đồ số 40) dọc theo tỉnh lộ 216 đi xã Tam Kim đến hết địa phận thị trấn Nguyễn Bình				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Hanh (thửa đất số 183, tờ bản đồ số 33) dọc theo đường nhà máy xi măng cũ đến hết Xưởng trục 688				
	Đoạn đường từ ngã tư xóm Pác Mãn Ngoài theo đường bê tông vào nhà văn hóa xóm Pác Mãn Trong				
	Đoạn đường dọc theo bờ sông hai bờ sông Thề Dục đoạn qua Thị trấn Nguyễn Bình				
II	Thị trấn Tĩnh Túc				
1	Đường loại III				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63) (hết tường rào trường tiểu học thị trấn Tĩnh Túc)	1.026	769	577	404

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến Cầu 3				
	Đoạn đường giáp nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63), theo Quốc lộ 34 đến hết công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc- Công ty Khoáng sản	741	556	417	292
3	Đường loại V				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34, theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe ô tô đi lại được				
	Đoạn đường từ Quốc Lộ 34 theo đường vào Bệnh viện Tĩnh Túc đến hết đường mà xe ô tô đi lại được				
	Từ công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh)	536	402	302	211
	Từ Cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thề Dục và xã Quang Thành)				

PHỤ LỤC SỐ 6

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA AN

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã đồng bằng				
1	Xã Bế Triều				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ giáp xã Hưng Đạo đến đường rẽ vào xóm Khau Lừa	1.587	1.190	892	714
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm Khau Lừa đến đầu cầu Bản Sậy	2.005	1.503	1.127	902
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Bản Sậy đến ranh giới Thị trấn Nước Hai.	2.673	2.005	1.503	1.202
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ đi xã Hồng Việt đến đầu cầu Hồng Việt	1.195	896	672	538
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh theo đường nhánh rẽ vào xóm Nà Pia.	584	438	329	263
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh nhà Ông Bế Nhật Quảng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 57) lên Khau Khá giáp đường vào bãi rác thải.				
	Đoạn từ ngã ba nhà ông Tô Vũ Trí (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 58) đi đến đường bãi rác thải (nhà Bà Hà Thị Tuyền (thửa đất số 108a, tờ bản đồ số 52)).				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Vò Đáo đến hết nhà ông Lương Văn Tụng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 51) (xóm Vò Đáo).				
	Đoạn từ Miếu xóm Nà Bura đi đến hết nhà ông Hứa Văn Thôi (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 53) xóm Nà Bura.				
	Đoạn đường cầu vượt đi hết xóm Thủy Lợi				
	Đoạn đường nhà ông Bế Nhật Viên (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 41) xóm Bản Vạn 1 đi đến hết nhà ông Bế Nhật Bình (thửa đất số 131, tờ bản đồ số 31) (xóm Bản Vạn 1).				
	Đoạn đường nhà ông Bế Hùng Cường (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41) (xóm Bản Vạn 1) đi đến đường Vành đai thị trấn Nước Hai				
	Đoạn đường Nước Hai - Đại Tiến đến hết nhà ông Nông Văn Hiền (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 24) (xóm Nà Mò).				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào Nhà bia tưởng niệm xã Bế Triều đến chân đồi Khau Siêm.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Nà Bura.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ Lò Bát Cầu Khanh đến Nhà văn hóa xóm Nà Sa - Nà Gường.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm An Phú.				
	Đoạn đường từ đường Tỉnh lộ 203 cũ rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm Nà Vài.				
	Đoạn đường từ nhà ông Lưu Ngọc Huân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31) (xóm Bản Vạn 2) đến hết xóm Khau Hoa.				
	Đoạn đường liên xã Nước Hai – Đại Tiến có nhánh rẽ vào xóm Đông Viào hết đường ô tô đi lại được.				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh có nhánh rẽ vào xóm Nà Vầu đến hết nhà Văn hóa xóm Nà Vầu.				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Khau Còi đến hết nhà ông Nguyễn Văn Tâm (thửa đất số 344, tờ bản đồ số 42) (xóm Bản Sậy)				
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (trạm biến áp) rẽ vào xóm Bản Sậy đến hết nhà bà Nguyễn Thị Oanh (thửa đất số 380, tờ bản đồ số 43) (xóm Bản Sậy)				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ giáp trại giam (Thị trấn Nước Hai) rẽ vào xóm Pác Gà.	584	438	329	263
2	Xã Đức Long				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ lên trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông Hoàng Thanh Bình (thửa đất số 173, tờ bản đồ số 95) xóm Bằng Hà 1 (đoạn giáp ranh với thị trấn Nước Hai).	2.433	1.825	1.368	1.095
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cầu Roồng Ỏ (giáp ranh địa giới Thị trấn) đến đầu cầu Nà Coóc.	1.758	1.318	989	791
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Nà Coóc đến cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long.	808	606	455	364
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long đến ngã ba Thông Nông - Hà Quảng.	686	515	386	309
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ ngã ba Thông Nông - Hà Quảng đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Nam Tuấn).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường Tỉnh lộ 204 đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Dân Chủ).				
II	Xã trung du				
1	Xã Bình Long				
	Đoạn đường Tỉnh lộ 204 từ đầu cầu ngầm Bình Long đến ngã ba Nà Giảo (xã Bình Long)	584	438	329	263
	Đường tỉnh lộ 216 đoạn từ đầu cầu cứng giáp ranh giữa thị trấn Nước Hai đến ngã ba nối tiếp đường Tỉnh lộ 204 cũ xóm Nà Giảo (xã Bình Long)				
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Giảo theo đường Bình Long - Lương Can đến hết địa giới xã Bình Long (giáp xã Trương Lương).	358	269	201	161
	Đoạn đường (mà ô tô đi lại được) rẽ từ Nà Giảo đi Nà Bát; đường 204 cũ rẽ vào xóm Cốc Lại; đường 216 rẽ vào xóm Thang Lầy, Pác Cam; đường rẽ xuống xóm Thái Cường.				
2	Xã Dân Chủ				
	Đoạn đường từ Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào trường Liên Oa đến giáp xã Phù Ngọc (huyện Hà Quảng)	686	515	386	309
	Đoạn đường từ giáp địa phận xã Đức Long đến đầu cầu Mỏ Sắt	420	315	236	189
	Đất có mặt tiền xung quanh chợ Mỏ Sắt; đất xung quanh Trạm Y tế xã (khoảng cách 25 mét).				
	Đoạn từ cầu Mỏ Sắt đến giáp xã Quý Quân huyện Hà Quảng	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Mỏ Sắt đến Nà Rì	358	269	201	161
	Đoạn đường tỉnh lộ 204 từ chân dốc Khau Công đến hết địa giới xã Dân Chủ (giáp huyện Thông Nông).	304	228	171	137
3	Xã Hồng Việt				
	Đoạn đường từ cầu cống Hồng Việt đến ngã ba Vò Ấu	584	438	329	263
	Đoạn đường từ ngã ba Vò Ấu qua xóm Lam Sơn đến hết địa phận xã Hồng Việt giáp xã Hoàng Tung	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Vò Ấu qua xóm Mã Quan đến hết địa phận xã Hồng Việt giáp xã Hoàng Tung				
4	Xã Nam Tuấn				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh liên huyện từ xã Đức Long qua xã Nam Tuấn đến xã Phù Ngọc huyện Hà Quảng	640	480	360	288
	Đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Gióng (thửa đất số 106, tờ bản số 53) đến chân dốc Kéo Rản xóm Nà Khá.	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ kéo Roọc đến hết nhà ông Nguyễn Hữu Hùng (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 53) xóm Nà Khá.				
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Hữu Sáng (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 53) xóm Nà Khá đi vào đường UBND xã đi thông qua đường cái vào Gia Tự.				
	Đoạn từ chân dốc Kéo Rản đến hết nhà ông Lê Phan Tuệ (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28) xóm Nà Diều.	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Nhiên (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 53) xóm Nà Khá đến hết nhà bà Bằng Thị Trâm (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 23) xóm Nà Thang.				
	Đoạn đường từ xóm Cốc Chủ (xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng) đi qua địa phận xã Nam Tuấn đến xã Đại Tiến				
	Đoạn đường từ xóm Nà Mỏ (xã Đức Long) đi qua địa phận xã Nam Tuấn đến xóm Nà Ban Pác Muồng				
5	Xã Hoàng Tung				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn theo đường đi Nguyên Bình tính cách cầu 200m; theo đường về thành phố tính cách cầu 200m.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Bình Dương 100m.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Hoàng Tung 100m.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cổng Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Tung.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến đường rẽ vào xóm Bản Chạp.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cầu làng Bến Đò.				
	Đoạn đường Trường phổ thông trung học Hoàng Tung đến xóm Hào Lịch.	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ xóm Bản Chạp đến ngã ba đường rẽ xóm Bó Lếch và xóm Bản Tấn				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo).				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Lăng Môn- Nguyên Bình).				
	Đoạn đường từ xóm Bản Tấn qua Hào Lịch đến khu di tích Nậm Lìn (giáp xã Hồng Việt).				
	Đoạn đường từ cầu đầu làng Bến Đò đến làng Đền chùa Vua Lê.				
III	Xã miền núi				
1	Xã Hồng Nam				
	Đoạn đường từ địa phận giáp xã Chu Trinh qua UBND xã Hồng Nam đến hết địa phận xã Hồng Nam giáp xã Thụy Ngân của huyện Thạch An.	304	228	171	137
2	Xã Bạch Đằng				
	Đoạn đường từ xóm Nà Roác 2 (giáp xã Hưng Đạo - thành phố Cao Bằng) theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Trung tâm Thủy sản	1.014	761	571	457
	Đoạn đường từ đường rẽ vào Trung tâm Thủy sản theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Bản Săng	571	428	321	257
	Đoạn đường (khu vực xung quanh chợ, Trạm xá, trụ sở Ủy ban nhân dân xã) theo Quốc lộ 3 từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về thành phố Cao Bằng; từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về phía đi Bắc Kạn.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Bạch Đằng (giáp huyện Nguyên Bình).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 về thành phố đến đường rẽ vào Bản Săng.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi Bản Săng, Phiêng Lừa, Nà Tú đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào hồ Khuổi Lái (đường dưới và đường trên).	358	269	201	161
3	Xã Đại Tiến				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bế Triều đi qua xã Đại Tiến đến chân đèo đường rẽ lên xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Nà Bon đến xóm Nà Quý (xã Nam Tuấn)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trụ sở UBND xã Đại Tiến đến xóm Bản Phiếu (xã Ngũ Lão)				
4	Xã Lê Chung				
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ Roỏng Đăm tiếp giáp địa giới phường Hòa Chung (thành phố Cao Bằng) qua xóm Pác Khuổi đến hết nhà ông Hoàng Văn Nhật (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12)	420	315	236	189
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Nhật (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12) đến hết địa giới xã Lê Chung (giáp xã Canh Tân - huyện Thạch An).	358	269	201	161
5	Xã Nguyễn Huệ				
	Đất xung quanh chợ Án Lại; Đoạn đường từ nhà bà Trương Thị Lò (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 50) đến hết nhà ông Long Văn Giáp (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 39)	420	315	236	189
	Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại từ nhà ông Lương Văn Trung (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 39) đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 39)				
	Đoạn đường từ Km7 (Bản Gùn) (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 61) đến nhà bà Trương Thị Lò (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 50)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đất nhà ông Triệu Văn Hưng (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 39) đến hết đất nhà ông Nông Hồng Quân (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 28) xóm Nà Danh.				
	Đoạn từ nhà ông Long Văn Giáp (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 39) theo Quốc lộ 3 đến chân đèo Mã Phục (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 40)				
	Đoạn từ cuối chợ Án Lại (hết đường bê tông) đến địa phận xóm Nà Danh hết đất nhà ông Nông Văn Khoa (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37)				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khoa (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37) dọc theo đường đến xóm Canh Biện hết địa phận xã Nguyễn Huệ, giáp xã Ngũ Lão	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6	Xã Bình Dương				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào đến Trường Trung học cơ sở xã Bình Dương.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ xóm Nà Phung đi đến hết xóm Khuổi Hồng giáp xã Bạch Đằng				
7	Xã Công Trùng				
	Đoạn đường từ cầu Giản Đây (giáp địa giới xã Trương Lương) đến xóm Lũng Mải.	196	147	110	88
8	Xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Đại Tiên đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Xuân.	196	147	110	88
9	Xã Hà Trì				
	Đoạn đường Quang Trung - Hà Trì từ giáp địa phận xã Quang Trung đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hà Trì.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hà Trì đến đầu cầu treo Nà Mùi				
10	Xã Ngũ Lão				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 mới từ giáp địa giới phường Ngọc Xuân (thành phố Cao Bằng) đến ngã ba Bản Gùn	584	438	329	263
	Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo đường tránh Quốc lộ 3 cũ đến hết đường tránh (ngã ba Bản Gùn).				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 mới từ ngã ba Bản Gùn đến cầu Nặm Pạng	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đường tránh Quốc lộ 3 theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến trụ sở.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão theo đường liên xã đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Vĩnh Quang - thành phố Cao Bằng).				
	Đoạn đường liên xã từ giáp địa giới xã Đại Tiên đến hết địa giới xã Ngũ Lão	304	228	171	137
11	Xã Quang Trung				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thành phố theo đường Quang Trung - Hà Trì đến hết địa giới xã Quang Trung (giáp xã Hà Trì).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Phan Thanh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Trung.				
12	Xã Trung Vương				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ Khau Chang vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến địa phận xóm Pàn Mỏ.	304	228	171	137
13	Xã Trương Lương				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bình Long theo đường Bình Long - Thông Nông đến hết địa giới xã	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Trương Lương (giáp xã Lương Can - Thông Nông).				
	Đoạn từ cầu Sam Luông đến Giản Đây (giáp địa giới xã Công Trùng).	230	173	129	103

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠỊ ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Nước Hai				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ giáp ranh giới xã Bế Triều đến cầu Roòng Ỏ (giáp ranh xã Đức Long)	3.564	2.673	2.005	1.403
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ theo đường vào đến Trạm cấp nước.				
	Đoạn đường xung quanh chợ Nước Hai				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến nhà Ban quản lý chợ.				
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Ngọc (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 22) (tổ 2 khu phố A) đến hết nhà bà Lê Thị Toan (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) (tổ 2 khu phố A) và các đoạn đường nhánh:	2.433	1.825	1.368	958
	+ Từ nhà bà Trần Thị Biên (thửa đất số 202, tờ bản đồ số 23) tổ 1 phố A đến nhà bà Hứa Thị Mới (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 23) tổ 2 phố A;				
	+ Từ nhà bà Bế Thị Tuyên (thửa đất số 118, tờ bản đồ số 22) tổ 1 phố A đến nhà bà Vương Thị Nụ (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 22) tổ 2 phố A;				
	+ Từ nhà bà Lê Thị Hoa (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28) tổ 1 phố A đến nhà ông Vương Minh Nhật (thửa đất số 199, tờ bản đồ số 22) tổ 1 phố A;				
	+ Từ nhà bà Lê Thị Toan (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) tổ 2 phố A đến nhà ông Hoàng Lương Cam (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 22) tổ 2 phố A.				
	Đoạn từ Trạm cấp nước theo đường Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến đường Hồ Chí Minh nhà ông Khúc Ngọc Việt (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20)				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà ông Lê Xuân Diệu (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 32)) theo đường đi Trạm thuốc lá đến Trạm thuốc lá.				
	Đoạn đường (nhánh 3) từ gần cổng Công an huyện đến trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch.				
	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã tư Huyện đội.				
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội theo đường nhựa đến trường Trung học cơ sở Nước Hai (đến				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	hết đường nhựa).				
	Đoạn đường nối từ đường Hồ Chí Minh (Công an huyện) đến ngã tư huyện đội.	2.433	1.825	1.368	958
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ nhà bà Bé Thị Cúc (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 26) đến ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật.	1.654	1.241	931	652
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội đến hết Trại giam				
4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông Vi Văn Ẽn (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 18)	1.196	896	672	470

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>

PHỤ LỤC SỐ 7

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÔNG NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	49	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	19
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	43	25
2	Xã trung du	CLN	53	37	21
3	Xã miền núi	CLN	45	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	37	26	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Lương Can				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào xóm Nà Sai theo đường Lương Can - Trương Lương đến Pác Kéo xóm Dê Vai.	358	269	201	161
II	Xã miền núi				
1	Xã Đa Thông				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thị trấn đến giáp xã địa giới xã Lương Thông	380	285	214	171
	Đoạn đường từ ngã ba đường 204 theo đường giao thông nông thôn Đà Sa - Đà Khau - Bắc Đại đến hết nhà ông Lộc Văn Dụng (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 138) (xóm Bắc Đại)	220	165	124	99
	Đoạn đường từ đỉnh đèo Mã Quỳnh đến giáp ranh địa giới huyện Hoà An.	196	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Xã Lương Thông				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Lễ (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 172) theo đường 204 đến hết địa phận xã Lương Thông	420	315	236	189
	Đất xung quanh chợ Lương Thông				
	Đoạn đường từ đình Kéo Hái giáp xã Đa Thông theo đường 204 đến nhà ông Trương Văn Lễ (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 172) xóm Bản Rịch	236	177	133	106
	Đoạn đường rẽ từ ngã ba xóm Bản Rịch theo đường đi Nội Phan đến hết địa giới xã Lương Thông (giáp xã Đa Thông)				
	Đoạn đường rẽ từ trường THCS xã Lương Thông từ nhà ông Lê Văn Kiáng (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 85) (Nà Vàng) đến hết địa phận xã Lương Thông				
	Đoạn đường giao thông nông thôn điểm đầu tiếp giáp với đường 204 ngã ba Kéo Hái đi xóm Lũng Rịch, Lũng Đầy đến xóm Tả Bốc.				
3	Xã Bình Lãng				
	Đình dốc Kéo Chỏ (hết địa phận xã) đến chân dốc Mạ Nền (giáp xã Thái Học, Nguyên Bình)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Kéo Chỏ (nhà ông Hoàng Văn Chiến (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 27)) đi xóm Bua Thượng đến hết nhà ông Hoàng Văn Đường (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 66)				
	Đoạn đường từ Ngã ba Cốc Xả đi vào xóm Bua Hạ đến thửa đất nhà ông Vi Văn Quán (thửa đất số 370, tờ bản đồ số 42)				
	Đường liên xóm Kéo Noóng (nhà ông Vi Đức Phong (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 44)) đến hết đất rẫy nhà ông Vi Văn Tịch (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 30)				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Cốc Mỹ (nhà ông Hoàng Văn Long (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 45)) đi xóm Lạn Hạ đến phân trường Lũng Lạn.	236	177	133	106
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Thang Tả đến nhà văn hóa xóm Hoan Bua				
	Đường liên xóm Kéo Noóng đất rẫy nhà ông Vi Văn Tịch (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 30)				
4	Xã Thanh Long				
	Khu vực đất xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn đường từ chân dốc Bản Đâu đến Kéo Chỏ				
	Đoạn đường từ ngã ba Gòi Phát theo đường đi xã Triệu Nguyên đến hết địa phận xã Thanh Long (giáp xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình).	236	177	133	106

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đi Yên Sơn đến hết địa phận xã Thanh Long	236	177	133	106
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đến xóm Tân Phụng				
5	Xã Cần Yên				
	Khu vực đất xung quanh chợ	358	269	201	141
	Từ mốc lộ giới xã Cần Yên đến mốc 626				
	Ngã ba từ nhà ông Nông Văn Tuyển (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 30) đến nhà bà Nông Thị Đới (thửa đất số 136, tờ bản đồ số 29)				
	Ngã ba Nà Thín (nhà ông Nông Văn Tuấn (thửa đất số 321, tờ bản đồ số 14)) đến hết thửa đất nhà ông Sầm Văn Thông (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 10) xóm Nà Thín				
6	Xã Vị Quang				
	Đoạn đường từ ngã ba đường liên huyện đến đến trạm Y tế xã	315	236	177	140
	Đoạn từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Cần Yên đến hết địa phận xã Vị Quang (giáp xã Cần Yên).				
	Đoạn đường từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Sóc Hà (Hà Quảng) đến hết địa phận xã Vị Quang				
7	Xã Ngọc Động				
	Đoạn đường từ chân dốc Lũng Pàng theo đường đi xã đến hết xóm Tân Tổ	350	263	197	158
	Đoạn đường từ nhà bà Lăng Thị Hà (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 112) theo đường đi xã Thanh Long đến đường rẽ vào Trường Tiểu học Lũng Nhùng				
	Đoạn đường từ xóm Thín Thượng đến xóm Cốc Phát	236	177	133	106
	Đoạn đường từ xóm Tân Tổ đến xóm Mản Thượng Hạ				
8	Xã Yên Sơn				
	Đoạn từ ngã ba Cốc Rầy đến đường rẽ vào trường mầm non xóm Choọc Mòn 236	236	177	133	106
	Đoạn đường từ trường Mầm Non xóm Choọc Mòn đi xóm Cốc Lũng đến nhà ông Đặng Văn Triu (thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39).	196	147	110	88
	Từ đường rẽ nhà ông Lục Văn Lợi (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 78) đi hết xóm Nậm Cốp				
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Rầy đi xóm Khao Hạ, Khao thượng đến hết địa phận xã Yên Sơn				
9	Xã Cần Nông				
	Tuyến đường giáp xã Cần Yên theo Quốc lộ 4A đi hết địa phận xã Cần Nông (giáp xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc)	357	268	201	169

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba đường mới xóm Nậm Đông đến đường rẽ đi mốc 623 xóm Lũng Rỳ	357	268	201	169
	Đoạn đường từ đỉnh đào Khau Tàng đến ngã ba xóm Phía Rại				
	Đoạn từ ngã ba theo đường rẽ đi xóm Bó Thầu đến ngã ba Nà Rào đường đi Phiêng Pán	201	150	113	90
	Đoạn từ cầu bê tông đi xóm Nà Ên đến hết đường ô tô đi lại được (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 56)				
	Đoạn đường từ (thửa đất số 454, tờ bản đồ số 55) đi xóm Khau Dừa đến hết đường ô tô đi lại được				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi Thang Chập đến hết đường ô tô đi lại được (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3)				
	Đường ngã ba xóm Nậm Đông đi Khuổi Sỏi đến hết nhà ông Nông Văn Nguyên (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61)				
	Đoạn từ nhà ông Lò Văn Tờ (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 57) đến mốc 617				
	Đoạn từ ngã ba xóm Nà Tênh rẽ đi đến mốc 614				
	Đoạn đường đi đến mốc 616, điểm đầu nối với đường Quốc lộ 4A đến mốc 616				

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Thông Nông				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường tránh sau chợ điểm đầu nối với đường 204 tại Km50 (Cao Bằng - Cần Yên) điểm cuối tại Km0+200 (nối đường Thông Nông - Lương Can).	1700	1275	956	669
	Đoạn từ ngã ba Viện Kiểm Sát theo đường đi xã Ngọc Động đến cầu Lũng Vịt.				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến đầu cầu Cốc Ca				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến cửa hàng xăng dầu HTX Hoàng Anh				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa theo hướng đi xã Lương Can đến hết thửa đất hộ ông Nông Văn Nhất (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77) (xóm Liên Cơ)				
	Đoạn từ ngã ba đi xã Thanh Long đến cầu Keng Thốc.				
	Đất khu dân cư mặt tiền xung quanh chợ.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ đầu cầu Cốc Ca theo đường tỉnh 204 đến đất ở nhà ông Hoàng Văn Sùng (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 59) xóm Cốc Ca				
	Đường vào Trường tiểu học Thị trấn điểm đầu nối với đường đi Lương Can, điểm cuối nối với nhánh 5 của Quy hoạch thị trấn (hết tường rào của Trường tiểu học thị trấn),				
	Đoạn từ ngã ba đường 204 theo đường vào trụ sở Huyện ủy lên đến cổng Huyện ủy.	1013	760	570	399
	Đoạn từ đầu cầu xóm Lũng Vịt theo đường đi xã Ngọc Động đến hết thửa đất của ông Vương Văn Dè (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 12)				
	Đoạn đường từ thửa đất tiếp giáp hộ ông Nông Văn Nhất (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77) (xóm Liên Cơ) theo hướng đi xã Lương Can đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Lương Can)				
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã ba đường theo đường đi xóm Lũng Quang đến chân dốc Lũng Quang	687	515	386	271



PHỤ LỤC SỐ 8
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẠ LANG

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	20
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	46	32	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Việt Chu				
	Từ tổ công tác biên phòng Pác ty đến cột mốc biên giới.				
	Đoạn đường ven đường tỉnh lộ 207A (tiếp giáp thị trấn Thanh Nhật đến hết nhà ông Nông Văn Chiến Nà Ngườm (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03))	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Gồm các xóm ven đường tỉnh lộ 207A (Nhà Đắng, Nhà Kéo, Nhà Mần, Bản Khâu).	358	269	201	161
2	Xã Quang Long				
	Các vị trí đất mặt tiền đường Quốc lộ 4A (xóm Bó Chia).	420	315	236	189
	Các vị trí đất mặt tiền trong xóm Bó Chia đến Canh Nhan và Pác Sinh.				
	Các vị trí đất mặt tiền từ Canh Nhan đến dốc Keng Sàng.	358	269	201	161
	Các vị trí đất mặt tiền đường GTNT từ Pác Sinh vào xóm Bó Mực.				
	Từ Keng Sàng đi Xa Lê – Khị Rót – Lũng Lạc.				
3	Xã Thị Hoa				
	Đoạn đường từ Kéo Háng theo đường tỉnh lộ 207A đến cửa khẩu Bí Hà.	420	315	236	189
	Đường từ ngã ba ủy ban đến Kéo Rin.				
	Các xóm ven đường Tỉnh lộ 207A (Tổng Nưa, Pò Mần, Phia Đán).	358	269	201	161
	Đường từ Kéo Rin đến xóm Ngườm Già đến tiếp giáp xã Cô Ngán)				
	Đường vào các xóm trong xã (Khu Noọc, Khu Đâu, Bản Nháng, Đông Cầu, Cốc Nhan, Thôm Quỳnh, Thôm Cường, Ngườm Già)				
4	Xã Lý Quốc				
	Đoạn đường từ ống Xi Phong đầu xóm Lý Vạn theo đường 207 đến cửa khẩu Lý Vạn.	420	315	236	189
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Bằng Ca				
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Hạ Lang đến nhà bà Chu Thị Lan (thửa đất số 37, tờ bản đồ 63)				
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường Tỉnh lộ 207 đi Lý Vạn đến ngã ba đường rẽ lên UBND xã.				
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Minh Long đến hết ranh giới xã Lý Quốc.				
	Đoạn từ điểm rẽ lên Trạm xá theo đường TL 206 cũ qua Trụ sở UBND xã đến đường TL 207.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các xóm Bang Trên, Bang Dưới, Bản Sao, Bản Khoòng, Lũng Pấu, Khị Cháo, Lý Vạn.	358	269	201	161
II	Xã miền núi				
1	Xã Đồng Loạn				
	Gồm các xóm ven đường QL4A (Bản Thuộc, Bản Miào, Bản Lung, Bản Lện)	358	269	201	161
	Đường QL4A - Bản Sáng.				
	Đường Bản Lện.				
	Đường vành đai biên giới từ xóm Lũng Nặm đến chân dốc đèo Pác Rán (xóm Lũng Nàng)	322	242	181	145
	Từ điểm trường Lũng Búa đến Pác Thông.				
	Từ chân đèo Lũng Phẫu đến chân dốc Bó Ngùa.				
	Từ chân dốc nhà văn hóa đến hết nhà ông Nông Văn Hà (Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 62) (đường vào hang Động Dơi).				
2	Xã An Lạc				
	Gồm các xóm ven đường Tỉnh lộ 207 (Khuổi Mịt. Cô Cam. Tha Hoài. Bản Răng. Bản Nưa. Lũng Sươn. Sộc Phường)	358	269	201	161
	Đường Tỉnh lộ 207 đoạn tránh Khau Mòn qua xóm Nà Ray, Lũng Xúm.	358	269	201	161
	Đường liên xã An Lạc - Đoài Côn từ Cầu Treo xóm Nà Ray đến hết đất xã An Lạc.	322	242	181	145
	Đường liên xã An Lạc - Kim Loan từ ngã ba Cô Cam nhà Ông Trịnh Văn Thanh (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67) đến hết đất An Lạc.				
	Đường Liên xã An Lạc - Vinh Quý từ ngã ba trên nhà Ông Lý Văn Sài (Lũng Sươn) đến hết đất An Lạc.				
	Đường vào Đập Thủy điện Nà Lò từ ngã ba Tha Hoài đến cầu xóm Nà Khộn (xóm Khộn Quang).				
3	Xã Cô Ngân				
	Đường tỉnh lộ 208.	358	269	201	161
	Đường Cô Ngân - Thị Hoa				
4	Xã Đức Quang				
	Đoạn đường Quốc lộ 4A đi qua các xóm (Coòng Hoài, Mấn phía, Pò Mu, Pò Sao, Nà Pác).	358	269	201	161
	Đoạn từ đường Quốc lộ 4A rẽ theo đường vào xã đến hết xóm Nà Pác.				
	Đường Coòng Hoài - Bản Nhăng - Nà Hát.				
	Đường QL4A - Bản Sùng.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5	Xã Kim Loan				
	Từ xóm Lũng Túng, Gia Lường đến xóm Khuổi Ái.	304	228	171	137
	Từ trụ sở UBND xã Kim Loan đến trường THCS Kim Loan.				
6	Xã Minh Long				
	Các xóm ven trục đường Quốc lộ 4A (Bản Thang, Nà Ma, Đa Trên, Nà Quẩn).	358	269	201	161
	Đường Lũng Đa Trên- Đa Dưới.				
	Đường giao thông liên xã Minh Long - Đồng Loan.	322	242	181	145
	Đường nội đồng xóm Nà Vị - Thông Thắng.				
	Đường liên thôn xóm Nà Quẩn - Bản Suối.				
7	Xã Thái Đức				
	Xóm Lũng Liêng, Kênh Nghiêu ven tỉnh lộ 207A; Các vị trí đất mặt tiền tỉnh lộ 207A.	358	269	201	161
	Đường từ Ngã ba Bó Khao đến Bản Dâu.	304	228	171	137
	Đường từ Kênh Nghiêu đến Nà Lung.				
8	Xã Thắng Lợi				
	Đoạn đường ven trục đường Quốc lộ 4A gồm các xóm Bản Sâu, Bản Xà.	358	269	201	161
	Đường Bản Kha.	340	255	191	153
	Đường đi từ xóm Cát Hào theo hướng đi Đức Quang đến hết ranh giới xã Thắng Lợi.				
	Đường đi từ xóm bản Kha đi Bồng Sơn (Trùng Khánh) đến hết ranh giới xã Thắng Lợi.				
	Đường đi từ Co Lý đi đến Bản Sáng đến hết ranh giới xã Thắng Lợi.	322	242	181	145
	Đường đi từ Co Lý đi đến hết Bản Sáng.				
9	Xã Vinh Quý				
	Bao gồm các xóm trên trục đường Hạ Lang - Cô Ngân.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trạm y tế Vinh Quý đi xã Thái Đức đến hết ranh giới xã Vinh Quý.				

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Thanh Nhật				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây gạo trước nhà Bà Hoàng Thị Phúc (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 16-5) theo Quốc lộ 4A đến công Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo tỉnh lộ 207A đến Cổng chân núi Phia Khao.				
	Đoạn đường từ nhà ông Lục Văn Ty (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16-5) theo đường đi Vinh Quý đến đường mòn rẽ đi Sa Tao (xã Việt Chu).				
	Đoạn rẽ lên Huyện Ủy đến công Huyện Ủy.				
	Toàn bộ các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Hạ Lang.				
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo Tỉnh lộ 207 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Hoàng Văn Thắng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 14-5)				
	Đoạn đường trung tâm.				
2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ công Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến hết ranh giới Thị trấn Thanh Nhật.	1.654	1.241	930	651
	Đoạn đường Quốc lộ 4A rẽ đi Nà Ên qua Kéo Sy đến đường Quốc lộ 4A.				
	Đoạn đường từ Cổng chân núi Phia Khao đến hết ranh giới thị trấn.				
	Các vị trí mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Thắng (Đoòng Deng) đến hết biên báo thị trấn Thanh Nhật.				
3	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn từ ngã ba Sa Tao (xã Việt Chu) đến hết ranh giới thị trấn Thanh Nhật.	1.196	897	673	471
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A lên Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo đường vành đai đến giáp đường tránh Quốc lộ 4A.				
	Đoạn từ ngã ba Hát kiểm lâm theo đường vành đai đến hết Nghĩa trang liệt sĩ.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
4	Đường phố loại V				
	Từ đầu Ngườm Ngược đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.				
	Đoạn đường từ đường rẽ Kéo Sy đi theo đường vào xóm Sộc Quân đến hết đường ô tô đi lại được.				
	Đoạn đường từ Cổng làng Ngườm Khang đến hết làng Ngườm Khang.	864	648	486	340
	Đoạn đường từ ngã ba (góc cây gạo trước nhà Bà Hoàng Thị Phúc (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 16-5)) theo Quốc lộ 4A đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.				

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>



Tài liệu này được lưu trữ tại [http:// cafeland.vn](http://cafeland.vn)

PHỤ LỤC SỐ 9

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH AN**

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	20
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁCĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	46	32	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Lê Lai				
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo Quốc lộ 34B đến hết làng Nà Keng.	420	315	236	189
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Nà Danh.				
	Đoạn đường từ ngã ba Phai Kéo theo Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xóm Nà Cốc (Keng Vịt).				
	Đoạn đường từ cuối làng Chộc Sòn (giáp địa giới thị trấn Đông Khê) theo đường đi Đức Long đến chân đèo Tu Hìn. (Quốc lộ 34B)				
	Đoạn đường từ xóm Lũng Sươi (tiếp giáp Keng Vịt) theo đường Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xã Lê Lai (giáp xã Văn Trinh).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê đến hồ Nà Sloông.				
	Đoạn từ cuối làng Nà Keng theo đường Tỉnh lộ 209 đến hết làng Slằng Kheo.				
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Keng đến hết làng Lũng Lãng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Sloông vào đến hết làng Lũng Buốt.				
	Từ ngã ba Nà Keng (nhà bưu điện văn hoá xã) vào đến hết làng Nà Linh.				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông vào hết xóm Bó Pha.				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A rẽ trường Tiểu học Tân Việt, vào đến hết xóm Bản Cầm.				
2	Xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Tục (giáp thị trấn Đông Khê) theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ theo đường làng Khê Choông đến nhà ông Đinh Văn Uy (thửa đất số 325, tờ bản đồ số 31) (xóm Nà Pá).	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Đông Khuổi Thán nhà ông Vi Văn Hải (Thửa đất số 18, Tờ bản đồ số 40) Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Tục Ngã. Đoạn đường từ ngã ba sau trường Phổ thông cơ sở từ nhà bà Nông Thị Vui (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 26) qua xóm Nà Pá trên đến giáp đường đi xã Lê Lợi. Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Pác Khoang. Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường vào làng Nà Tục đến hết làng Nà Chang (giáp địa giới thị trấn Đông Khê).	304	228	171	137
3	Xã Đức Long				
	Đoạn đường từ Km 0 quốc lộ 34B theo đường trục chính đến hết Trạm phát sóng Vinaphone.	420	315	236	189
	Đoạn từ đầu làng Doồng Deng qua chợ đến hết ranh giới làng Doồng Deng. Đoạn đường từ đầu làng Nà Giới (giáp làng Doồng Deng) theo đường đi cửa khẩu đến hết làng Bản Mới. Đoạn đường từ đầu làng Doồng Deng theo đường đi Đông Khê đến hết làng Bản Ngèn. Đoạn đường từ giáp ranh địa giới hành chính xã Đức Long với xã Danh Sỹ theo đường Đông Khê - cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Viên.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Trạm phát sóng Vinaphone (QL34B) theo đường vành đai biên giới đến mốc 60 tiếp giáp tỉnh Lạng Sơn. Đoạn đường từ làng Nà Mản rẽ vào hết làng Bản Là. Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B tại Khau Lùng đến đầu nối với đường Quốc lộ 4A tại Bắc Quảng. Đoạn đường từ ngã ba đường Trục chính cửa khẩu Đức Long (Quốc lộ 34B) theo đường đi xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hoà đến ngã ba đường bê tông từ nhà ông Liễn Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến xóm Lũng Niêng. Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B nhà ông Liễn Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến hết xóm Lũng Niêng.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông rẽ vào đến hết xóm Bản Vi.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đàm Văn Hiệp theo đường bê tông đến hết đất nhà ông Ngôn Văn Công, xóm Bản Nghèn (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13)				
	Đoạn đường từ hết làng Bản Nghèn theo đường bê tông đi xã Thụy Hùng đến hết địa giới xã Đức Long (giáp ranh ba xã Đức Long, Danh Sỹ, Thụy Hùng).				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi Nà Mô Pắc Khoang.				
	Đoạn đường từ QL 34B đi chân núi Báo Đông.				
4	Xã Kim Đồng				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	500	375	281	225
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Lai (Nà Vai) (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 116) theo Quốc lộ 43B (đường đi Cao Bằng) đến ngã ba đường đi xã Đức Thông.				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 34B còn lại.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết làng Nà Khao.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết làng Khuổi Nặng.				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi thôn Nà Ngườm đến cầu Búng Kít (cầu cũ).				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi thôn Nặm Thầu đến hết làng Nặm Thầu.				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đi xóm Khuổi Đầy đến hết đất nhà ông Triệu Văn Phúc (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 163).				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đi xóm Nà Ngườm, Nà Chàm – Bó Pia đến hết làng Chu Lăng				
5	Xã Vân Trình				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở đến hết nhà bưu điện văn hoá xã (chợ Thôm Bon cũ).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã theo đường đi Đông Khê (QL34B) đến đầu làng Bó Dường (giáp địa giới xã Lê Lai).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ sau nhà bưu điện văn hoá xã (QL 34B) đến hết làng Nà Ôn.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu làng Lũng Xôm đến hết làng Khura Pát.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Đán Căng (Bó Đường) đến hết làng Cốc Ngườm.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đến nhà văn hoá xóm Lũng Hảy.				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường vào làng Phạc Sliến đến hết đất nhà ông Bể Ngọc Huân (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 73)				
II	Xã miền núi				
1	Xã Canh Tân				
	Đoạn đường xung quanh chợ Đông Muồng và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	400	300	225	180
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết Trường Phổ thông cấp II, III Canh Tân.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết làng Pác Pén.				
	Đoạn từ Trường Phổ thông cấp II, III đến hết làng Kéo Ngoọng (Tân Hoà).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đường Đông Muồng - Trường Phổ thông cấp II, III vào hết làng Nà Cốc.				
	Đoạn đường từ Trường cấp 1 + 2 Canh Tân theo đường liên xã Canh Tân - Đức Thông đến giáp địa giới hành chính xã Đức Thông.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Pò Khương đi Khuổi Mjầu đến hết nhà ông Triệu Văn Phúng (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 48).				
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết đỉnh Khau Ác (giáp địa giới hành chính xã Kim Đồng).				
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết làng Nà Chia.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Khuổi Hoong đến hết làng Khuổi Văm.				
2	Xã Danh Sỹ				
	Đoạn đường từ chân đèo Tu Hìn theo đường cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Phẳng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đường Đông Khê - Đức Long (QL34B) rẽ vào hết làng Bản Bung.	322	242	181	145
	Đoạn đường từ ngã Bản Phẳng (QL34B) đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu đường Nà Vài đến hết làng Pác Chủ.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ làng Pác Chủ vào hết làng Bản Nhận.				
	Đoạn đường từ xóm Bản Nhận vào đến hết xóm Chộc Chăng.	304	228	171	137
3	Xã Đức Thông				
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	270	203	152	122
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết trường Phổ thông Cơ sở (Pò Điểm).				
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết làng Nà Pò.				
	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Thế Khôi (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 83) theo đường đi Pò Khoang đến giáp đường Tỉnh lộ 209.				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã đến hết làng Nà Mềng.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đầu làng Kéo Quý đến cuối làng Sộc Coóc.				
	Đoạn đường từ cuối làng Sộc Coóc theo đường Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Trọng Con.				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Pò Chiêu đi Khuổi Phúng đến hết đất nhà ông Triệu Văn Đụn. (thửa đất số 272, tờ bản đồ số 34)				
	Đoạn đường từ cuối làng Nà Mềng đến hết làng Nà Hén.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ làng Cầu Lặn đến hết làng Khuổi Phùm.				
	Đoạn đường từ ngã ba theo đường vào làng Nà Mềng đến nhà ông Nông Văn Giáp. (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11)				
	Đoạn đường từ Trường học Pò Điểm theo đường liên xã Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Canh Tân.				
	Đoạn đường từ ngã 3 nhà ông Nông Văn Thắng (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 53) theo đường liên xã Đức Thông - Kim Đồng đến hết làng Nà Pò.				
4	Xã Lê Lợi				
	Đoạn đường từ Nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23) đến cổng trường trung học cơ sở xã.	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Nưa đến nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Queng đến hết nhà văn hóa thôn Nà Tậu 1.				
	Đoạn đường từ ngã 3 giáp ranh nhà ông Mùi Quý Chuyên (thửa đất số 446, tờ bản đồ số 17) đến hết đoạn đường qua nhà ông Đinh Văn Giám thôn Nà Tậu 2.				
	Đoạn đường từ ngã ba Đông Luông đến hết thôn Nà Niêng.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ cổng trường trung học cơ sở xã đến cụm dân cư thôn Đoòng Mu.				
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Keng Sliên đến đỉnh dốc Keng Kéo Slàng.				
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Kéo Slàng đến hết thôn Sliên Ngoại.				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Luyện (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28) đến đỉnh dốc Keng Sliên.				
5	Xã Thái Cường				
	Đoạn đường thuộc Tỉnh lộ 219.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Khuổi Chủ theo Quốc lộ 34B đến hết làng Tềm Tăng.				
	Đoạn đường từ Hang Kỵ (cầu Sập) đến hết làng Nà Luông.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ đỉnh Khau Khoang đến hết phân trường Tềm Tăng.				
	Đoạn đường từ Khau Khoang (Tỉnh lộ 219) đến nhà Văn hóa xóm Giả My.				
6	Xã Quang Trọng				
	Đoạn đường xung quanh chợ, nhà trường, trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	270	203	152	122
	Từ chợ Pò Bấu theo đường đi Cao Bằng đến giáp địa giới xã Minh Khai.	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Cầu tràn Văng Poòng đến hết làng Nà Hét.				
	Đoạn đường từ Bó Deng đến giáp địa giới hành chính xã Đoàn Kết, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Phạc đến Cổng Trời.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Dạng đến Pò Làng.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Phạc đến Nà Giản.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường rẽ từ Cổng trời đến hết làng Nà Púng.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Cong đến hết làng Khuổi Kiềng.				
7	Xã Minh Khai				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Trường Phổ thông Cơ sở.)	270	203	152	122
	Đoạn đường từ chợ Nà Kè đến hết làng Nà Đải.				
	Đoạn đường từ chợ Nà Kè đến hết nhà ông Nông Văn Khôn. (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65)				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khôn (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65) (Nà Sèn) đến hết nhà bà Lương Thị Đàm (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21) (Nà Đổng).	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà bà Lương Thị Đàm (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21) (Pác Duốc) đến hết nhà ông Lương Văn Bàu (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03) (Pi Ca).				
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Bàu (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03) (Pi Ca, xóm Pác Duốc) theo đường Tỉnh lộ 209 đến giáp địa giới xã Canh Tân (Kéo Khuổi Sáng).				
	Đoạn đường từ đường 209 vào làng Khau Sliêm.	196	147	110	88
8	Xã Thị Ngần				
	Các vị trí đất mặt tiền khu xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã đến hết xóm Cấn Tầu.	274	205	154	123
	Đoạn đường từ Nà Kha Kéo (nhà ông Nguyễn Quốc Thanh (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 36) xóm Cấn Nưa đến hết đất nhà bà Lộc Thị Sông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30) xóm Bản Muồng (đường Phiêng Chang - Bản Muồng).				
9	Xã Thụy Hùng				
	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã và trường Phổ thông Cơ sở.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ khu dân cư Lò vôi theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Ka Liêng (giáp địa giới huyện Phục Hòa).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Hà Văn Huân (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18) theo đường đi qua Nà Lít đến hết xóm Nà Ẽn.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Lũng Đầy đường Quốc lộ 4A đi qua làng Khuổi Cáp đến hết làng Bản Luồng.	274	205	154	123
	Đoạn đường từ ngã 3 đường Quốc lộ 4A qua xóm Khưa Dí đến hết làng Phia Nhọt xóm Khuổi Cáp, xã Thụy Hùng				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A nhà ông Hà Khải Hoàn (thửa đất số 532, tờ bản đồ số 27) vào đến gốc cây Đa, xóm Bản Ném				
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Nặm, xã Thụy Hùng - Đường đi Đức Long đến hết làng Pác Nặm				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A Lò vôi - Pác Nặm- Cốc Bao.				
	Đoạn đường từ trường Tiểu học xã Thụy Hùng vào đến hết làng Bản Sliễn	274	205	154	123
10	Xã Trạng Con				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B (Cạm Tắm) đến đầu cầu làng Nà Lặng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba làng Nà Mán đến hết làng Bản Chang (trường Phổ thông Cơ sở xã).				
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ.	304	228	171	137
	Đoạn đường Nà Lặng – Nà Ngải (Cầu Nà Ngải).	274	205	154	123
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Lặng theo đường tỉnh lộ 209 đến Cạm Khang (Giáp xã Đức Thông)				
	Đoạn đường liên xã Nà Vải – Nà Ngải – Nà Cá – Bản Cẩu – Cạm Khang – Đức Thông.				
	Đoạn đường cuối làng Bản Chang (ngã ba Nhà ông Mai (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 86) đến Nhà VH xóm Nà Pi)				
	Đoạn đường từ đầu Cầu Nà Lặng – hết làng Pò Lải (Giáp Thái Cường).				

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Đông Khê				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường xung quanh sân trung tâm.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin theo Quốc lộ 34B đến hết đất trụ sở Tòa án nhân dân huyện.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đến hết Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê qua chợ đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ).	3.726	2.795	2.096	1.467
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B theo đường Quốc lộ 4A đến hết ngã tư Bó Loỏng.				
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B cầu Phai Pin theo đường tránh Quốc lộ 4A đến ngã 3 cầu Slăng Péc.				
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B Điện lực Thạch An đến cầu vào Chợ trung tâm thị trấn Đông Khê				
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ sau trụ sở Tòa án nhân dân huyện theo Quốc lộ 34B đến hết đất Xưởng chế biến Chè đắng cũ.				
	Đoạn đường từ cổng trường cấp II, III (đường Cạm Phầy) đến ngã ba Slăng Péc (gặp đường 4A).				
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin theo Quốc lộ 34B đến hết đất nhà ông Vũ Xuân Long (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 76) (khu 5).	2.543	1.907	1.430	1.001
	Đoạn từ sau trụ sở Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê đến đầu cầu Nà Ma.				
	Đoạn đường từ sau trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ) theo đường đi Thôm Pò đến đầu cầu Phai Pác.				
	Đoạn từ ngã tư Bó Lỏng theo đường Quốc lộ 4A đến đầu cầu Phai Sặt.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường nội thị từ cổng Trường Phổ thông dân tộc nội trú (đường nhánh 3) đến ngã 3 đường Bê tông đi xóm Pò Hẩu (gần cầu Phai Pác).	2.543	1.907	1.430	1.001
	Đoạn từ ngã 3 đường Quốc lộ 4A rẽ xuống cầu Bó Loong đến ngã tư Đoòng Lặng.				
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ Xưởng chế biến Chè đắng cũ theo Quốc lộ 34B đến đường đi Lũng Hay hết đất ở nhà ông Triệu Văn Toàn (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 42)	1.730	1.298	973	681
	Đoạn đường từ nhà ông Vũ Xuân Long (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 76) theo Quốc lộ 34B đến giáp địa giới xã Đức Xuân.				
	Đoạn từ đầu cầu Phai Rạt theo đường Quốc lộ 4A đến ngã ba Slăng Péc.				
4	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn đường từ đường rẽ đi Lũng Hay hết nhà ông Triệu Văn Toả (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 42) theo Quốc lộ 34B đến hết đất nhà ông Nông Văn Tường (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 41) (xóm Chang Khuyên).	1.250	938	703	492
	Đoạn từ ngã ba Slăng Péc đến hết làng Chộc Sòn (đường đi Đức Long).				
5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Xuân Tường (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 41) theo Quốc lộ 34B đến giáp địa giới xã Lê Lai.	902	677	507	
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Ma theo đường vào làng Pò Diều đến đầu cầu Pò Diều.				
	Đoạn từ đầu cầu Phai Pác theo đường Thôn Pò đến mỏ nước Bó Coóc.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bó Loong đến hết làng Đoòng Lặng.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B vào hết làng Pò Sừ.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B vào hết làng Nà Lũng.				
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B theo đường bê tông vào đến hết làng Nà Cúm				

PHỤ LỤC SỐ 10

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÙNG KHÁNH**

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	80	56	32
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	28
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	34	20
2	Xã Trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	70	50	28
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	29	17
3	Xã Miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	60	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	21
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	45	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã Trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	39	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	27	15
3	Xã Miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	33	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	22	13

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	CLN	62	44	27
2	Xã Trung du	CLN	53	37	21
3	Xã Miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã Đồng bằng	RSX	13
2	Xã Trung du	RSX	11
3	Xã Miền núi	RSX	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã Trung du	NTS	37	26	15
3	Xã Miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung du				
1	Xã Thông Huê				
	Hai đoạn đường từ ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 206 và đường tránh (phía Bản Cườm) theo đường tỉnh lộ 206 đi Trùng Khánh và theo đường mới qua cầu tránh phò Thông Huê đến gặp ngã ba giữa đường tỉnh lộ 206 và đường tránh (tại xóm Thua Phia).	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ ngã tư đầu cầu Thông Huê theo đường đi xã Thân Giáp, đến đầu cầu cũ.	420	315	236	189
	Các khu đất có mặt tiền xung quanh chợ Thông Huê.				
	Tiếp từ ngã ba lối rẽ đường tránh mới phố Thông Huê (phía bên xóm Thua Phia) theo đường tỉnh lộ 206 đi Trùng Khánh đến hết địa giới xã Thông Huê (giáp xã Đức Hồng).	358	269	201	161
	Tiếp từ ngã ba lối rẽ đường tránh mới phố Thông Huê (phía Bản Cườm) theo đường tỉnh lộ 206 đi thành phố đến đường rẽ vào mỏ Bản Khuông.				
	Từ đầu cầu mới phố Thông Huê theo đường liên xã đi Trung Phúc đến hết Trường Trung học Phổ thông Thông Huê.				
	Đoạn đường từ Trường Trung học Phổ thông Thông Huê theo đường liên xã Thông Huê - Trung Phúc đến hết địa giới xã Thông Huê.				
2	Xã Cảnh Tiên				
	Đoạn đường từ giáp ranh thị trấn Trùng Khánh theo đường tỉnh lộ 206 đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ.	525	394	295	236
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Pác Đông (tại ngã ba đường TL 206 và đường tránh thị trấn) theo đường tránh thị trấn đến hết địa phận xã Cảnh Tiên (giáp thị trấn).				
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ, theo đường tỉnh lộ 206, đến hết địa giới xã Cảnh Tiên (giáp xã Đức Hồng).	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã 3 tỉnh lộ 206 theo đường liên xã Cảnh Tiên - Trung Phúc đến đường rẽ vào xóm Bản Chang.	269	202	151	121
	Đoạn đường nối từ thị trấn Trùng Khánh vào xóm Thềm Quốc.				
	Đoạn đường liên xã Cảnh Tiên - Trung Phúc từ đoạn rẽ vào xóm Bản Chang đến hết địa phận xã Cảnh Tiên (giáp xã Trung Phúc)				
3	Xã Chí Viễn				
	Đoạn đường từ ngã ba đường tránh (đối diện đường vào trường cấp III Chí Viễn) từ nhà ông Nông Văn Tích (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 76) theo đường tỉnh lộ 206 cũ qua chợ Pò Tầu, đến ngã ba đường tránh mới cây xăng sơn thủy (thửa đất số 425, tờ bản đồ số 77)	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các khu đất có mặt tiền xung quanh chợ Pò Tầu. Đoạn đường từ ngã ba đường tránh (đối diện đường vào trường cấp III Chí Viễn) từ nhà ông Nông Văn Tích (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 76) xóm Nà Tuy theo đường Quốc lộ 4A qua xóm Nà Sơn đến Trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	420	315	236	189
	Tiếp từ ngã ba đường tránh (đối diện đường vào trường cấp III Chí Viễn) từ nhà ông Nông Văn Tích (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 76) xóm Nà Tuy, theo đường Quốc lộ 4A đến hết địa giới xã Chí Viễn (giáp xã Phong Châu).	358	269	201	161
	Tiếp từ Ủy ban nhân dân xã theo đường Quốc lộ 4A, đến hết địa giới xã Chí Viễn (giáp xã Đàm Thủy).				
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo đường đi xóm Keo Háng đi qua xóm Bản Hang và xóm Đông Môn đến Thua Đoòng Khoang (giáp xã Đàm Thủy).				
4	Xã Đức Hồng				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới giữa xã Đức Hồng và xã Thông Huệ, theo đường tỉnh lộ 206, đến hết địa giới xã Đức Hồng (giáp xã Cảnh Tiên).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi xóm Nà Khiêu theo đường liên xã Đức Hồng - Cao Thăng đến hết địa phận xã Đức Hồng.				
	Đoạn đường ngã ba đường rẽ đi xóm Lũng Túng qua xóm Nà Rầy đến hết địa phận xã Đức Hồng (giáp xã Cao Thăng).				
5	Xã Phong Châu				
	Đoạn từ ngã ba nhà bà Nông Thị Lê Na (thửa đất số 58, tờ bản đồ số 29) theo đường Quốc lộ 4A đến đường rẽ đi xóm Bản Quam (Nhà ông Triệu Văn Tước (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 38)).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới xã Đình Minh, theo đường Quốc lộ 4A đến ngã ba đường rẽ vào nhà máy Fero Mangan.				
	Đoạn từ đường rẽ đi xóm Bản Quam (Nhà ông Triệu Văn Tước (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 38)) theo đường Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Phong Châu (giáp xã Chí Viễn).				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Đình Minh đi qua xóm Phía Bó hết xóm Cô Bầy giáp Pò Bé đi qua xóm Bản Piên đến giáp xã Đình Phong.	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo đường nhà máy Fero Mangan đến hết địa phận xóm Nà Mẩn.				
	Đoạn đường từ ranh giới giáp xã Chí Viễn đi qua xóm Bản Viêt đến ranh giới giáp xã Cao Thăng.				
6	Xã Đình Minh				
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Trùng Khánh, theo đường Quốc lộ 4A đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	420	315	236	189
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã, theo đường Quốc lộ 4A, đến hết địa phận xã Đình Minh (giáp xã Phong Châu).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ tiếp giáp Thị trấn Trùng Khánh (xóm Thang Lý) theo đường đi Bản Đà, đến giáp đường quốc lộ 4A.				
II	Xã Miền núi				
1	Xã Đàm Thủy				
	Đoạn từ nhà ông Phương Ích Hiếu xóm Bản Giốc (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 64) đến theo trục đường Quốc lộ 4A đến ranh giới giáp huyện Hạ Lang (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 81).	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà ông Nông Đình Huân xóm Bản Dít (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 47) đến nhà bà Nông Thị Quế (Bố Nông Đình Kỳ) xóm Đồng Tâm Bản Rạ (thửa đất số 333, tờ bản đồ số 49)				
	Đoạn từ cổng đồn Biên phòng Đàm Thủy theo trục đường Quốc lộ 4A đến nhà ông Nông Đình Huân xóm Bản Dít (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 47)				
	Đoạn từ nhà bà Nông Thị Quế (thửa đất số 333, tờ bản đồ số 49) xóm Đồng Tâm Bản Rạ đến nhà ông Phương Ích Hiếu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 64) xóm Bản Giốc				
	Đoạn từ 2 đầu đường rẽ từ Quốc lộ 4A vào xóm Bản Gun, đến bãi đỗ xe vào động Ngườm Ngao.	304	228	171	137
	Đoạn từ cổng đồn Biên phòng Đàm Thủy theo trục đường Quốc lộ 4A đến hết địa giới xã Đàm Thủy giáp xã Chí Viễn.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ nhà ông Phương Ích Hiếu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 64) xóm Bản Giốc theo trục đường đến đường đầu nổi ra Mốc 834/1.	304	228	171	137
2	Xã Đoài Côn				
	Từ ngã ba đường trục xã, theo đường đi Tấp Ná đến hết địa phận xã Đoài Côn (giáp xã Bình Lăng, huyện Quảng Uyên).	358	269	201	161
	Từ giáp ranh với địa giới xã Thông Huệ theo đường liên xã Thông Huệ - Đoài Côn đến hết địa phận xã Đoài Côn (giáp xã An Lạc, huyện Hạ Lang).	304	228	171	137
	Từ ngã ba đường trục xã, theo đường đi xã Thân Giáp, đến hết địa phận xã Đoài Côn (giáp xã Thân Giáp).				
	Từ Ủy ban nhân dân xã mới theo đường liên xã Thông Huệ - Đoài Côn đến hết địa phận xã Đoài Côn (giáp xã An Lạc, huyện Hạ Lang)				
3	Xã Lăng Hiếu				
	Từ giáp ranh địa giới thị trấn Trùng Khánh, theo đường 211 đi Trà Lĩnh, đến đường rẽ vào xóm Hiếu Lễ (sát nhà bà Lý Thị Tơ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 46)).	358	269	201	161
	Từ đường rẽ vào xóm Hiếu Lễ (sát nhà bà Lý Thị Tơ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 46)) theo đường tỉnh lộ 211 đi Trà Lĩnh đến hết địa phận xã Lăng Hiếu (giáp xã Lăng Yên).	304	228	171	137
	Từ ngã ba xóm Keo Chường - Bản Liêng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Lăng Hiếu (giáp xã Lăng Yên, đi qua các xóm Keo Chường - Bản Liêng, Pác Cuối Phía Ngược, Đông Đô).				
4	Xã Đình Phong				
	Đoạn đường tiếp giáp xã Ngọc Khê (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 25) theo đường 213 đến hết địa phận xã Đình Phong (giáp xã Ngọc Khê)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã 3 cầu treo Đình Phong (xóm Ta Nang) theo đường đi UBND xã đến giáp ngã 3 đường 213 rẽ vào xóm Nộc Cu và mặt tiền xung quanh chợ Đình Phong				
	Từ ngã ba xóm Đoòng Luông theo đường bê tông đi xóm Giảng Gà đến ngã 3 đường rẽ đi Lũng Nặm.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường rẽ từ đường 213 xóm Ta Liêng theo đường cầu Treo đến Trường Mầm non	304	228	171	137
	Từ đường rẽ vào xóm Ta Liêng theo đường liên xã Đình Phong - Phong Châu đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tha Mẩn.				
5	Xã Khâm Thành				
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Trùng Khánh, theo đường 213, đến Cầu Tắc.	358	269	201	161
	Tiếp từ ranh giới thị trấn Trùng Khánh, theo đường liên xã đi Phong Nậm, đến nhà ông Hoàng Văn Chiến (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 57) - xóm Ngoài (Bản Mới).	304	228	171	137
	Tiếp từ ranh giới thị trấn Trùng Khánh, theo đường liên xã đi Ngọc Chung, đến Trường Mầm non xã Khâm Thành.				
	Tiếp từ Cầu Tắc, theo đường 213, đến dốc Keng Si (hết địa giới xã Khâm Thành).				
6	Xã Lăng Yên				
	Từ Ngườm Nhùng giáp ranh Lăng Hiếu và Lăng Yên đi theo đường trục xã qua các xóm Kéo Toong, Lũng Gia, Bản Chiên đến tỉnh lộ 211	304	228	171	137
	Từ ngã ba Cốc Chia đi qua các xóm Đông Niêng, Lũng Răng đến hết xóm Răng Rang.				
	Từ đỉnh đèo Keng Giao giáp ranh xã Lăng Hiếu và xã Lăng Yên theo đường Tỉnh lộ 211 đến đỉnh đèo Keng Păn giáp ranh với xã Quang Trung				
7	Xã Thân Giáp				
	Từ giáp ranh địa giới giữa xã Thân Giáp và xã Đoài Côn, theo đường trục xã, qua xóm Thua Khuông, Thông Lộc đến Cầu Kiều xóm Thông Lộc.	304	228	171	137
	Từ giáp ranh với địa phận xã Đoài Côn theo đường liên xã Thông Huề - Thân Giáp - Cao Thắng đến hết địa phận xã Thân Giáp (giáp xã Cao Thắng).				
8	Xã Cao Thắng				
	Đoạn đường từ giáp ranh giữa xã Cao Thắng và xã Đức Hồng, theo đường liên xã Đức Hồng - Cao Thắng - Phong Châu qua xóm Pác Bó đến hết địa phận xã Cao Thắng tiếp giáp với xã Phong Châu theo đường liên xã Cao Thắng - Phong Châu - Chí Viễn.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Nà rầy (xã Đức Hồng) đến trung tâm xã Cao Thắng.				
	Đoạn đường giáp ranh giữa xã Cao Thắng và xã Thân Giáp qua xóm Co Rược Bản Vạng đến hộ Nông Công Diện, xóm Phia Tôm (thửa đất số 229, tờ bản đồ số 70)	304	228	171	137
9	Xã Ngọc Côn				
	Đoạn từ cây xăng đầu đầu làng Pò Peo đi theo đường 213 đến hết chợ cửa khẩu Pò Peo và các khu đất mặt tiền xung quanh chợ Pò Peo.				
	Đoạn đường từ ngã ba (gần nhà ông Hà Văn Lông (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 16)) - xóm Pò Peo) rẽ vào xóm Bo Hay - Pác Ngà qua cầu treo đến nhà ông Đinh Văn Trình (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 15), xóm Bo Hay - Pác Ngà.	358	269	201	161
	Tiếp từ ranh giới xã Ngọc Khê - Ngọc Côn (theo đường 213) đến cây xăng đầu đầu làng Pò Peo.				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xã Ngọc Khê theo đường 135 đến nhà ông Đinh Văn Trình (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 15), xóm Bo Hay - Pác Ngà.				
	Đoạn đường từ ngã ba (gần nhà ông Hoàng Văn Thủy (thửa đất số 420, tờ bản đồ số 38), xóm Keo Giáo) rẽ vào xóm Phia Siểm đến nhà ông Hoàng Văn Cơ (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 45) - xóm Phia Siểm.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba đường 213 rẽ vào Phia Muông đến đầu làng xóm Phia Muông				
10	Xã Ngọc Chung				
	Đoạn đường tiếp giáp xã Khâm Thành theo đường liên xã Khâm Thành - Ngọc Chung đến ngã ba có đường rẽ vào xóm Sộc Khăm (nhà ông Tô Văn Công (thửa đất số 297, tờ bản đồ số 19).	304	228	171	137
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Công (thửa đất số 297, tờ bản đồ số 19) đến đoạn Keng Ngừm.				
11	Xã Ngọc Khê				
	Từ Keng Xi theo đường 213, đến hết địa giới xã Ngọc Khê (giáp xã Đình Phong).				
	Từ tiếp địa giới xã Đình Phong, theo đường 213 đến hết địa phận xã Ngọc Khê (giáp xã Ngọc Côn).	358	269	201	161
	Từ đầu cầu ngầm Đoòng Dọa phía Ta Nay, đến hết Trường Trung học Cơ sở xã Ngọc Khê.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ tiếp giáp xã Phong Nậm (núi Gập Kiu) theo đường liên xã thị trấn Trùng Khánh - Khâm Thành - Phong Nậm - Ngọc Khê đến giáp đường 213 tại xóm Nà Loỏng.	358	269	201	161
	Đoạn từ Trường Trung học Cơ sở đến hết địa phận xã Ngọc Khê giáp xã Ngọc Côn (theo đường đi cầu treo Pác Ngà).	304	228	171	137
	Đoạn từ ngã ba Nà Loỏng theo đường liên xã đến đầu cầu ngầm Đoong Doạ.				
	Đoạn đường rẽ từ đường Tỉnh lộ 213 đi qua Hang Ngườm Hoài đến đường trục xã.				
12	Xã Phong Nậm				
	Đoạn đường từ giáp ranh giữa xã Phong Nậm và xã Khâm Thành theo đường trục xã đi xóm Đà Bè đến đầu cầu Đà Bè.	304	228	171	137
	Đoạn từ ngã ba UBND xã (theo trục đường liên xã thị trấn Trùng Khánh - Khâm Thành - Phong Nậm - Ngọc Khê) đến hết địa phận xóm Đà Bút.				
	Đoạn đường Đoạn từ đầu cầu Thua Ly đến xóm Lũng Diêng.				
13	Xã Trung Phúc				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới xã Thông Huệ, theo đường liên xã, đến hết địa giới xã Trung Phúc (giáp xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh).	304	228	171	137

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠ TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Trùng Khánh				
1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ Siêu thị điện thoại Thi Quyên (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 31) theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã tư đường tròn trung tâm và mặt tiền xung quanh chợ trung tâm thị trấn.	2.792	2.094	1.571	1.099
2	Đường loại II				
	Đoạn đường từ tiếp giáp Siêu thị điện thoại Thi Quyên (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 31) theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã ba đường tỉnh lộ 211.	1.715	1.286	965	675

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ tư đường tròn trung tâm theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã ba đường tỉnh lộ 213 giao đường tỉnh lộ 206 (tính hết nhà ông Lý Văn Hiệu (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21) và đối diện là nhà ông La Hiến (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21). Đoạn đường quốc lộ 4A từ đầu nhà ông Nông Văn Kiên (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33) đến hết bến xe mới Đoạn đường Nội thị tính từ Trụ sở Kho bạc huyện (trụ sở mới) đến đường rẽ vào xí nghiệp cấp nước (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 31).	1.715	1.286	965	675
3	Đường loại III				
	Đoạn từ ngã ba đường 211 rẽ theo đường qua cổng Trường Trung học cơ sở thị trấn (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 39) đến đầu cầu sắt phía sau trụ sở Phòng Văn hóa thông tin và mặt tiền xung quanh nhà văn hóa tổ 5. Đoạn đường từ ngã ba đường tỉnh lộ 206 giao đường tỉnh lộ 211 theo đường tỉnh lộ 206 cũ đến hết hết sân Vận động huyện và đối diện (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 57) Đoạn đường từ ngã ba đường 213 giao đường tỉnh lộ 206 từ nhà ông Lý Văn Dục (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 21) theo đường 213 đến đường rẽ đi xã Phong Nặm (đối diện nhà bà Nông Thị Nhói (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12)). Đoạn đường từ ngã ba đường 213 giao đường tỉnh lộ 206 tiếp từ nhà bà Hà Thị Huyền (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 21) theo đường đi thác Bản Giốc đến hết nhà ông Sơn Bách (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 34) và đối diện. Đoạn đường tiếp giáp trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 31) đến hết nhà nghi Tùng Oanh (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 31), vòng theo đường bê tông khu 2 cũ đến giáp đường nội thị (khu cắt tóc) và từ trụ sở Tòa án đến Thang Cảng (tính đến hết nhà ông Bùi Duy Đông (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 41)) và đối diện) Đoạn từ ranh giới bến xe theo đường Quốc lộ 4A đến ngã ba đường rẽ sang tổ 12 (tính đến hết thửa đất số 11, tờ bản đồ số 68 và đối diện) Đoạn từ nhà bà Tăng Thị Hằng, tổ 3 (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31) theo đường đi qua Trạm y tế thị trấn cũ đến hết nhà ông Ngô Văn Kiên (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40)	1.166	875	656	459

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường nội thị từ ngã ba đường 206 (nhà bà Sâm tổ 10 (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 21)) đến đầu cầu mới gần ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng. Đoạn đường Nội thị từ ngã ba đường 206 (nhà ông Mông Tuấn Anh tổ 10 (thửa đất số 90, tờ bản đồ số 22)) đến ngã ba đường Nội thị, đằng sau Huyện ủy Trưng Khánh (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 32). Đoạn đường Nội thị từ ngã ba đường 206 cũ (dây ki ột photo Thái Hà (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 21)) đến ngã ba đường liên xã Thị trấn - Khâm Thành (Đằng sau Trung tâm y tế). Đoạn từ ngã tư đường tròn trung tâm rẽ đi xã Ngọc Chung đến hết nhà bà Nông Thị Cầu (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 19) vòng theo đường đi Khâm Thành - Phong Nậm đến ngã ba đường nội thị đằng sau Trung tâm y tế và đối diện nhà bà Hoàng Thị Bảo (tính đến hết thửa đất số 102, tờ bản đồ số 10) Đoạn đường Nội thị từ ngã tư quốc lộ 4A (nhà ông Nông Văn Thượng, tổ 10 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22)) đến ngã ba đường 213 (đối diện nhà ông Hà Văn Biên, tổ 7 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 4)).	1.166	875	656	459
4	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ tiếp giáp thửa đất ông Mạc Ích Xuyên (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 57) và đối diện (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 57) đến giáp địa phận xã Cảnh Tiên				
	Đoạn đường từ ngã tư rẽ vào vườn dẻ nhà ông Đồng (thửa đất số 107, tờ bản đồ số 34) theo quốc lộ 4A đến hết địa phận thị trấn giáp xã Đình Minh.				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Phong Nậm (tiếp giáp nhà bà Nông Thị Nhói (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12)) theo tỉnh lộ 213 đến giáp địa giới xã Khâm Thành.	843	632	474	332
	Đoạn đường khu dân cư lương thực từ ngã ba nhà ông Hoàng Minh Hải (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 11) giáp đường 213, đến nhà ông Nông Thế Thuyết (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 22) vòng qua ngã ba hết nhà ông Ngôn Thành Vinh (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 22).				
	Đoạn tiếp ngã ba đường rẽ sang tổ 12 theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới xã Cảnh Tiên				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn tiếp từ ngã tư Quốc lộ 4A theo đường rẽ vào khách sạn Đình Văn đến giáp địa giới xã Đình Minh	843	632	474	332
	Đoạn từ Quốc lộ 4A (ngã ba nhà ông Nông Văn Giang (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 33) đến nhà ông Nông Văn Chiến (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 33).				
	Đoạn tiếp từ ngã ba nhà Hoàng Thị Bảo theo đường liên xã Thị trấn - Khâm Thành - Phong Nặm đến hết địa phận Thị trấn tiếp giáp xã Khâm Thành.				
	Đoạn đường từ ngã ba đối diện trụ sở Công an huyện theo đường bê tông qua tổ 01 đến ngã giáp đường Quốc lộ 4A.				
	Đoạn đường tiếp từ nhà bà Nông Thị Cầu (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 19) theo đường đi xã Ngọc Chung đến giáp địa giới xã Khâm Thành.				
	Đoạn đường từ ngã ba đường 206 giao đường 211 (thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39) theo đường 211 đi Trà Lĩnh đến hết nhà ông Hà Pháp (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 38) và đối diện.				
5	Đường loại V				
	Đoạn đường tiếp giáp nhà ông Hà Pháp (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 38) theo đường 211 đi huyện Trà Lĩnh đến giáp địa giới xã Lăng Hiếu	608	456	342	239
	Đoạn từ ngã ba đường 213 rẽ theo đường đi về xã Phong Nặm đến giáp địa giới xã Khâm Thành				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Toạ (thửa đất số 25, tờ bản đồ số 22) theo đường qua khu dân cư tổ 9, đến giáp nhà ông Hoàng Văn Hào (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22)				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Thế Thuyết (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 22) theo đường khu dân cư tổ 9, đến nhà ông Hoàng Văn Nhâm (thửa đất số 126, tờ bản đồ số 12)				
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4A theo đường vào xóm Nặm Lìn.				
	Đoạn đường vào tổ 13 (xóm Phia Khoang cũ).				
	Đoạn tiếp từ ngã ba nhà ông La Văn Hữu (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 50) theo đường vào xóm Thang Lý.				
	Đoạn tiếp từ ngã ba nhà ông Hoàng Văn Khuyên, xóm Nặm Lìn (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 63) theo đường đi vào Lũng Ảng đến giáp địa giới xã Cảnh Tiên.				

PHỤ LỤC SỐ 11


**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ LĨNH**

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	28
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	34	20
2	Xã Trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	66	46	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	29	17
3	Xã Miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	56	39	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	21
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	45	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã Trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	39	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	27	15
3	Xã Miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	33	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	22	13

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	CLN	62	44	25
2	Xã Trung du	CLN	53	37	21
3	Xã Miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã Đồng bằng	RSX	13
2	Xã Trung du	RSX	11
3	Xã Miền núi	RSX	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã Trung du	NTS	37	26	15
3	Xã Miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung du				
1	Xã Cao Chương				
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) từ trạm Kéo Nạc đến Km số 3 (thuộc xóm Nà Rài)	520	390	293	234

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường vào Trường Phổ thông Dân tộc nội trú và Trung tâm Y tế huyện	520	390	293	234
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) từ trạm Kéo Nạc đến Km số 3 (thuộc xóm Nà Rài), đến hết Km số 7.	420	315	236	189
	Từ đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) rẽ vào trường cấp I, II xã Cao Chương đến đầu cầu ngầm Phạc Niềng	358	269	201	161
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ), đoạn từ nhà ông Bé Văn Tuyên (thửa đất số 264, tờ bản đồ số 74) đến hết địa phận hành chính xã Cao Chương.				
	Theo đường liên xã Kéo Nạc - Quang Vinh từ ngã ba Kéo Nạc - Quang Vinh đến hết địa phận xóm Khuổi Luông.				
II	Xã miền núi				
1	Xã Quang Hán				
	Theo đường 210 từ xóm Đồng Rỷ đến bia tưởng niệm.	520	390	293	234
	Từ đường 210 rẽ (đi xã Quang Vinh) đến đầu cầu Pò Mán.	420	315	236	189
	Theo đường 210 từ bia tưởng niệm đến hết địa phận hành chính xã Quang Hán.	358	269	201	161
	Từ đầu cầu xóm Pò Mán đến cầu Trạm Đan (Thuộc xóm Nà Pò)				
2	Xã Tri Phương				
	Khu vực trung tâm trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tri Phương (Háng Soa)	358	269	201	161
	Đoạn đường liên xã từ đầu cầu Ngâm đến hết dốc (cạnh đài tưởng niệm)				
	Đoạn đường giao thông các xóm Kùng Kẹo, Nà Giốc, Bản Soa, Nà Đán, Nà Hán, Lũng Nặm, Lũng Pầu, Lũng Thiến, Đông Cầm, Lũng Lão, Bình Chính Trên, Bình Chính Dưới				
3	Xã Quốc Toàn				
	Khu vực ngã ba đỉnh đèo Mã Phục thuộc xóm Cao Xuyên.	420	315	236	189
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) và Quốc lộ 3 đi qua các xóm Lũng Sập, Lũng Riệc, Bản Quang, Nhòm Nhèm, Cao Xuyên, Pác Vầu (trừ khu vực ngã ba đỉnh đèo Mã Phục).	358	269	201	161
	Đường vào hồ Thăng Hen thuộc các xóm Bản Danh, Lũng Táo.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
4	Xã Quang Trung				
	Khu vực trung tâm chợ xã Quang Trung				
	Theo đường QL4A từ Km13 thuộc xóm Tăng Giường đến đỉnh đèo Kéo Quang (thuộc xóm Roòng Khuất)				
	Từ nhà ông Tô Quang Bảo (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 69) qua trường cấp III Quang Trung đến hết chân dốc (Giáp xóm Bản Chang)	420	315	236	189
	Theo đường liên xã từ đường QL4A rẽ đi xã Tri Phương qua các xóm Bản Ngần, Kéo Háo + Pác Rình				
	Theo đường QL4A đi qua các xóm Sác Hạ, Lũng Ngùa				
	Theo đường QL4A đi qua các xóm Lũng Lạn, Bản Ngần, Bản Chang	358	269	201	161
5	Xã Cô Mười				
	Theo đường 210, từ xóm Bản Tám đến xóm Bó Hoạt.	358	269	201	161
6	Xã Xuân Nội				
	Khu vực trung tâm Ủy ban nhân dân xã Xuân Nội				
	Đoạn đường QL4A đi qua các xóm Lũng Tung, Nà Ngồn - Lũng Noọc, Làn Hoài, Tầu Kéo và đường giao thông vào Bản Mán	358	269	201	161
	Đoạn từ đường QL4A rẽ đi xã Tri Phương đến hết địa phận xã Xuân Nội				
7	Xã Quang Vinh				
	Khu vực trung tâm trụ sở Ủy ban nhân dân xã (Lũng Nặm)	196	147	110	88
8	Xã Lưu Ngọc				
	Khu vực trung tâm trụ sở ủy ban nhân dân xã (Lũng Pán)	196	147	110	88

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠİ ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Hùng Quốc				
1	Đường phố loại I				
	Theo trục đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ), đoạn đường từ đầu cầu phía Bắc cầu Cô Thầu đến Ngã ba rẽ vào nhánh chính đường nội vùng Thị trấn.				
	Theo trục đường 210 đoạn từ cổng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đến nhánh chính đường nội vùng thị trấn Hùng Quốc (nhà ông Nại Văn Giang (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 59-5)).				
	Toàn bộ vị trí đất mặt tiền của đường xung quanh chợ trung tâm huyện, từ nhà ông Hoàng Ngọc Yêu (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60-5) theo đường quanh chợ qua nhà ông Nại Văn Nghiêm (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 60-5) đến nhà ông Hoàng Quốc Tư (thửa đất số 38, tờ bản đồ số 60-5) cắt nhánh 2 đường nội vùng thị trấn Hùng Quốc				
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ), đoạn từ đập Phai Bó lên đến cửa khẩu Hùng Quốc, Trà Lĩnh	2.792	2.094	1.571	1.099
	Đường nội vùng thị trấn (đoạn từ ngã ba nối với đường Quốc lộ 34 kéo dài đến điểm đường nối với đường 210)				
	Đoạn đường nội vùng thị trấn từ ngã tư nhà ông Lê Quang Cường (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 53-5) đến đường lên công trời (06 nhánh đường nội vùng)				
	Theo trục đường 211 đoạn đường từ đầu cầu Việt-Nhật đến đến nghĩa trang liệt sỹ.				
	Theo trục đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) đoạn đường từ đầu cầu phía Nam cầu Cô Thầu đến hết địa phận thị trấn Hùng Quốc giáp xã Cao Chương (kéo Nạc).				
	Từ đầu cầu phía Bắc cầu Cô Thầu theo sân bóng rổ đến bưu điện huyện Trà Lĩnh				
	Đường lối mở Nà Đoòng (Tiếp giáp từ đường 34 kéo dài đến hết địa phận huyện Trà Lĩnh)				
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhánh chính của đường nội vùng theo đường 210 đến hết địa phận thị trấn Hùng Quốc giáp xã Quang Hán.	1.715	1.286	965	675

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Theo đường Quốc lộ 34 kéo dài, Đầu Cầu Cô Thầu (Phía Bắc) rẽ vào xóm Pò Khao đến giáp đường 210.	1.715	1.286	965	675
	Đoạn đường rẽ vào C5 từ nhà văn hóa xóm Nà Thầu đến hết địa phận thị trấn Hùng Quốc				
	Các đoạn đường còn lại của khu tái định cư Nà Doòng				
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ), từ ngã ba Khưa Hán rẽ vào nhánh chính đường nội vùng Thị Trấn đến đập Phai Bó	1.166	875	656	459
	Theo đường 211 đoạn đường từ nghĩa trang liệt sỹ đến hết địa phận thị trấn Hùng Quốc				
4	Đường phố loại IV				
	Đường vào xóm Nà Rạo - Khóc Khoác	843	632	474	332
	Đường vào Bản Lang - Nà Mương				
	Đường vào xóm Pò Rẫy				
	Đường vào xóm Bản Hía				
	Đường vào xóm Bản Khun				



PHỤ LỤC SỐ 12

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG UYÊN

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	28
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	34	20
2	Xã Trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	66	46	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	29	17
3	Xã Miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	56	39	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	21
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	45	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã Trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	39	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	27	15
3	Xã Miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	33	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13
--	---------------------------------------	-----	----	----	----

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	CLN	62	44	25
2	Xã Trung du	CLN	53	37	21
3	Xã Miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã Đồng bằng	RSX	13
2	Xã Trung du	RSX	11
3	Xã Miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã Trung du	NTS	37	26	15
3	Xã Miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Đồng Bằng				
1	Xã Quốc Phong				
	Đoạn đường từ ranh giới địa phận thị trấn Quảng Uyên theo đường đi xã Phi Hải đến chân dốc Keng Riềng (nhà ông Lâm Văn Báo (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 45))	902	677	508	406
	Đoạn đường từ điểm tiếp giáp địa giới Thị trấn theo đường tỉnh lộ 206, đường tỉnh lộ 207 đến hết địa giới hành chính xã Quốc Phong (giáp Quảng Hưng, xã Độc Lập);	677	508	406	304
	Đoạn đường từ ngã ba dốc Keng Riềng (nhà bà Nhan Thị Hân (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 42)) theo đường Thị trấn - Quốc Phong qua xóm Đà Vĩ trên đến xóm Đà Vĩ dưới (chân dốc Keng Mò)	420	315	236	189
	Đoạn đường ATK đi qua địa phận xã Quốc Phong tiếp giáp với thị trấn Quảng uyên				
	Đoạn từ nhà ông Hứa Đức Thuận (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 22 của thị trấn Quảng Uyên) qua xóm Bản Chang đến hết xóm Bản Lũng	304	228	171	137
	Đoạn đường từ chân Keng Riềng (nhà ông Lâm Văn Báo (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 45)) đến hết địa phận xã Quốc Phong (Giáp xã Phi Hải)				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà Hà Văn Tuấn (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 35) đến hết địa giới xóm Lũng Luông (nhà ông Vương Văn Cát (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 33)).				
II	Xã Trung Du				
1	Xã Phúc Sen				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 từ điểm tiếp giáp xã Quốc Dân đến điểm tiếp giáp xã Chí Thảo.	358	269	201	161
2	Xã Chí Thảo				
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Kéo Diễn theo đường Cách Linh đến đỉnh dốc Tắc Kha;	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Keng Man theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Hồng Định).				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ thửa đất tiếp giáp đỉnh dốc Tắc Kha theo đường đi Cách Linh đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Hồng Đại huyện Phục Hoà);	304	228	171	137
	Đoạn từ đường Quốc lộ 3 theo đường đi xã Tự Do đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Tự Do).				
3	Xã Bình Lăng				
	Đoạn đường giao thông chính khu vực trung tâm xã	330	248	186	149
4	Xã Quốc Dân				
	Đất các xóm theo trục đường Quốc lộ 3 từ điểm tiếp giáp huyện Trà Lĩnh đến điểm tiếp giáp xã Phúc Sen	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 đến ủy ban xã Quốc Dân	330	248	186	149
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 (đỉnh đèo Kéo Pụt) đi hết địa phận xã Quốc Dân (giáp xã Phi Hải)				
5	Xã Độc Lập				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xã Quốc Phong theo đường tỉnh lộ 207 đến cuối xóm Đoòng Pán.	358	269	201	161
	Đoạn đường tiếp giáp đường tỉnh lộ 207 đi UBND xã Bình Lăng đến hết địa phận xã Độc Lập				
6	Xã Quảng Hưng				
	Đoạn đường 206 qua địa phận xã.	358	269	201	161
III	Xã Miền núi				
1	Xã Cai Bộ				
	Đất mặt tiền của khu vực chợ Háng Chầu (từ nhà ông Đàm Văn Lập (thửa đất số 58, tờ bản đồ số 47) theo đường 207 đến nhà ông Hoàng Văn Kén (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 47); từ điểm tiếp giáp đường 207 qua chợ đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã).	304	228	171	137
	Đoạn đường 207 từ giáp xã Độc lập đến hết địa phận xã Cai Bộ	258	194	145	116
	Đoạn đường từ UBND xã theo đường đi chợ đến hết địa phận xã Cai Bộ				
2	Xã Tự Do				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xã Chí Thảo theo đường liên xã Tự Do - Ngọc Động đến tiếp giáp xã Ngọc Động	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Pác Khuổi đến tiếp giáp với xã Đoài Khôn	304	228	171	137
3	Xã Đoài Khôn				
	Đoạn từ tiếp giáp xã Quốc Dân theo đường xã đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đoài Khôn	220	165	124	99
4	Xã Hạnh Phúc				
	Đoạn đường tiếp giáp xã Hoàng Hải theo đường liên xã đến ngã ba Lũng Luông (tiếp giáp Quốc lộ 3)	358	269	201	161
	Đoạn đường tiếp giáp xã Hồng Định theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Hạnh Phúc	258	194	145	116
5	Xã Hoàng Hải				
	Đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Dựng (thửa đất số 161, tờ bản đồ số 19) đến nhà ông Phan Văn Hùng (thửa đất số 228, tờ bản đồ số 28) và mặt tiền xung quanh chợ.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ tiếp giáp xã Ngọc Động theo đường liên xã đến nhà ông Vi Văn Dựng (thửa đất số 161, tờ bản đồ số 19); đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Phan Văn Hùng (thửa đất số 228, tờ bản đồ số 28) theo đường liên xã đến hết địa phận xã Hoàng Hải (giáp xã Hạnh Phúc)	258	194	145	116
6	Xã Hồng Quang				
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Chí Thảo theo đường nội vùng đến giáp xã Đại Sơn (huyện Phục Hòa)	258	194	145	116
	Đoạn đường từ ngã ba Lũng Cút đến giáp Quốc lộ 3				
7	Xã Hồng Định				
	Đoạn đường từ tiếp giáp địa giới xã Chí Thảo theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Hồng Định (giáp xã Hạnh Phúc)	358	269	201	161
8	Xã Ngọc Động				
	Các vị trí đất mặt tiền trong chợ đến nhà ông Nông Văn Khải (thửa đất số 223, tờ bản đồ số 22), đến Trường Mẫu giáo Đồng Đa	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà Mẫu giáo xã đến ngã tư làng Tả Thoong.	258	194	145	116
	Đoạn đường từ nhà ông Mã Công Đức (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 22) đến nhà ông Nông Văn Khải (thửa đất số 223, tờ bản đồ số 22);				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khải (thửa đất số 223, tờ bản đồ số 22) đến mỏ nước Kéo Rìn	258	194	145	116
	Từ giáp xã Tự Do theo đường Keng Man - Hạnh Phúc đến nhà ông Mã Công Đức (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 22) (xóm Phía Cang);	220	165	124	99
	Từ mỏ nước Kéo Rìn theo đường Keng Man - Hạnh Phúc đến giáp xã Hoàng Hải;				
	Từ Tầu Thoong theo đường Ngọc Động - Trưng Vương (huyện Hòa An) đến Lũng Cải				
9	Xã Phi Hải				
	Đoạn đường từ giáp địa phận xã Quốc Phong theo đường liên xã đến hết xóm Bản Cải (ngã ba đường rẽ đi Ngọc Quyển);	258	194	145	116
	Đoạn đường từ Bản Quản theo đường liên xã Phi Hải- Quốc Dân đến hết địa giới xã Phi Hải.	220	165	124	99

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Quảng Uyên				
1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ cơ quan Quản lý thị trường qua phố Hồng Thái, phố Mới Hoà Trung, Hoà Nam đến ngã tư kiểm lâm;	3.726	2.795	2.096	1.467
	Đoạn từ nhà hàng Hoàng Tuấn Anh (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 27) theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã tư kiểm lâm;				
	Các đoạn đường chạy xung quanh chợ và đường nối chợ.				
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Hảo (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 26) đến nhà ông Phạm Việt Học (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 3).				
	Đoạn từ ngã ba cơ quan Chi nhánh điện đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đinh Hùng Diệp (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 7) (phố Mới) qua Răng Phan đến nhà ông Mai Kiên Võ (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3)				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Lại Quế Lương (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 12) (phố Hoà Bình) đến ngã tư nhà ông Đinh Văn Nhật (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12) (Buru điện)	3.726	2.795	2.096	1.467
2	Đường loại II				
	Đoạn từ ngã ba cơ quan Công an huyện đến nhà ông Lương Văn Hoàn (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 12)	2.543	1.907	1.431	1.001
	Đoạn đường từ nhà hàng Triệu Tấn (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12) (cổng Huyện ủy) theo đường vào cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên, cổng trường Tiểu học đến hết đường mới;				
	Đoạn từ cổng trường nội trú- Trường tiểu học – Trung tâm giáo dục thường xuyên chạy theo đường mới đến ngã tư Cầu đỏ				
	Đoạn đường ngã tư Cầu Đỏ đi vào miếu Bách Linh				
	Đoạn đường đi vào đền Nùng Chí Cao				
	Đoạn đường từ nhà hàng Tuấn Anh (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 27) theo đường 206 đến hết nhà hàng Trúc Lâm (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 23)				
3	Đường loại III				
	Đoạn đường từ ngã tư cơ quan Kiểm lâm theo đường nhánh đến nhà ông Lý Coóng (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 36) (gặp Quốc lộ 3);	1.730	1.297	973	681
	Đoạn từ ngã tư kiểm lâm theo đường 206 đến hết cửa hàng xe máy Xuân Hòa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32)				
	Đoạn từ cửa hàng xe máy Xuân Hòa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32) đến hết nhà ông Nông Văn Ba (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 36)				
	Đoạn đường từ ngã ba Nhà văn hoá phố Hoà Trung, Hoà Nam (Nhà hàng Trường Hà) đến ngã ba nhà ông Bế Thiên Sơn (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18)				
	Đoạn đường vòng trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn;				
	Đoạn từ đường tỉnh lộ 206 rẽ vào Trạm Khuyến nông đến nhà ông Phan Văn Núi (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 8)				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường ngõ cổng phụ Công an huyện nối với đường tỉnh lộ 206; Đoạn đường từ ngã ba Trạm biển thể (nhà bà Lục Thị Miết (thửa đất số 90, tờ bản đồ số 16) thẳng đến tiếp giáp đường đi Bệnh viện; Đoạn đường từ đường tỉnh lộ 206 (nhà bà Lê Thị Cương (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 32)) theo đường đi Cách Linh đến nhà ông Thẩm Hữu Tàng (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 38). Đoạn đường từ nhà ông Bành An Minh (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 12) đến nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12) Đoạn đường tiếp giáp tỉnh lộ 206 từ nhà ông Phùng Quang Tuyền (thửa đất số 203, tờ bản đồ số 3) đến hết nhà ông Đặng Hùng Dũng (thửa đất số 103, tờ số 3) Đoạn đường tiếp giáp tỉnh lộ 206 từ nhà ông Bé Ích Trường (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 7) đến hết nhà nghỉ Quảng Nam (thửa đất số 16, tờ số 7) Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Sìn (thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12) đến hết nhà ông Vi Công Phồn (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 12) Đoạn đường từ Cầu Đỏ theo đường đi xã Phi Hải đến hết địa phận thị trấn giáp xã Quốc Phong;	1.730	1.297	973	681
4	Đường loại IV				
	Đoạn từ nhà ông Thẩm Hữu Tàng (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 38) theo đường đi Cách Linh đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo); Đoạn đường từ tiếp giáp Nhà hàng Trúc Lâm (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 23). theo đường tỉnh lộ 206 đến hết nhà ông Hà Quang Hạnh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20). Đoạn đường nối từ sân vận động vào đến cổng Trường Trung học Cơ sở thị trấn Quảng Uyên (Cũ). Đoạn đường vào xóm Tộc Ngôn nối tiếp đường đi bệnh viện đến hết nhà ông Lý Ích Hoan (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33).	1.250	937	703	492

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà bà Đàm Thị Mến (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 8) đi qua cổng sau trường Trung học phổ thông Quảng Uyên đến nhà ông Lý Khắc Tiệp (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 33) (xóm Tộc Ngôn)	1.250	937	703	492
5	Đường loại V				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hà Quang Hạnh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20) theo tỉnh lộ 206 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Quốc Phong).	902	677	508	355
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Ba (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 36) theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo).				
	Đoạn từ tiếp giáp Cửa hàng xe máy Xuân Hòa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32) theo đường Quốc lộ 3 đi Cao Bằng đến hết địa giới Thị trấn.				
	Đoạn đường ATK nối tiếp đường TL 206 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Quốc Phong)				
	Đường vào xóm Tộc Ngôn: Đoạn từ nhà ông Lý Ích Hoan (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33) đến nhà ông Lý Ích Sơn (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29).				
	Đường vào xóm Đồng Ất: Đoạn nối từ QL3 (nội thất Trần Khoa (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 36)) đến hết nhà ông Đàm Văn Dũng (thửa đất số 227, tờ bản đồ số 40).				



PHỤ LỤC SỐ 13
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHỤC HÒA
(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	78	55	31
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	71	50	29
	Đất trồng lúa nương	LUN	49	35	20
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	66	47	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60	42	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	42	30	17
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	40	23
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	52	36	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	36	25	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000
đồng/m²

ST T	Tên đơn vị hành chính	MĐS D	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	65	46	26
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	46	32	18
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	55	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	26	16
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	47	32	19
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	23	13

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	46	32	18

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RSX	13
2	Xã trung du	RSX	11
3	Xã miền núi	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã trung du				
1	Xã Mỹ Hưng				
	Đoạn đường từ đầu cầu treo (giáp thị trấn Tà Lùng) đến ngã tư Nà Thăm - Nà Chà.				
	Đoạn đường từ ngã tư Nà Thăm - Nà Chà đến mốc 946.	600	450	338	270
	Đoạn đường từ ngã tư Nà Thăm - Nà Chà đi đến chân dốc Nà Vàn.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư Nà Thấm - Nà Chảo đi đến hết chân dốc An Mạ (xóm Nà Thấm).	600	450	338	270
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng Mỹ Hưng - Hòa Thuận theo đường tỉnh lộ 208 đến đầu cầu Nà Bó.				
	Đoạn đường từ chân dốc An Mạ (xóm Nà Thấm) tới Công Nà Lũng (xóm Nà Riêng).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường tỉnh lộ 208 rẽ vào trụ sở UBND xã và xuống đến cầu Fan Hai (xóm Tục Mỹ, Bó Lếch).				
2	Xã Đại Sơn				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi Bó Tềng theo đường tỉnh lộ 205 đến Trạm BTS Vinaphone.	600	450	338	270
	Đoạn đường từ lối lên Miếu Pại Chùa theo đường 208 đến lối rẽ đi Lũng Mò (Không Vắc).				
	Đoạn đường từ Trạm BTS Vinaphone theo đường tỉnh lộ 205 đến hết xóm Cốc Phường.	308	231	173	139
	Các đoạn đường rộng từ 3m trở lên còn lại thuộc đường liên xã, đường liên xóm và các đường vào xóm.	231	173	130	104
3	Xã Cách Linh				
	Đoạn đường từ đường tỉnh lộ 208 từ điểm tiếp giáp xã Đại Sơn (Xóm Bó An) đến cầu Tàu Keng (Xóm Lãng Hoài).	600	450	338	270
	Đoạn đường từ ngã ba từ đầu chợ đến cuối chợ, các đường xung quanh chợ có vị trí mặt tiền giáp với chợ.				
	Đoạn đường từ ngã ba Bản Mền tiếp giáp đường tỉnh lộ 208 theo Tỉnh lộ 205 đến hết địa phận xã Cách Linh tiếp giáp xã Đại Sơn (Phía Đeng).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba Lãng Hoài tiếp giáp đường tỉnh lộ 208 theo Tỉnh lộ 205 đến hết dốc Kéo Lồm (Tiếp giáp xã Hồng Đại).				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Bó An tiếp giáp đường tỉnh lộ 208 theo đường liên xã qua xóm Khưa Đa đến ngã ba đường rẽ vào xóm Lũng Thính.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Đông Chiêu tiếp giáp đường tỉnh lộ 208 đi qua xóm Bản Riêng đến cầu Nà Kẹm.				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Lãng Hoài tiếp giáp với Tỉnh lộ 205 (Cầu Nà Lọ) đến ngã ba đường rẽ vào xóm Nọc Tổng.				
	Các đoạn đường rộng từ 3m trở lên còn lại thuộc đường liên xã, đường liên xóm và các đường vào xóm.	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
II	Xã miền núi				
1	Xã Triệu Ấu				
	Đoạn đường từ trạm Y tế xã đến cầu cứng Hoàng xà.				
	Đoạn đường từ Pò Hang cách cầu Bản Co khoảng 200m đi qua chợ Bản Co đến đường rẽ vào xóm Nà Lò.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba Chợ Bản Co, cả đoạn đường cũ qua nhà ông Bế Ích Tuấn, đường đi xã Cô Ngân đến đường rẽ lên Lũng Lạ.				
	Đoạn đường từ cầu cứng Nà Lâu đến trạm Y tế xã.				
	Đoạn đường từ cầu cứng Hoàng xà đến Pò Hang cách cầu Bản Co 200m.				
	Đoạn đường tiếp giáp đường tỉnh lộ 208 rẽ vào Bản Buồng đến cầu Khuổi Rầy.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ cầu tràn Nà Lò đến đỉnh dốc giáp Cai Bộ.				
	Đoạn đường từ đầu cầu mới Bản Buồng đường rẽ đi Khuổi Rung 200m				
2	Xã Hồng Đại				
	Đoạn đường từ nhà văn hóa xóm Nà Suối B theo đường huyện lộ đến hết nhà Bia ghi tên liệt sỹ.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ tiếp nhà Bia ghi tên liệt sỹ theo đường tỉnh lộ 205 đến hết địa phận xã Hồng Đại (giáp xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên).				
	Đoạn đường từ nhà văn hóa Nà Suối B theo đường tỉnh lộ 205 đến hết địa phận xã Hồng Đại (giáp xã Cách Linh).	358	269	201	161
	Đoạn từ Ngã 3 Trường tiểu học Hồng Đại vào đến đầu cầu Nà Nhục (xóm Cốc Đưa).				
	Đoạn từ Ngã 3 Róc Linh (Nà Suối A đi 300m vào Nà Nhại).				
	Đoạn từ Ngã 3 Róc Linh (Nà Suối A nối tiếp 300m vào Nà Nhại).				
	Đoạn đường từ Ngã 3 tỉnh lộ 205 (Kéo Nạn đến hết xóm Cốc Chia) giáp xã Hồng Quang.				
	Đoạn đường từ đầu Cầu Nà Nhục đến hết xóm Lũng Liêng.				
	Đoạn đường từ đầu Cầu Nà Nhục đến hết xóm Hương Ly (hết địa phận xã Hồng Đại giáp xã Triệu Ấu).	304	228	171	137
	Đoạn từ đầu Cầu Thưa Khua đến hết nhà Ông Đàm Văn Trầu (thửa đất số 131, tờ bản đồ 06) xóm Tà Lạc.				
	Đoạn từ Ngã ba trạm bơm Thủy Nông đến hết xóm Khưa Mạnh				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Ngã 3 tỉnh lộ 205 rẽ vào Pò Khoang đến hết đường.				
	Các đoạn đường rộng từ 3m trở lên còn lại thuộc đường liên xã, đường liên xóm và các đường vào xóm.	304	228	171	137
3	Xã Tiên Thành				
	Từ đầu xóm Nà Phia (Cò Luông) theo đường liên huyện đến nhà văn hóa xóm Bản Chập.	358	269	201	161
	Từ đầu xóm Bản Giuông theo đường liên huyện đến hết địa phận xóm Bản Giuông.	322	242	181	145
	Từ đầu xóm Bình Lâu - Thác Lao theo đường liên huyện đến hết Bình Lâu - Thác Lao.				
	Từ đầu xóm Pác Rắc theo đường liên huyện đến hết xóm Pác Rắc.				
4	Xã Lương Thiện				
	Đoạn đường từ Cốc Xá (đỉnh đèo Khau Chia) theo Quốc lộ 3 qua trụ sở UBND xã đến hết xóm Lũng Cọ	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào xóm Búng Ổ theo đường liên xã đi qua xóm Bản Chang đến hết xóm Nà Dạ (Nhà Ông Lâm Văn Dáng (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 03)).				

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Hòa Thuận				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rịn (nhà ông Lương Văn Khi) theo Quốc Lộ 3 (cũ) đi qua chợ đến ngã năm Pác Tò (thửa đất nhà bà Lục Thị Biên (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 116))	2.763	2.072	1.554	1.088
	Đoạn đường từ ngã năm Pác Tò (nhà ông Đàm Vĩnh Mông (thửa đất số 58, tờ bản đồ số 116) theo đường nội thị qua trung tâm huyện lỵ Phục Hòa đến hết đường rẽ vào xóm Bó Luông.				
	Mặt tiền xung quanh chợ.				
	Đoạn đường từ ngã tư Pác Bó đến ngã năm Pác Tò.				
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường rẽ vào xóm Bó Luông theo đường trung tâm huyện lỵ đến ngã ba giáp quốc lộ 3 cũ (cửa hàng xe máy Xuân Hòa).	1.885	1.414	1.060	742

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rịn (nhà ông Ma thế Lợi (thửa đất số 413, tờ bản đồ số 29)) theo đường tránh phố Phục Hòa đến ngã tư xóm Pác Bó.	1.885	1.414	1.060	742
	Đoạn đường từ vòng xuyên ngã năm Pác Tò dọc theo Quốc lộ 3 đến cống Cải Suối.				
	Đoạn đường từ nhà bà Mọn (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 132) đến đầu cầu cứng đi theo đường tỉnh lộ 208 - đến nhà ông Mão (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 37)				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 đến đầu cầu treo cũ.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 cũ rẽ theo đường xuống bến phà cũ.				
	Đoạn đường từ nhà ông Trần Hữu Hoà (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 103) (khu lương thực cũ) đến tiếp giáp đường chánh chợ.	1.885	1.414	1.060	742
	Đoạn đường rẽ từ quốc lộ 3 (nhà ông Lãng Văn Vương (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 104)) đến tiếp giáp đường chánh chợ.				
	Đoạn đường từ quốc lộ 3 cũ (nhà ông Lương Văn Lợi (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 115) đến tiếp giáp đường chánh chợ.				
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ vòng xuyên ngã năm Pác Tò từ nhà Ông Lô Văn Thụ (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 116) theo hướng đường tỉnh lộ 208 qua trường THPT Phục hòa đến hết địa phận thị trấn Hòa Thuận giáp xã Đại Sơn.	1.282	961	721	505
	Đoạn đường từ cống Cải Suối theo Quốc lộ 3 đến tiếp giáp đường nội thị (ngã ba cửa hàng xe máy Xuân Hòa cũ).				
	Đoạn đường tiếp giáp Tỉnh lộ 208 (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp) qua Trụ sở Huyện ủy hết đường khu tái định cư D đến nhà ông Nông Văn Thủy (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 146)				
4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rịn (nhà ông Nông Văn Mão (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 37)) theo Quốc lộ 3 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Nà Rài.	926	695	521	365
	Đoạn đường từ tiếp giáp đường nội thị rẽ vào đường bê tông đi xóm Bó Luông đến hết địa phận thị trấn Hòa Thuận giáp xã Đại Sơn.				
	Đoạn từ ngã ba xóm Nà Rài theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới thị trấn Hòa Thuận (giáp xã Lương Thiện).				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Xuân hòa theo quốc lộ 3 đến hết địa giới thị trấn Hòa Thuận (giáp thị trấn Tà Lùng).				
	Đoạn đường từ ngã năm Pắc Tò đi theo đường Cách Linh cũ tiếp giáp với đường tỉnh lộ 208.	926	695	521	365
	Đoạn đường nhà ông Hà Văn Thê (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 41) tiếp giáp Quốc lộ 3 đi qua nhà bà Chu Thị Thủy đến tiếp giáp đường nội thị trung tâm huyện lỵ.				
5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào khu dân cư Nà Răng - Xóm Bó Pu theo QL3 đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Lương Thiện).				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Bản Chàm, giáp xã Lương Thiện.				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Khoang - Nà Seo.				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Nà Rải.				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pu - Nà Răng				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pu - Nà Seo.				
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Pò Rịn.	669	502	376	263
	Đường rẽ Quốc lộ 3 vào xóm Pắc Bó.				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Nà Mười.				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Chiềng.				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bản Cải.				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Cốc Khau.				
	Đoạn đường tỉnh lộ tiếp giáp xóm Đổng Lềng (thị trấn Tà Lùng) theo đường đi Cách Linh đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Đại Sơn).				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào nhà thờ Bó Tờ.				
II	Thị trấn Tà Lùng				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường từ đầu cầu Cửa khẩu đến ngã ba đường rẽ vào nhà máy pin (Công ty TNHH Green) và các vị trí đất xung quanh đình chợ Thị trấn Tà Lùng.	2.763	2.072	1.554	1.088
	Đoạn đường từ ngã tư vào xóm Hưng Long theo trục đường chính (đường một chiều) đến tiếp giáp đường QL 3 (xóm Pò Tập).				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào khu tái định cư 47(1) đến tiếp giáp với đường trục chính (cạnh Chi cục Hải Quan).				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các lô đất thuộc khu tái định cư thị trấn Tà Lùng thuộc lô Quy hoạch số 47(2) theo trục đường quy hoạch (nhà nghỉ Trung Đức 1 (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 65)) đến tiếp giáp đoạn đường A10-E5-N9, A11 – F6 – N10, E5 - E6.	2.763	2.072	1.554	1.088
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào nhà máy pin (Công ty TNHH Green) dọc theo trục Quốc lộ 3 đến hết ngã ba đường rẽ đi xã Cách Linh.				
	Đoạn đường từ ngã tư rẽ theo đường trục chính vào xóm Hưng Long đến ngã ba tiếp giáp với đường Quốc lộ 3.	1.885	1.414	1.060	742
	Đoạn đường A10-E5-N9, A11 – F6 – N10, E5E6 đi qua sau Đồn biên phòng (từ đầu nối từ QL3 đến đường một chiều qua nhà văn hóa Hưng Long).				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Bình (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 92) đến hết đường quy hoạch nhà bà Phan Thị Hồng (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 18)				
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường Từ ngã ba Đổng Lèng vào đến cổng Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Cách Linh đến đoạn tiếp giáp với đường một chiều.	1.282	961	721	505
	Đoạn đường từ nhà ông Lưu Danh Phụng (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 09) dọc đường Quốc lộ 3 đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng.				
4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã 3 Quốc lộ 3 đi qua đồn biên phòng theo đường bê tông qua trường mầm non Tà Lùng đến nhà văn hóa Hưng Long.	926	695	521	365
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Đổng Lèng (đường đi xã Cách Linh) đi theo đường tỉnh lộ 205 hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp thị trấn Hòa Thuận.				
5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ quốc lộ 3 xóm Phía Khoang rẽ xuống mốc 942 giáp bờ sông Bắc Vọng.				
	Đoạn đường tiếp giáp quốc lộ 3 rẽ vào nhà máy pin.	669	502	376	263
	Đoạn đường từ quốc lộ 3 cổng đồn Biên phòng Tà Lùng rẽ vào khu Tân Lập xóm Bó Pu đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp thị trấn Hòa Thuận.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư rẽ vào xóm Hưng Long theo đường bê tông đến đầu cầu treo Tà Lùng - Nà Thăm.	669	502	376	263
	Đoạn đường từ cổng nhà máy đường vào xóm Pác Phéc đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp xóm Cốc Khau – thị trấn Hòa Thuận.				
	Đoạn đường tiếp giáp quốc lộ 3 từ nhà ông Lý Văn Chảo (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19) vào đến nhà văn hóa xóm Bó Pu đi theo đường cấp phối ra đến tiếp giáp đường quốc lộ 3 xóm Đoòng Lèng.				

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>

Tài liệu này được lưu trữ tại [http:// cafeland.vn](http://cafeland.vn)

PHỤ LỤC 14

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã đồng bằng				
1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	125	90	51
2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	117	83	47
3	Đất trồng lúa nương	LUN	83	59	33
II	Xã trung du				
1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	107	78	44
2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	101	72	40
3	Đất trồng lúa nương	LUN	72	51	29

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã đồng bằng				
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	107	75	42
2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	75	53	30
II	Xã trung du				
1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	92	65	36
2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	65	46	26

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Đồng bằng	CLN	102	72	41
2	Xã Trung du	CLN	88	62	35

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
I	Xã Đồng bằng	RSX	16
II	Xã Trung du	RSX	15

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

Số TT	Loại xã	Mã hiệu	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã Đồng bằng	NTS	70	62	35
II	Đất Trung du	NTS	65	53	30

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Đồng Bằng				
1	Xã Hưng Đạo				
	Đường 58m qua địa phận xã Hưng Đạo				
	Đoạn đường từ đường tránh Quốc lộ 3, đường Quốc lộ 3 cũ (tiếp giáp đường Đề Thám) đến ngã ba đường rẽ đi Nguyên Bình	5.040	3.780	2.835	2.268
	Đoạn đường Hồ Chí Minh đi qua địa phận xã Hưng Đạo;	2.630	1.973	1.479	1.184
	Đoạn đường từ rẽ đường Hồ nhi theo đường Chợ Cao Bình đến cửa hàng dược phẩm (rẽ xuống sông)	1.901	1.426	1.069	855
	- Đoạn đường từ cửa hàng Dược phẩm (rẽ xuống sông) theo đường qua đình chợ đến đầu cầu Hoàng Tung;				
	Đoạn đường rẽ Hồ nhi qua ngã ba Đồng Lân (gặp đường 203) đến ngã ba Vò Đuôn (tiếp giáp xã Vĩnh Quang)	1.587	1.190	893	714
	Đoạn đường từ cửa hàng Dược phẩm (rẽ xuống sông) theo đường qua Trạm bơm Cao Bình đến ngã ba Bản Thành (gặp đường Hồ Chí Minh).				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bế Triều (huyện Hòa An) theo đường 203 đến Ngã ba Đồng Lân	1.587	1.190	893	714
	Đoạn đường từ Km 8 nhà bà Lê Thị Luyện (thửa đất số 484, tờ bản đồ số 35), theo Quốc lộ 3 đến hết thửa đất số 379 tờ bản đồ số 41 (thửa đất Doanh nghiệp Tiến Hiếu, đối diện là hộ bà Đoàn Thị Sáu (thửa đất số 429, tờ bản đồ số 41)	3.276	2.646	1.985	1.588
	Đoạn đường từ thửa đất số 379 tờ bản đồ số 41 (thửa đất của Doanh nghiệp Tiến Hiếu, đối diện là hộ bà Đoàn Thị Sáu (thửa đất số 429, tờ bản đồ số 41), theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Hưng Đạo (giáp xã Bạch Đằng- huyện Hoà An)	1.802	1.351	1.014	811

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn theo Quốc lộ 34 từ ngã ba rẽ vào Nguyên Bình theo đường nhà máy gạch Tuynel đến hết địa phận xã Hưng Đạo giáp xã Hoàng Tung	1.287	965	724	579
	Đoạn đường từ Lò Bạc Hà (cũ) đến đường Cao Bình Nam Phong	808	606	455	364
	Đoạn đường từ đầu cầu sông Mãng đến ngã ba Vò Duôn và các đường nhánh trong khu dân cư xóm 1,2 Ngọc Quyển				
	Đoạn đường từ Trạm y tế xã Hưng Đạo (theo đường Cao Bình - Nam Phong) qua cầu treo Soóc Nâm đến gặp Quốc lộ 34				
	Đoạn từ đầu cầu Hoàng Tung qua Bó Mạ ra Vò Đạo đến gặp đường 203;				
	Đường rẽ Hồ Nhi đi đến Ngân hàng nông nghiệp vòng theo đường đến đảng sau UBND xã Hưng Đạo	808	606	455	364
	Đoạn từ gốc đa chợ Cao Bình (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 69) vào các đường nhánh vòng quanh khu vực nhà văn hóa xóm 3 Hồng Quang				
	Đoạn rẽ từ đường Hồ Chí Minh theo đường nhà Văn hóa xã theo đường Đông tâm mường nổi đến ngã ba đường vào chùa Đà Quận				
	Đoạn từ xóm 5a Nam Phong đi Bản Chạp hết địa phận xã Hưng Đạo;	686	515	386	309
	Đoạn từ đầu cầu Hoàng Tung qua Bó Mạ ra Vò Đạo đến gặp đường 203;				
	Các vị trí đất mặt tiền từ đường rẽ xóm 5a Nam Phong theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hưng Đạo giáp ranh địa phận xã Hoàng Tung (huyện Hòa An).				
	Đoạn từ Quốc lộ 3 vào xóm 4 Nam phong qua xóm 1 đến ngã ba nhà văn hóa xóm 1 Nam Phong				
	Đoạn từ Quốc lộ 34 vào nhà văn hóa xóm 2 Nam Phong ra đến Quốc lộ 34				
	Đoạn từ Quốc lộ 34 đi bản Nàng hết địa phận xã Hưng Đạo giáp xã Hoàng Tung, huyện Hòa An.				
	Đoạn quốc lộ 3 lên nhà văn hóa xóm 3 Nam Phong				
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 203 rẽ xuống nhà văn hóa xóm 6 Hồng Quang đi hết địa phận xã Hưng Đạo				
	Đoạn đường từ đường tỉnh lộ 203 vào Nà Vải xã Bế Triều địa phận xã Hưng Đạo				
	Đoạn từ ngã ba Bản Hẩu nổi ra đường Cao Bình Nam Phong				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn rẽ từ đường LIA 5 gần Khách sạn Hùng Thịnh (thửa đất số 319, tờ bản đồ số 16) ra đến đường Cao Bình Nam Phong.				
	Đường cuối chùa Đà Quận tuyến mới mở (và các đường nhánh trong khu vực xóm Đà Quận) ra đến đầu cầu treo Soóc Nặm...	686	515	386	309
	Đường công hợp xóm 4 Ngọc Quyền				
	Đường rẽ từ nhà văn hóa xóm Bó Mạ ra đến khu Tam Bảo				
2	Xã Vĩnh Quang				
	Từ giáp ranh phường Ngọc Xuân theo đường 203 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp xã Hưng Đạo)	1.287	965	724	579
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 203 đến cổng trường tiểu học Bản Ngần.				
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đi xã Ngũ Lão đến hết địa phận xã Vĩnh Quang				
	Đoạn đường nhánh từ tỉnh lộ 203 đi vào cụm Đức Chính qua khu tái định cư Hồ Khuổi Khoán đến giáp ranh xóm Khuổi Khoán, xã Ngũ Lão thuộc huyện Hòa An	808	606	455	364
	Các vị trí đất mặt tiền từ đường tỉnh lộ 203 vào hết xóm Nà Luông				
	Các vị trí đất mặt tiền từ đường tỉnh lộ 203 vào hết xóm Vò Tầu				
	Đoạn từ ngã ba Vò Đuôn theo đường đi cầu treo Sông Măng cũ đến hết địa phận xã Vĩnh Quang (giáp xã Hưng Đạo)	686	515	386	309
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đi bãi đá Bản Ngần đến hết đường bê tông				
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đến Bờ sông thuộc xóm Bản Tại				
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đến cầu Suối Hán thuộc xóm Nà Chiêm				
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đến nhà văn hóa xóm Lò Ngọa	686	515	386	309
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đến nhà văn hóa xóm Bản Ngần				
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đến trạm bơm Bản Ngần				
	Đoạn đường Đức Chính - Trại Lợn, trục đường dọc theo tuyến mương Hồ Nà Tầu đến hết địa phận xã Vĩnh Quang giáp ranh xã Bế Triều của huyện Hòa An	686	515	386	309
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 qua Cáp Tranh đến đường Đức Chính				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
II	Xã Trung du				
1	Xã Chu Trinh				
	Đoạn từ giáp ranh phường Duyệt Trung theo Quốc lộ 34B đến đường rẽ vào nhà máy Luyện Gang Công ty 30-4.	1.287	965	724	579
	Đất mặt tiền Quốc lộ 34B đoạn từ công nhà máy luyện gang 30-4 (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 56) đến hết địa phận xã Chu Trinh (giáp xã Kim Đồng- huyện Thạch An)	808	606	455	364
	Các vị trí mặt tiền nối Quốc lộ 34B -Km8 xóm Cốc Găng theo đường liên xã Chu Trinh - Hồng Nam đến hết địa phận xã Chu Trinh (giáp xã Hồng Nam - huyện Hòa An)	686	515	386	309
	Các vị trí đất mặt tiền đoạn đường từ đường Quốc lộ 34B theo đường vào mỏ quặng Bong Quang đến hết đường ô tô đi lại được				
	Các vị trí đất mặt tiền đoạn đường từ ngã ba km9 (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 56) nối đường Quốc lộ 34B theo đường Khuổi Ngựa - Nà Dĩa - Bản Nún - Lũng Nà mà ô tô đi lại được				

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Phường Hợp Giang				
1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ phố Thầu (tiếp giáp nhà ông Nguyễn Công Vũ số nhà 183 (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 21) theo phố Kim Đồng đến ngã ba Công ty cổ phần Xây lắp Cao Bằng; Đoạn đường từ giao cắt giữa đường Kim Đồng với đường Hoàng Đình Giọng (ngã tư đèn tín hiệu giao thông gần Kim Tín) đến đầu cầu Sông Hiến Toàn bộ vị trí mặt tiền của đường xung quanh chợ Trung tâm.	28.800	21.600	16.200	11.340
2	Đường loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba Công ty Cổ phần Xây lắp Cao Bằng theo hướng bờ sông, rẽ phải chạy qua gầm cầu Bằng Giang đến hết phố Thầu;	19.652	14.739	11.054	7.738

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ phố Thầu (đối diện với trụ sở Đoàn nghệ thuật), theo phố Kim Đồng đến hết địa giới hành chính (tiếp giáp với phường Tân Giang); Đoạn đường từ ngã ba giao cắt giữa đường Kim Đồng với đường Nguyễn Du (khu vực đèn tín hiệu giao thông gần Điện máy xanh) đến ngã tư giao cắt giữa đường Nguyễn Du với đường Hoàng Như Đoạn đường từ ngã tư giao cắt giữa đường Hoàng Như với đường Đàm Quang Trung chạy theo phố Đàm Quang Trung đến cổng trụ sở UBND thành phố, rẽ phải theo phố Hoàng Văn Thụ đến ngã tư giao cắt giữa đường với Xuân Trường (ngã tư đèn tín hiệu giao thông, gần Công ty Sách và Thiết bị trường học), rẽ phải theo phố Xuân Trường đến ngã ba giao cắt phố Kim Đồng (đoạn chợ Xanh) Đoạn đường từ ngã ba Công ty Cổ phần Xây lắp, theo phố Vườn Cam đến đường rẽ vào ngõ 111- tổ 23; Toàn bộ đường phố Hoàng Như; Toàn bộ đường phố Hồng Việt (trừ đoạn qua chợ Trung tâm)	19.652	14.739	11.054	7.738
3	Đường loại III				
	Đoạn đường từ ngõ 111- tổ 23 chạy dọc hết phố Vườn Cam (cổng Sân vận động);				
	Toàn bộ đường phố Lý Tự Trọng;				
	Đoạn đường từ ngã ba phố Bế Văn Đàn và phố Lý Tự Trọng, theo phố Bế Văn Đàn đến ngã tư gặp phố Nguyễn Du;				
	Đoạn đường từ cổng Ủy ban nhân dân thành phố, dọc theo phố Đàm Quang Trung đến ngã ba gặp đường phố Cũ;				
	Đoạn đường từ ngã tư giao cắt giữa đường Xuân Trường với đường Hoàng Văn Thụ (ngã tư đèn tín hiệu giao thông, gần Công ty Sách và Thiết bị trường học) đến ngã 3 giao cắt giữa đường Xuân Trường với đường Hiền Giang (đoạn đầu cầu ngầm cũ)	13.363	10.022	7.517	5.262
	Đoạn đường từ ngã tư giao cắt giữa đường Xuân Trường với đường Hoàng Văn Thụ (ngã tư đèn tín hiệu giao thông, gần Công ty Sách và Thiết bị trường học) đến ngã 3 gặp phố Bằng Giang, rẽ phải đến ngã 3 chợ Xanh (lối rẽ xuống bên sông Bằng Giang)				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư đường phố Hoàng Như và Nguyễn Du, chạy theo phố Nguyễn Du đến ngã ba gặp đường Phố Cũ, rẽ phải đến hết Phố Cũ;	13.363	10.022	7.517	5.262
	Đoạn đường từ ngã tư đầu cầu Sông Hiến, dọc theo phố Hiến Giang đến ngõ 120 Hiến Giang (sau nhà tập thể 3 tầng A2 Nước Giáp).				
4	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ ngõ 120 Hiến Giang (sau nhà tập thể 3 tầng A2 Nước Giáp), dọc theo phố Nước Giáp đến ngã ba gặp phố Hoàng Văn Thụ;	9.654	7.241	5.431	3.801
	Đoạn đường từ ngã tư đường phố Nguyễn Du và Bể Văn Đàn, chạy theo phố Bể Văn Đàn đến ngã ba chân dốc Hợp Thành cũ, rẽ phải sang đường phố Cũ đến ngã ba gặp phố Nguyễn Du;				
	Đoạn đường tránh Sân vận động				
5	Đường loại V				
	Từ ngã ba chân dốc Hợp Thành cũ, theo phố Bể Văn Đàn đến mốc địa giới hành chính giữa phường Hợp Giang và Tân Giang.	6.976	5.232	3.924	2.747
II	Phường Tân Giang				
1	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ lối rẽ xuống chợ Tân Giang, theo đường Đông Khê đến hết nhà Bưu cục số 3	9.654	7.241	5.431	3.801
2	Đường loại V				
	Đoạn đường từ mốc địa giới hành chính phường Hợp Giang và Tân Giang chạy theo đường Đông Khê đến lối rẽ xuống chợ Tân Giang;	6.976	5.232	3.924	2.747
	Đoạn đường từ nhà Bưu cục số 3, theo đường Đông Khê đến cầu Khau Pòn và trường Mầm non Tân Giang				
3	Đường loại VI				
	Đoạn đường từ mốc địa giới giữa phường Tân Giang và Hợp Giang (phía công phụ Rạp hát ngoài trời) theo đường Tân An đến ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh.	5.040	3.780	2.835	1.985
4	Đường loại VII				
	Đoạn đường từ cầu Khau Pòn và trường mầm non Tân Giang theo đường Đông Khê đến hết địa giới hành chính phường Tân Giang (cầu Sóc Lọc) giáp với phường Duyệt Trung.	3.642	2.731	2.048	1.434
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường vào khu dân cư thủy lợi và bệnh viện Y học cổ truyền đến ngã ba gặp đường Đông Khê				
5	Đường loại VIII				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường lên Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng qua cổng Công ty Thủy Nông đến khu dân cư D44	2.630	1.973	1.480	1.036
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường đi Tân an đến hết địa giới phường Tân Giang giáp với phường Hòa Chung				
	Đoạn đường từ ngã ba đền Ngọc Thanh theo đường vào Khuổi Tít đến ngã ba đường rẽ sang khu dân cư tổ 9				
6	Đường loại IX				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Công ty Thủy nông theo đường sang mỏ muối đến ngã 3 mỏ muối rẽ sang đường đi địa chất đến hết địa giới phường Tân Giang giáp với phường Hòa Chung	1.901	1.426	1.069	748
	Đoạn đường từ ngã 3 rẽ sang khu dân cư tổ 9 tới ngã 3 đường vào nhà văn hóa tổ 10 và đường sang khu mỏ muối				
	Đoạn đường từ đường Đông Khê rẽ vào khu phố văn hoá Tân Bình 1 đến hết khu dân cư Xí nghiệp Dục;				
7	Đường loại X				
	Đoạn đường từ đường Đông Khê rẽ lên đồi Mát đến trường tiểu học Tân Giang	1.373	1.030	772	541
	Đoạn đường từ ngã 3 có lối rẽ lên khu dân cư xí nghiệp dục theo đường vào khu Kéo Mơ thuộc tổ 14 gặp đường tránh Quốc lộ 34B				
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ muối và đường đi địa chất đến ngã ba đường rẽ vào Nhà văn hóa tổ 10				
	Đoạn đường từ ngã 3 mỏ muối và đường đi địa chất rẽ vào khu 2 mỏ muối đến hết địa giới phường Tân Giang giáp với phường Hòa Chung.				
III	Phường Sông Hiến				
1	Đường loại III				
	Đoạn đường từ đầu cầu Sông Hiến theo đường Phai Khắt Nà Ngân (mới) đến hết ranh giới thửa đất quán Karaoke KTV hộ bà Nông Thị Xuân (thửa đất số 75, tờ bản đồ 66)	13.363	10.022	7.517	5.262
2	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ giáp quán Karaoke KTV theo đường Phai khắt Nà ngân (mới) đến đầu cầu Gia Cung.	9.654	7.241	5.431	3.801
	Đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m): đoạn từ đầu cầu Sông Hiến đến điểm vượt nối với đường liên tổ 13-29 hiện nay (thuộc tổ 8-16 mới sau sáp nhập tổ dân phố)	9.654	7.241	5.431	3.801
3	Đường loại V				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ lên dốc nhà Thờ (công phụ) theo đường 1-4 đến ngã ba gặp đường Thanh Sơn	6.976	5.232	3.924	2.747
	Đoạn từ Đầu cầu Gia Cung theo đường Phai Khắt Nà Ngần đến đường rẽ tổ 10-8 (gần khách sạn Huy Hoàng)				
	Đoạn đường từ đầu cầu nà Cáp theo Quốc lộ III đến hết địa giới hành chính phường Sông Hiến (tiếp giáp đường Đề Thám)				
	Đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m): đoạn từ điểm vượt nối với đường liên tổ 13-29 hiện nay (thuộc tổ 8-16 mới sau sáp nhập tổ dân phố) đến giáp địa giới phường Đề Thám.				
4	Đường loại VI				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai khắt Nà Ngần (nhà bà Hạnh (thửa đất số 29 tờ bản đồ số 93)) theo đường dốc cứu hỏa (cũ) đến điểm nối với đường Phai Khắt - Nà Ngần mới (nhà hộ ông Phạm Thế Công (thửa đất số 39, tờ bản đồ 66))	5.040	3.780	2.835	1.985
	Đoạn đường từ Ngã ba đường 1-4 và đường Thanh Sơn, theo đường 1-4 đến hết địa giới hành chính phường Sông Hiến (tiếp giáp phường Hòa Chung)				
	Đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ vào đường liên tổ 10-8 (gần Khách sạn Huy Hoàng) theo đường Phai Khắt - Nà Ngần đến hết địa giới phường Sông Hiến (giáp phường Đề Thám)				
	Đoạn đường nối từ đường Phai khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào có lối rẽ đường liên tổ 13-29 đến điểm vượt nối với đường liên tổ 13-29, giáp nhà ông Tạ văn Dương (thửa đất số 125, tờ bản đồ số 65)				
	Đoạn đường nối từ đường Phai Khắt nà Ngần rẽ theo đường vào nhà máy cơ khí (cũ) đến giáp mặt bằng tái định cư đường phía nam (khu I)				
5	Đường loại VII				
	Đoạn đường từ đường 1-4 theo đường rẽ theo đường vào khu dân cư tập thể Ủy ban nhân dân thành phố, vòng ra đến ngã ba gặp đường Thanh Sơn;	3.642	2.731	2.048	1.434
	Đoạn đường từ đường 1- 4 rẽ theo đường Thanh Sơn đến ngã ba có lối rẽ vào Trung tâm Khí tượng Thủy văn;				
	Đoạn đường từ đường 1- 4 rẽ theo đường lên dốc Nhà Thờ đến ngã ba gặp đường Thanh Sơn				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ điểm nối với đường Phai Khắt - Nà Ngần theo đường lên đến trường Tiểu học Sông Hiến I qua trung tâm khuyết tật đến ngã ba giáp điểm nối với đường Phai Khắt - Nà Ngần cũ (Nhà vắng chủ)				
	Đoạn đường từ đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào Hợp tác xã Hồng Tiến đến Ngã tư có lối rẽ đi khu dân cư tổ 12 và tổ 29				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối đường Phai Khắt - Nà Ngần rẽ theo đường vào đến hết ranh giới đất phòng khám Đa Khoa Sông Hiến				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào công ty cổ phần giao thông II (cũ) đến cổng công ty				
	Đoạn đường từ điểm nối với Quốc lộ 3 rẽ lên đường trường THCS Sông Hiến 2 đến cổng trường.				
	Đoạn đường từ tiếp giáp mặt bằng Tái định cư II rẽ theo đường nhà bia Liệt Sỹ đến cổng trường mầm non tư thục Hoa Phượng (thửa đất số 67, tờ bản đồ 49)	3.642	2.731	2.048	1.434
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt - Nà Ngần rẽ theo đường vào đến hết ranh giới Nhà nghỉ Sao Hôm (thửa đất số 11, tờ bản đồ 23)				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào mặt bằng khu dân cư xi măng đến cổng công ty cổ phần đầu tư xây dựng Giao thông I				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào trường THPT Bế Văn Đàn đến ngã ba có lối rẽ đi nhà văn hóa tổ dân phố 04				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào công ty cổ phần giao thông I đến hết khu dân cư của Công ty				
	Đoạn đường từ ngã 3 có lối rẽ vào đường liên tổ 10-8 (gần khách sạn Huy Hoàng) theo đường liên tổ 10 sang tổ 8 đến giáp mặt bằng khu tái định cư 2 Nà Cáp				
6	Đường loại VIII				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ đi Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn chạy theo đường Thanh Sơn đến ngã ba có lối rẽ vào tổ 29 (Nhà trẻ Khối 5)	2.630	1.973	1.480	1.036

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ theo đường Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề đến ngã ba có lối rẽ đi khu tập thể Ủy ban nhân dân Thị xã Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào Trung tâm giáo dục thường Xuyên đến hết ranh giới Trung tâm Giáo dục Thường Xuyên Đoạn đường từ điểm vượt nối đường Thanh Sơn rẽ theo đường liên tổ 29-13 đến ngã ba gặp đường vào Khu Cuốn (đối diện Doanh nghiệp thức ăn gia súc Như Hoàn)	2.630	1.973	1.480	1.036
7	Đường loại IX				
	Đoạn đường Thanh Sơn, từ ngã ba có điểm vượt nối đường liên tổ 13-29 (thuộc tổ 8-16 mới sau sáp nhập tổ dân phố) đến tiếp giáp trục đường 58m Đoạn đường ngã ba từ điểm có lối rẽ lên Trung tâm khí tượng Thủy Văn và lối vào Trung tâm Hướng Nghiệp Dạy Nghề qua nhà văn hóa tổ 28 đến điểm vượt nối với đường Thanh Sơn.	1.901	1.426	1.069	748
8	Đường loại X				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với trục đường 58m theo đường bãi rác Khuổi Kép đến ngã ba có lối rẽ lên bãi đổ thải	1.373	1.030	772	541
IV	Phường Sông Bằng				
1	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Bằng Giang theo đường Lê Lợi đến hết Cửa hàng Xăng dầu số 1 (đối diện là hết thửa đất nhà bà Trần Thị Oanh thửa đất số 01, tờ bản đồ số 51). Đoạn đường từ đầu cầu Nà Cạn qua ngã tư Tam Trung theo đường Pác Bó đến đường rẽ xuống nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 2+tổ 3 (đối diện là hết thửa đất nhà ông Nguyễn Đắc Thắng (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45)) Đoạn đường từ đầu cầu Nà Cạn theo đường 3-10 đến đầu cầu Hoàng Nga.	13.363	10.022	7.517	5.262
2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ đường rẽ xuống nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 2+3, theo đường Pác Pó (đối diện là hết thửa đất nhà ông Nguyễn Đắc Thắng (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45)) đến hết địa giới phường Sông Bằng Đoạn đường từ đường 3-10 theo đường vào Trung tâm Huấn luyện thể thao đến cổng Công ty Cổ phần chế biến trúc, tre xuất khẩu Cao Bằng và đoạn đường từ Trung tâm truyền hình	9.654	7.241	5.431	3.801

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cáp đến hết Trung tâm nội tiết, đoạn từ ngã ba đường (cạnh thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Ba (thửa đất số 193, tờ bản đồ số 63)) rẽ vào khu chung cư tổ 23 đến hết thửa đất nhà ông Nguyễn Anh Dũng (thửa số 20, tờ bản đồ số 68).				
	Đoạn đường từ Cửa hàng Xăng dầu số 1 (đối diện là hết thửa đất nhà bà Trần Thị Oanh thửa số 01, tờ bản đồ số 51) theo đường Lê Lợi đến ngã ba có đường rẽ lên khu dân cư tổ 6 (đối diện là hết thửa đất nhà Hoàng Ngọc Minh (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 47)).	9.654	7.241	5.431	3.801
3	Đường phố loại VI				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ lên khu dân cư tổ 6 (đối diện là hết thửa đất nhà ông Hoàng Ngọc Minh (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 47)) theo đường Lê Lợi đến hết thửa đất nhà ông Vương Diệp Văn (thửa đất số 58 tờ bản đồ số 38), đối diện là hết thửa đất nhà ông Hoàng Dương Quý(thửa đất số 31, tờ bản đồ số 38).	5.040	3.780	2.835	1.985
4	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Cạn rẽ vào khu dân cư tổ 11 + tổ 12 (xóm Đậu) đến hết thửa đất nhà bà Vũ Thị Hạnh (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 51) (đối diện là hết thửa đất nhà bà Ngân Thị Khánh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 51)).	3.642	2.731	2.048	1.434
	Đoạn đường từ đường 3-10 rẽ vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đến ngã ba có lối rẽ lên Trung tâm.				
	Đoạn đường từ ngã ba khu dân cư Nà Cạn I theo đường đi Nhà máy sản xuất bột giấy đến ngã ba có đường rẽ vào khu dân cư tổ 20 (đối diện là hết thửa đất nhà ông Bé Văn Cương (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 71)).				
	Đoạn đường rẽ từ đường 3-10 theo đường vào trụ sở của Ủy ban nhân dân phường Sông Bằng, qua nhà Sinh hoạt cộng đồng tổ 17+tổ 24 đến ngã ba gặp đường xuống bên lấy nước cứu hỏa số 3.				
	Đoạn đường từ đường 3/10 rẽ lên khu dân cư Biên phòng đến ngã ba rẽ xuống khu dân cư tổ 11, tổ 12 (đối diện là hết thửa đất nhà bà Đàm Thị Bằng (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 51))				
	Đoạn đường từ ngã ba Khách sạn Thành Đạt đi theo đường dân cư tổ 19 đến ngã ba đường rẽ đi tổ 16 và tổ 20.				
	Đoạn đường từ chân dốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng đi theo đường bê tông qua đặng sau Bệnh viện đa khoa thành phố đến ngã ba cây				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	xã số 1 gặp đường Lê Lợi				
	Đoạn đường từ đường Lê Lợi rẽ lên khu dân cư tổ 6 (cạnh thửa đất nhà ông Nguyễn Thanh Bình (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 47)) đến hết thửa đất nhà bà Lục Thị Đình (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 42)	3.642	2.731	2.048	1.434
5	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào khu dân cư tổ 20 (đối diện là hết thửa đất nhà ông Bế Văn Cương (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 71)) theo đường đi Nhà máy sản xuất Bột giấy đến trạm đo lưu lượng thủy văn (đối diện là thửa đất bà La Thị Mận (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 17)).	2.630	1.973	1.480	1.036
6	Đường phố loại IX				
	Đoạn từ thửa đất nhà ông Vương Điệp Văn (thửa đất số 58, tờ bản đồ số 38), đối diện là hết thửa đất nhà ông Hoàng Dương Quý (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 38) theo đường Lê Lợi đến hết địa giới phường Sông Bằng.	1.901	1.426	1.069	748
	Đoạn đường từ ngã ba đường Lê Lợi (cạnh thửa đất nhà bà Trần Thu Hiền (thửa đất số 161 tờ bản đồ số 47)) rẽ theo đường lên khu dân cư tổ 5 đến hết UBND phường Sông Bằng (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 46).				
7	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ trạm đo lưu lượng thủy văn (đối diện là thửa đất nhà bà La Thị Mận (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 17) đến hết Nhà máy sản xuất Bột giấy	1.373	1.030	772	541
	Đoạn từ đường Pác Bó theo đường lên khu dân cư tổ 01 đến hết nhà ông Nguyễn Ngọc Lâm (thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41).				
	Đoạn đường từ đường Pác Bó theo đường vào khu dân cư tổ 01 đến hết thửa đất nhà ông Vĩnh (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 35)				
	Đoạn đường từ đường Pác Bó cạnh thửa đất nhà bà Bế Thị Sáu (thửa đất số 93 tờ bản đồ số 41) theo đường vào khu dân cư tổ 01 đến hết thửa đất nhà ông Nông Đại Phong (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41).				
V	Phường Ngọc Xuân				
1	Đường phố loại V				
	Đoạn từ giáp ranh phường Sông Bằng theo đường Pác Bó đến đầu cầu Gia Cung.	6.976	5.232	3.924	2.747
	Đoạn đường từ đầu cầu Bằng Giang mới theo đường tránh Quốc lộ 3 qua khu tái định cư số 1 (phường Ngọc Xuân) đến cầu Khuổi Đứa.				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường phố loại VI				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ ngã ba Gia Cung theo đường Pác Bó đến đường tròn Ngọc Xuân.				
	Đường tránh Quốc lộ 3, đoạn đường từ bờ suối Khuổi Đưa theo đường tránh Quốc lộ 3 đến gần Công ty Quang Trung.	5.040	3.780	2.835	1.985
3	Đường phố loại VII				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó (Siêu thị Ngọc Xuân) theo đường đi Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng đến nhà ông Lê Hồng Hải tổ 05 (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 47) ngã ba khu tái định cư số I (phường Ngọc Xuân).	3.642	2.731	2.048	1.434
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn từ đường tròn Ngọc Xuân đến ngã ba có lối rẽ xuống đường cầu Ngâm cũ.				
4	Đường phố loại VIII				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó rẽ vào đường khu dân cư tổ 15,16, 17 đến ngã ba có đường rẽ vào Trường Tiểu học Ngọc Xuân.				
	Đường tránh Quốc lộ 3, đoạn từ thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18 (đất của nhà ông Nông Nghĩa Phương tổ 7) theo đường tránh Quốc lộ 3 đến hết địa phận phường Ngọc Xuân	2.630	1.973	1.480	1.036
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó rẽ theo đường vào khu dân cư tổ 10, chạy qua khu dân cư tổ 10, ra đến đầu cầu Gia Cung.				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ xuống cầu Ngâm cũ, theo đường tỉnh lộ 203 đến ngã ba có đường rẽ vào xưởng tuyển quặng của Công ty Măng gan.				
5	Đường phố loại IX				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường từ ngã ba đường đi vào Công ty Măng gan, theo đường tỉnh lộ 203 đến hết địa giới phường Ngọc Xuân.				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn từ tỉnh lộ 203 đến ngã ba rẽ xuống đường bê tông Cầu Ngâm cũ đến ngã tư				
	Đường tránh quốc lộ 3, Đoạn đường từ đường tránh QL 3 rẽ lên khu Gia Bình (tổ 6) đến ngã ba	1.901	1.426	1.069	748
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào trường tiểu học Ngọc Xuân theo đường tổ 7 nối vào đường tránh quốc lộ 3				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Chi cục Bảo vệ thực vật đến ngã ba nhà văn hóa cạnh đất của ông Trần Đức Ái (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 70) (tổ 16)				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường Pác Bó, đoạn từ đường Pác Bó rẽ vào khu dân cư cạnh đất của nhà ông La Hoàng Thông (thửa đất số 140, tờ bản đồ số 70) (tổ 14)	1.901	1.426	1.069	748
	Đường Pác Bó, đoạn từ đường ngã ba Siêu Thị Ngọc Xuân rẽ vào khu dân cư cạnh đất nhà bà Hoàng Thị Lăng (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 69) (tổ 12)				
6	Đường phố loại X				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường có lối rẽ vào Công ty Mangan và khu dân cư tổ 4	1.373	1.030	772	541
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ xuống đường khu dân cư và đường nội đồng Nà Đổng				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ xuống đường khu dân cư và đường nội đồng Nà Lành				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ khu dân cư tổ 2 đến ngã ba bể nước sạch tổ 2				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ khu dân cư tổ 1 đến hết đường bê tông rộng 2,5 m				
	Đường tỉnh lộ 203 đoạn đường rẽ vào khu Nà Nhòm				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ vào đường khu dân cư tổ 1 (Nà Cói)				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ vào khu dân cư tổ 1 (Nà Lầm), đến Trạm bảo vệ thực vật				
VI	Phường Đề Thám				
1	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Bản Lầy (tại tổ 3) theo Quốc lộ 3 cũ đến ngã ba có đường rẽ vào tuyến đường E (tại tổ 11 - Tổ 7 sau sáp nhập).	6.976	5.232	3.924	2.747
	Đoạn từ ranh giới giữa phường Đề Thám – Sông Hiến theo đường tránh quốc lộ 3 đến ngã ba có đường rẽ sang đường Hồ Chí Minh (tại tổ 19 - Tổ 11 sau sáp nhập)				
	Đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m) thuộc địa bàn phường Đề Thám (từ giáp tổ 32 phường sông Hiến đến giáp xã Hưng Đạo)				
	Đoạn đường từ Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Cao Bằng theo trục đường trước mặt trung tâm hội nghị tỉnh đến tiếp giáp khu tái định cư khu đô thị mới Đề Thám.				
2	Đường phố loại VI				
	Đoạn đường từ địa giới hành chính giữa phường Đề Thám và phường Sông Hiến, theo Quốc lộ 3 đến ngã ba có đường rẽ vào Bản Lầy.	5.040	3.780	2.835	1.985

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ Quốc lộ 3 cũ theo đường vào chợ trung tâm Km5 đến gặp đường tránh Quốc lộ 3 Đoạn đường có đường rẽ xuống đường Hồ Chí Minh theo đường tránh Quốc Lộ 3 đến hết địa giới hành chính phường Đề Thám (tiếp giáp xã Hưng Đạo). Đoạn đường từ đường tránh QL3 rẽ vào theo trục đường chính Tái định cư khu đô thị mới Đề Thám đến đoạn tiếp giáp với đường 58m (Giáp tổ 32 phường Sông Hiến) và đoạn đường nối tiếp giáp với đường qua trung tâm hành chính tỉnh.	5.040	3.780	2.835	1.985
3	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3, rẽ theo đường vào Trường Cao đẳng Sư phạm đến cổng trường. Đoạn đường từ Quốc lộ 3, rẽ theo đường vào đến cổng Công ty Cổ phần Giống cây trồng Cao Bằng (Tổ 8 - Tổ 6 sau sáp nhập). Đoạn đường Hồ Chí Minh qua địa phận phường Đề Thám (Từ đường tròn KM5 đến cầu Sông Mãng) và đường nối từ đường tránh QL3 rẽ sang đến đường Hồ Chí Minh Đoạn đường rẽ tuyến E theo quốc lộ 3 cũ đến cầu Nà Tanh (hết địa phận phường Đề Thám)	3.642	2.731	2.048	1.434
4	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến hết Trung tâm Giáo dục thường xuyên. Đoạn từ ngã ba Km5 đường QL3 cũ theo đường đi Sông Mãng đến ngã ba có đường rẽ tại cổng làng Nà Toàn (Đến đường rẽ vào tổ 13 - Tổ 8 sau sáp nhập). Đoạn đường từ Quốc lộ 3 cũ rẽ vào Bản Lầy (Tổ 6) theo trục tính tuyến đường LIA ra đến ngã ba gặp đường Quốc lộ 3 cũ (nhà ông Bằng) Đường trong khu đất phân lô CN6 (Khu đất lò luyện gang) Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào Trường Nội trú tỉnh đến gặp đường tránh Quốc lộ 3. Đoạn từ đường Quốc lộ 3 rẽ vào Bản Mới đến đường tránh Quốc lộ 3. Đoạn đường từ ngã ba QL3 cũ tại tổ 20 (Tổ 12 sau sáp nhập) theo đường đi vào tổ 22 đến gặp tiếp giáp đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m).	2.630	1.973	1.480	1.036

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5	Đường phố loại IX				
	Đoạn từ ngã ba công làng Nà Toàn (Tổ 13) theo đường đi Sông Mãng đến ngã ba có đường rẽ ra đường Hồ Chí Minh (Tổ 15 - Tổ 8 sau sáp nhập).	1.901	1.426	1.069	748
	Đoạn đường từ đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m) theo đường vào khu Công nghiệp Đề Thám đến Cầu bê tông bắc qua suối Khau Rọc (Tổ 23 - Tổ 12 sau sáp nhập).				
	Đoạn đường từ đường 58m theo đường vào đến cổng kho Hậu cần KM7 thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng (Tổ 22 - Tổ 12 sau sáp nhập).				
6	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ Cầu bê tông bắc qua suối Khau Rọc (Tổ 23 - Tổ 12 sau sáp nhập) đi theo đường vào đến khu tái định cư Cụm Công nghiệp Đề Thám.	1.373	1.030	772	541
	Đoạn đường từ đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m) theo đường đi bãi rác Khuổi Kép đến ngã ba có 1 đường rẽ lên bãi đổ thải và 1 đường rẽ đi vào xã Bạch Đằng				
	Đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ ra đường Hồ Chí Minh theo đường Sông Mãng đến đầu cầu treo Sông Mãng cũ (Tổ 17 - Tổ 9 sau sáp nhập).				
VII	Phường Hòa Chung				
1	Đường phố loại VI				
	Đoạn đường từ ranh giới phường Sông Hiến và phường Hoà Chung, theo đường 1- 4 đến cổng trường Chính trị Hoàng Đình Giông.	5.040	3.780	2.835	1.985
2	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ cổng Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, theo đường 1- 4 đến cổng Trường Trung học phổ thông Chuyên.	3.642	2.731	2.048	1.536
	Đoạn từ cổng trường chính trị Hoàng Đình Giông theo đường đi Nà Lắc đến ngã ba gặp đường Nà Chường- Nà Lắc.				
	Đoạn đường từ đường 1- 4, rẽ theo đường vào Trường Tiểu học Hoà Chung đến ngã ba đường Nà Lắc rẽ lên Trường chính trị Hoàng Đình Giông.				
3	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường Nà Chường - Nà Lắc từ ngã ba đường Nà Lắc rẽ lên Trường Chính trị Hoàng Đình Giông đến đầu cầu Tân An.	2.630	1.973	1.480	1.036

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba địa giới hành chính giữa phường Tân Giang và phường Hòa Chung theo đường Tân An đến đường nối quốc lộ 3 - 4A và nhánh đến đầu cầu Tân An	2.630	1.973	1.480	1.036
	Đoạn từ ngã ba địa giới phường Tân Giang và phường Hòa Chung, theo đường đi Canh Tân - Minh Khai đến ngã ba có đường rẽ đi làng Nà Rựa.				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Trường THPT chuyên, theo đường vào Trại tạm giam thuộc Công an thành phố đến hết nhà ông Nông Hồng Đại (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 32) và nhánh rẽ xuống đường đi cầu Tân An.				
	Đoạn đường từ ngã ba đường 1-4 rẽ theo đường 4B2 (đường đi tổ 7 cũ) đến hết nhà ông Lương Minh Thảm (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25)				
4	Đường phố loại IX				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Trại tạm giam Công an thành phố, theo đường Nà Hoàng đến hết nhà bà Bé Thị Hào (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32)	1.901	1.426	1.069	748
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Hồng Đại (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 32) theo đường lên Trại giam giữ thuộc Công an thành phố đến tiếp giáp nhà ông Lương Minh Thảm (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25)				
5	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà bà Bé Thị Hào (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) đi theo đường vào khu dân cư Thủy lợi (thuộc tổ 6 cũ) đến hết khu đất quy hoạch khu dân cư Thủy lợi (giáp tổ 9 cũ)	1.373	1.030	772	541
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ đi Nà Rựa đi theo đường Canh Tân, Minh Khai đến nhà văn hóa tổ 10				
	Trục đường chính trong khu dân cư Nà Gà				
	Đoạn từ đầu cầu treo Nà Hoàng đến ngã ba đường rẽ trạm bơm Nà Hoàng				
	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi Nà Rựa đến hết nhà ông Hoàng Võ Thạch (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12)				
VIII	Phường Duyệt Trung				
1	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ mốc địa giới hành chính giữa phường Duyệt Trung và phường Tân Giang, theo đường Đông Khê đến ngã ba có đường rẽ vào Trại giam Khuổi Tào.	3.642	2.731	2.048	1.434

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Trại giam Khuổi Tào, theo đường Đông Khê đến đường rẽ vào mỏ quặng sắt Nà Lũng.	2.630	1.973	1.480	1.036
3	Đường phố loại IX				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ vào mỏ quặng sắt Nà Lũng, theo đường Đông Khê đến ngã ba rẽ vào trụ sở làm việc Công an phường Duyệt Trung.	1.901	1.426	1.069	748
4	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào trụ sở làm việc Công an phường Duyệt Trung theo đường Đông Khê đến hết địa giới phường Duyệt Trung	1.373	1.030	772	541
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ vào mỏ quặng sắt Nà Lũng theo đường vào mỏ Quặng Sắt đến hết ngã ba rẽ vào làng Bản Cái cũ				